

Indoch.

831

TÂN VĂN HÓA



LÊ THÁNH TÔNG

(1442 - 1497)

Chu Thiên

biên soạn

1943 | PDF | 256 Pages
buihuuhanh@gmail.com



TẠP CHÍ VĂN MỚI

Tập Mới số 22 và 23 — 25 Novembre

1943

HAN THUYEN

831

Ra ngày 25-11-43 — TẬP MỚI SỐ XXII và XXIII

VĂN MỚI

TẠP CHÍ PHỔ - THÔNG GIÁO DỤC

MỖI THÁNG RA HAI KỶ

Chủ nhiệm :

NG. XUÂN LƯƠNG.

Chủ bút :

NGUYỄN ĐỨC QUYNH

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

14 bis, Rue Rondony — HANOI

Mỗi số đăng trọn một thiên khảo cứu hoặc cáo luận về một vấn đề khoa học, văn học, triết học, sử học, xã hội học...

Số này đăng :

LÊ THÁNH TÔNG

(1442 - 1497)

Tác giả : **CHU THIÊN**

Autorisé (publication
créée antérieurement à la
loi du 13 Décembre 1941)

HOANG GIAO XUAN TAT

VĂN MỸ

TAT CHI THOANG

THAT THANG

THAT

THAT THANG

THAT THANG

THAT THANG

THAT THANG

THAT THANG

THAT THANG

LE THANH TONG

(1942-1947)

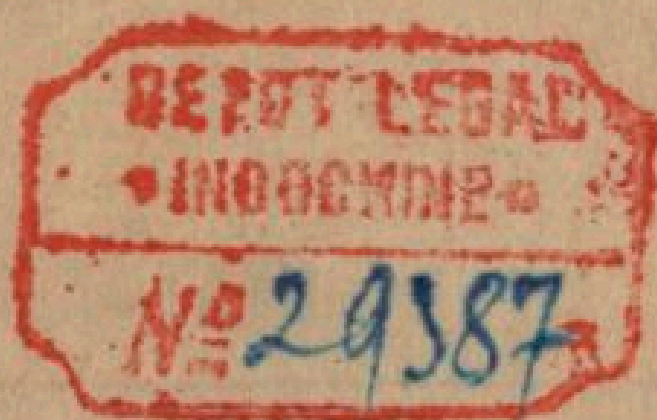
THAT THANG

THAT THANG

THAT THANG

THAT THANG

TÂN VĂN HÓA

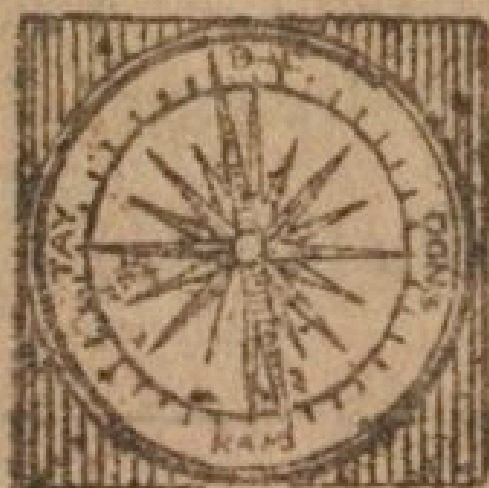


LÊ THÁNH TÔNG

(1442 - 1497)

Chu Thiên

biên soạn



TẠP CHÍ VĂN MỚI

Tập mới số 22 và 23 — 25 Novembre

1943

HÀN THUYỀN

16° Indoch.

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Đã xuất bản

- Bút Nghiên (Hàn-Thuyên)
- Nhà Pho (Hào-Quang)
- Lê Thánh Tông (Hàn-Thuyên)

Sắp xuất bản

- Hồ Quý-Lý (nghiên cứu)
- Mọt tú Tân (tiểu thuyết)
- Khí tiết (nghiên cứu)
- Biến đổi (tiểu thuyết)

Cải chính

Trang	giòng	In nhầm	xin đọc là
30	21	minh tiết	minh triết
48	6	gắn tang	ngắn tang
49	4	hải minh	bãi minh
52	12	hâm hỹ	hàm hỷ
53	1	vi dĩ	vị dĩ
—	17	chính chi	chính-trị chi
—	23	ngành	uy hành
59	2	thần ; được	thần ; đắp nhà
			bên đường, được
106	3	1 đôi	ngân trức 1 đôi
130	7	Thì chậy	Trì chậy
150	4	Trăm tiền	Trăm-tiêm
151	4	Ngọc dăng	Ngọc dăng
—	6	ung hậu	ủng hậu
152	12	Đại nhân	Tại nhân
154	7	văn minh	răn minh
156	2	tôi cam	ti-ô cam
183	19	gây núl	gây vui
207	15	Lương ạn Thư	Lưu Ngạn Thư
215	4	cơn đông	cơn dâm

1943

25-12-43, sẽ phát hành :

CÂN ĐÔNG CỔ SỬ

của

NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Tựa

Lấy năm mà kể, triều-dại vua Lê Thánh-Tông cũng đự được vào bậc dài nhất trên lịch-sử nước nhà.

Nhưng nói đến thịnh-trị, thì không một triều đại nào bì kịp. Phương-chi trong triều-dại lâu dài thịnh-trị ấy, lại còn có những vẻ sáng ngời đặc-biệt mà những người trước ta đã hằng ca-tụng, và những người sau ta sẽ còn phải nói đến nhiều nữa.

Một triều-dại độc-nhất như thế không thể đột-nhiên hiện ra trên lịch-sử. Nó

phải có cái mầm gây dựng và cái có biến
đổi của nó.

Nghiên-cứu ra cái mầm gây dựng
và cái lẽ biến-thiên ấy là điều mong-mỏi
của người viết pho bày trong tập sách
nhỏ này.

Cái điều mong-mỏi đó mà đạt được
một vài phần cũng đã là may-mắn cho
người viết lắm rồi. Và quyển sách cũng
nhờ thế không đến nỗi vô-ích vậy.

Hanoi, ngày 4-10-1943.

CHU - THIÊN

CHƯƠNG I

Thân-thể và gia-đình.

Vua Thánh-tông nhà Lê, tên húy là Tư-Thành 思誠, lại có tên là Hiệu 灝. Ngài là con thứ tư và út vua Thái-tông, em Lạng-Son-vương Nghi - Dân, Cung - vương Khắc-Xương và Vua Nhân-Tông Bang - cơ. Ngài sinh vào giờ Sửu, ngày Mậu-tí, hai mươi tháng bảy, năm Nhâm-Tuất, niên-hiệu Đại-Bảo thứ ba, tức là năm 1442 Tây lịch. Mẹ là bà Tiệp-Dư Ngô thị Ngọc-Giao, con gái Ngô-Từ theo vua Thái-tổ có công đánh quân Tàu được phong chức Thái-bảo, người làng Động bản, huyện An-định lộ Thanh - hóa. Về nơi sinh của ngài, mỗi sách chép một

khác. Trong Khâm định Việt sử Cương mục, chép để ngai ở cung Khánh-phương là nơi Vua Thánh-tông dành riêng cho bà Ngô thị Ngọc-Giao khi được sách phong làm Tiệp-dur. Sách Lê-kỷ Tục-biên đã - sử chép dài hơn như sau này :

« Xưa bà Tiệp-Dur cầu tự mơ thấy đức Thượng-đế sai một tiên - đồng xuống làm con bà, và cho làm vua nước Nam. Tiên đồng chê nước Nam nhỏ không chịu đi. Thượng đế bảo cho thêm đất Chiêm - thành nữa. Tiên đồng cũng vẫn không chịu đi. Thượng đế giận, cầm cái chốt ngọc đánh vào trán Tiên đồng chảy máu ra. Rồi bà có mang, mười hai tháng chưa đẻ. Vua Thái-tông giận sai chửi ra ngoài vườn hoa, giương cung ngắm thẳng bụng toan bắn. May gặp được anh họ vua là Lê-Khang (1) can thôi. Vua bèn cho giam bà vào chuồng ngựa. Đêm hôm ấy, giới tự nhiên gió mưa sấm chớp, giữa lúc bà Tiệp-Dur đẻ ra vua Thánh-tông, trên trán có vết ngấn như trong mộng đã thấy. Vua Thái-tông vẫn ghét không cho ở trong cung. . . »

(1) Con út Lê-Trữ, anh ruột vua Thái-Tổ.

Quyền *Phạm-thị-Phả* dẫn ở đầu bộ *Ưc trai thi tập*-lại chép khác ;

« Xưa vua Thái-tông lên ngôi. Ông Nguyễn Trãi lại phải tham-dự Triều chính...

«... Gặp lúc bà Tiệp-Dur Ngô thị Ngọc Giao có mang mơ thấy Kim-tiên-đồng giáng-sinh. Tin ấy truyền ra, bà Tuyên-từ Thái-hậu (mẹ vua Nhân-tông) càng thêm oán ghét, bèn nhân cái việc Lê-Ngân nuôi cô đồng trong nhà thờ Phật Quan-Âm để cầu cho con gái là Huệ-phi (1) được yêu, làm tội lấy cả đến bà Tiệp-Dur phải tội lưu. Ông Nguyễn Trãi suì vợ lẽ là Thị-Lộ (2) tâu xin thu giam. Vua theo, hạ chỉ cho ra ở chùa Huy-Văn. Ông sai người chăm nom tử tế, đầy tháng sinh ra Tư-Thành (tức vua Thánh-tông)...»

Trong *Hoàng-Lê Ngọc-Phả* và trong bài bia *Chiêu-Lăng* (3) của *Thán-Nhân-Trung* và các sách khác đều có nói đến truyện mơ thấy Thượng-đế cho tiên đồng, nhưng đều không nói đến nơi sinh.

(1) Về việc này, Huệ-phi bị giáng làm Chiêu-nghi cô đồng Nguyễn thị bị lưu đi viễn-chu,

(2) Thị Lộ lúc ấy được tin dùng ở trong cung.

(3) Lăng Vua Thánh tông.

Trong *Hoàng-Việt Địa-dư chí*, sách in khoảng triều Minh-mạng (1821-1840), chương *Hà-nội*, mục *Linh-từ tự-quán*, có một đoạn chép :

« Chùa Dục-Khánh, ở thôn Huy-văn, huyện Thọ-xương. Đời truyền bà Quang-Thục hoàng-thái-hậu triều Lê để nuôi vua Thánh-tông ở đấy. Sau ở nhờ đất ấy làm chùa, bên phải chùa làm điện Huy-Văn để phụng tự bà Quang-Thục hoàng-hậu. Lê triều Lê đặt chức *Huy - văn điện tự - thừa* và chức *Tri-sự* để trông coi việc thờ phụng ».

Nhân theo đấy, chúng tôi đã thân đến chùa Dục-Khánh này kiểm thêm tài-liệu.

Chùa Dục-Khánh hay là chùa Huy-Văn hiện nay ở làng Văn-chương, thuộc đại-lý Hà-nội. Từ con đường Hàng Bọt chạy dài (Sœur Antoine Prolongée) đi vào có hai lối. Một lối do ngõ Văn-chương đi đến cái cầu gạch cổ, rẽ vào tay phải là cổng sau chùa. Một lối từ số nhà 59 rẽ theo con đường nhỏ lát gạch vào đến tận cửa chùa. Chùa trông hướng Nam. Toà ngoài cùng là đền thờ Vua Thánh-tông và bà Thái-hậu, trong có tượng thờ rất to đẹp và một bức hoành sơn son

với bốn chữ đại tự thiếp vàng « *Đế vương
hữu chân* ». Đằng sau đền cách một cái
sân, đến chùa thờ Phật, có hai bài vị thờ
Vua Thái-tổ Cao hoàng-đế và Vua Thần-tông
Uyên hoàng-đế, ở bên trái lại thêm một bài
vị thờ Liệt vị công-thần. Hiện ở chùa còn
3 cái bia đá. Cái cổ nhất dựng năm Kỷ-mùi,
niên-hiệu Vĩnh-trị thứ tư (1679) đời Vua Lê
Hy-tông. Theo bia này, nhân Vua Thánh-tông
đế ở đây, nên gọi chùa là *điện*, thêm hiệu
là *Dục-Khánh*, gọi gồm lại là *điện Huy-Văn*,
chùa Dục-Khánh. Trong chùa trước có tượng
và chuông thờ đức bà Thánh-mẫu, nhưng năm
Canh-dân (1639) mất chuông, năm sau mất
tượng, chuông đã mất, tượng cũng không
sòn sợ đời sau cho là hư - truyền, nên chủ-
trì chùa ấy là Doãn nhân - Thuấn mới đứng
lên quyền giáo các nhà quyền; quý lấy tiền đúc
chuông tô tượng. Ngày 16 tháng 7 năm Mậu-
ngọ, đúc xong chuông. Ngày 14 tháng giêng
năm sau, Kỷ mùi, tô thành tượng. Ngày tháng
ấy dựng bia kỷ - niệm các vị công-đức cùng
tiền. Trên bia, ta còn nhận thấy tên cha con
ông Đình-văn-Tả và các vị trong Hoàng-tộc,
trong Vương-phủ.

Bia thứ hai dựng tháng trọng-hạ năm Quý-mùi hiệu Minh-mạnh thứ tư (1823) đề ghi công cuộc trùng tu chùa này từ năm Nhâm-Ngọ đến năm Quý-mùi mới xong. Người soạn bài bia ấy là Tiến-Sĩ triều Lê, Hàn-lâm viện Hiệu-Thảo, Nhân-Khê cư sĩ hiệu Hiệu-phủ. Sau khi thuật lại nơi này là chỗ sinh thành ra Vua Thánh-tông, kể đến việc mất trộm năm Canh-dần và việc tô tượng đúc chuông trong hai năm Mậu-ngọ Kỷ-mùi, ông nói đến, vì việc binh cách luôn mấy năm, cảnh chùa đồ nát, những hoàng-tộc còn lại và dân làng mới cùng nhau gom góp và quyên tiền làm lại. Sau cùng ông kết bằng một câu cảm-động :

« Khi lạc-thành, nhờ ta làm văn. Ta là cựu-thần nhà Lê vậy. Ôi ! nghĩ lại lúc còn trẻ con ra đây chơi nhây, năm tháng bao lâu mà khiến con người ta thêm động mỗi cảm hoài kim cổ, phới-phới bùng lên, loang-loang nẩy-nở, bèn lấy bút làm bài bia này đề ghi rõ mỗi cảm cựu vậy ! »

Bia thứ ba dựng ngày 22 tháng chín năm Tự-đức thứ mười bảy (1862) của quan chức Hà-nội là Tổng-đốc Tôn-thất-Hàn, Bổ-chính

Lê-Hữu-Thanh, Án-Sát Đàng-Tá, đề ghi công
 cuộc tu sửa và mở rộng một nơi cổ-tự
 có liên-lạc với một vị đế vương triều
 trước. Quan Nguyên Đốc-Học tỉnh Biên-
 hòa là Dương đình-Cung soạn bài bia.
 Trong bài cũng thuật lại việc bà Quang-Thục
 hoàng-bậu vì liên can vào vụ Dịch-dinh Huệ-
 phi, bị câu lưu ở đây, rồi sinh ra vua Thánh-
 tông, sau nói đến việc thờ-tự. Tượng vua Lê
 nguyên trước ở chùa Khán-sơn, (trên vườn
 Bách Thảo bây giờ) từ khoảng năm Dương
 đức (1672-1673) đời vua Gia-tông đề ghi
 nhớ việc diễn võ ở Ngọc-Hà, rồi sau gặp hồi
 loạn Tây-Sơn, đem về thờ cả ở đền Huy-văn.
 Đền chùa mở-mang rộng thêm, việc thờ cúng
 vẫn theo như cũ, có thêm bớt ít nhiều cho
 thêm phần trọng-hậu và sùng kính. Trong
 chùa hiện còn treo một bức hoành đá long
 sơn có ba chữ « *Dục-khánh tự* » làm từ
 hồi ấy, với niên-hiệu đúng như trong bia.

Ngày nay dân làng Văn-Chương vẫn hằng
 năm cúng tế linh-dinh vào hai ngày sinh
 và hóa của vua Lê Thánh-tông, tức là ngày
 20 tháng bảy và 30 tháng giêng.

Tôi phải nói dài về chùa Huy-văn như vậy

là muốn đem đủ tài-liệu ra chứng-nhận rằng chính vua Thánh-tông đã đem tiếng khóc ra chào đời ở chùa này, mà sợ dĩ bị đầy ải ra ngoài nơi cung-cấm như vậy, là vì bà Tuyên-tử Hoàng-Thái hậu sợ vì Hoàng-tử ứng vào điềm tốt kia sẽ tranh mất ngôi con mình là Thái-tử Bang-cơ, mới sinh trước non một năm và vừa mới được lập xong. Thái-tử mất ngôi, tất nhiên bà sẽ mất quyền. Cũng vì sợ thế, mà ngay khi vua Thái-tông vừa thăng hà, bà liền mưu với các đại-thần Lê - Khả, Lê Khắc-Phục, Nguyễn Xý giết luôn vị lão-thần Nguyễn-Trái đì, sợ ông này sẽ làm ngăn-trở việc lập vị Vua còn bế ngửa lên ngôi. (Vua Nhân-tông lúc ấy mới chưa đầy hai tuổi). Và cũng vì vậy, nên sau này bà lại giết luôn đến bọn Trịnh-Khả, Trịnh Khắc Phục, sợ bọn này có lúc hồi tâm trở lại làm lung-lay quyền vị của bà chăng?

Vì những lẽ ấy, ta có thể tin chắc rằng vua Thánh-tông đẻ ở chùa Huy-văn, mà có đẻ ở đây, sau này, khi lên ngôi, vua mới làm chùa, đúc chuông, tô tượng và đặt quan coi việc thờ-phụng chu - đáo như vậy. Còn truyện Ngọc-hoàng thượng-đế cho tiên-dồng giáng-

sinh là một truyện hoang-đường quái-dã, có lẽ do người đương thời tô-diêm vào cho đời đức vua khác hẳn người thường. Chúng tôi dẫn ra đây cho vui câu truyện mà thôi.

Khi sinh vua Lê Thánh-tông, thì vua Thái-tông đi đông tuần, duyệt binh ở Chi-linh (như thế càng tỏ cái thuyết bảo vua Thánh-tông đẻ trong chuồng ngựa ở Lê-Kỷ tục-biên là sai hẳn sự thực.) Ngày mồng bốn tháng tám (1) ngài về đến huyện Gia-dinh (nay là Gia-lộc) vào nghỉ ở nhà ông Nguyễn-Trãi, trong vườn Lê-Chi, rồi mất ở đấy ngay đêm hôm ấy.

Vua Nhân-tông Bang cơ lên ngôi mới chưa đầy hai tuổi. Bà Tuyên-từ Hoàng Thái-hậu thân ra đủ rèm dự-chính. Năm Thái-hòa thứ ba, Vua Thánh-tông lên bốn tuổi, được phong làm Bình-nguyên-vương và được rước vào trong cung ở nhà *Phiên-đế* riêng, rồi ngày ngày cùng vua Nhân-tông và các vương-công

(1) Ở bia Mục-lăng (lăng Nhân-tông) nói vua Thái-tông mất ngày 24 tháng 8, nhưng đây chép ngày mồng 4 theo Hoàng Lê Nguyên Phả đúng hơn, bằng cứ vào ngày nánh-hình Nguyễn-Trãi mà ngày nay con cháu vẫn kỷ là 16 tháng 8.

học tập ở tòa Kinh-diên. Quan Nhập-thị Kinh-diên bấy giờ là Trần-Phong thấy ngài dung nhan đoan-chính và thông-minh hơn người, trong lòng vẫn riêng lấy làm lạ lắm. Bà Tuyên-từ Hoàng thái-hậu coi thân như con đẻ. Có lẽ lúc ấy, bà đã nắm được cả quyền-chính trong tay rồi, không sợ ai tranh cướp nữa, nên bà đối với ngài mới tử-tế và chu đáo như vậy, để tỏ cho mọi người biết lòng nhân hậu đại-độ của bà.

Nhưng luôn mấy năm giới bà giết hại công-thần, làm cho lòng người đều tự thấy nguy. Tuy từ năm đầu hiệu Diên-ninh (1454) vua Nhân-tông thân cầm quyền-chính, có sửa đổi lại chính trị, cấp ruộng cho con cháu các công-thần bị giết, nhưng lòng người vẫn chưa được yên, Lạng-sơn-Vương Nghi-Dân mới nhân đây mà mưu với bọn Phạm-Đồn, Phan-Ban, Trần Lăng và Điện-tiền chỉ-huy-sứ Lê đắc-Minh, nửa đêm bắc thang trèo qua cửa đông thành vào cung giết vua Nhân-Tông. Thị-hậu phó-chưởng là Đào Biểu chống không được bị chết. Sáng hôm sau Nghi-Dân giết cả bà Tuyên từ Hoàng thái-hậu, đi tự lập làm vua, đổi niên-hiệu là Thiên-Hưng, phong vua Thánh-Tông

làm Gia-Vương, vẫn cho ở nhà Tây-đế trong nội-điện như cũ

Năm sau, Canh thìn (1459) là đại-thần Thái-bảo, Á-quận hầu Đinh Liệt, Nguyễn-Xí, Nhập-Nội kiểm-điểm binh-chương quân quốc trọng sự - Lê-Lăng, Nhập-Nội đại Kiểm Lê-vĩnh-Trường, Xa-Kỵ vệ úy Tổng-tri Lê Niệm, Ngự - tiền hậu-quân Tổng tri Lê nhân-Thuận, Ngự-tiền trung quân Tổng tri Lê nhân Khoái, Ngự-tiền thủy quân tổng tri Trịnh văn Lệ, Bắc đạo thêm tri Trịnh-Đạc, Điện tiền Đô chỉ huy - sử Nguyễn đức - Trung với con là Thiết Đột Tả quân đại đội-trưởng Nguyễn-Yên, Điện-tiền Tư-chỉ - huy sử Lê-Yên, Lê-Giải đã mưu với nhau từ trước rằng :

— Lạng-sơn-Vương làm việc thí-nghịch, lũ chúng ta ở triều, cam tâm chịu yên thì còn mặt mũi nào thấy các bậc Tiên-đế ở dưới đất nữa !

Ngày sáu tháng sáu, cả bọn vào chầu, liền cùng quân lính đóng cửa thành lại, Lê nhân - Thuận chém Trần-Lăng, cả bọn và quân thủ túc ủa vào giết Phạm-Đồn, Phan-Ban ở nhà nghị-sự. Còn Lê đặc-Ninh và cả ngbịch - đảng hơn một trăm tên đều bị bắt

đem giết cả. Các vị đại-thần họp ở giữa điện Thị-triều, tuyên bố bỏ Lạng-sơn Vương Nghi-Dân xuống trước *Lệ - đức - hầu* lấy ý nghĩa khuyên theo đạo đức. Rồi cử Lê-Lăng bung mâm lụa trao cho Nghi-Dân bắt tự thắt cổ mà chết. Xử xong tội Nghi-Dân, triều-thần, liền bàn đến việc lập vua mới. Nguyễn-Xí, Đinh-Liệt nói :

— Đức Gia-vương Tư-Thành dung-mạo giống đức Tiên - đế, thông minh tài đức đáng giữ ngôi lớn, lũ ta nên rước lập ngài.

Quan Bình-chương quân - quốc trọng - sự Lê-Lăng không đồng-ý bàn khác :

— Vết xe trước đồ, xe sau ta nên tránh. Còn đức Cung-Vương là anh đấy, ta nên tôn anh lên ngôi báu mới phải.

Trăm quan liền theo ý, đem xa-giá lại nhà Đông-đề rước Cung-Vương Khắc - Xương là con thứ hai vua Thái Tông và bà Hoàng Phi Lê thị-Mại. Nhưng Cung Vương vốn người đạm-bạc, không ưa công-danh phú quý, lại thấy anh và em bị lụy vì ngôi cao, nên cố từ không nhận. Trăm quau lại đem xa-giá rước Gia-vương tức vua Thánh-Tông ở nhà Tây-đề

Vua Thánh-Tông vào cung. Ngày mồng tám tháng sáu, ngai lên ngôi Hoàng-đế ở điện Tường-quang, tự xưng là *Thiên-nam Đông-chủ*, lấy ngày sinh nhật, hai mươi tháng bảy làm ngày *Sùng-thiên Thánh-tiết*. Ngai đổi niên hiệu là Quang-Thuận, đại xá thiên hạ, nhưng vẫn nhún - nhường, chưa dám xưng *trẫm* và *Hoàng-thượng chể*, cáo, mãi đến năm Quang-thuận thứ tám, mới công nhiên tỏ những danh từ ấy ra lời nói và các giấy tờ.

Ngày mồng mười Ất-mão, ngai làm lễ phát tang vua Nhân-Tông và bà Tuyên-từ Hoàng thái Hậu, truy tặng Đào Biền chức Thị-bộ Chánh-trưởng, trật tòng lục phẩm ; cấp cho ruộng tự-diễn năm mẫu, con giai được bổ vào chức Mậu-lâm tá-lang, để tiêu biểu người trung nghĩa. Ngày 26, Tân - mùi, tế cáo lên nhà Thái miếu ngày 28, dâng Kim-sách thụy vua Nhân - Tông là *Khâm-Văn-Nhân-hiểu Minh - Thông Tuyên Hoàng đế*, thụy bà Thái hậu là *Tuyên-Từ Nhân-ý Chiêu-túc Hoàng Thái hậu*.

Sang đầu tháng bảy, vua Thánh Tông, nghĩ đến tìm người thực - nữ để chính

vị trong cung, bèn hạ-chỉ kén con gái các quan vào cung lựa chọn. Con gái thứ hai quan Điện - tiền Đô chỉ-huy-sứ Nguyễn đức-Trung (1), vị công thần ngày sáu tháng sáu, là Nguyễn thị Ngọc - Huyền được kén đầu, phong chức Sung - nghi, ở riêng cung Vĩnh-Ninh, năm sau đẻ ra Hoàng trưởng-tử Tảng tức là vua Hiến-tông sau này.

Tháng mười, ngài định công thưởng trước cho các công thần *Trung-hưng* ngày sáu tháng sáu, phong Thái - bảo Á - quận hầu Nguyễn-Xý là Thái-Sư Quý-quận công, ăn lộc phủ Quý-châu, Thái-bảo Á-quận hầu Đinh Liệt là Thái-Sư Lân-quận công ăn lộc ấp phủ Trà-lân ; Đinh thượng hầu Lê-Niệm là Kỳ quận công ăn lộc ấp phủ Kỳ - sơn. Còn những vị khác được liệt theo thứ-tự : Lê Nhân-Thuận xưng nghĩa, lại chém được giặc Trần-Lãng, công bậc nhất ; Trịnh-Đạc, Nguyễn-đức-Trung với con Nguyễn-Yên, Lê Bộ, Lê Vĩnh-Trường, Lê Giải công thứ nhì ; Lê Bảo. Lê Quyết-Trung, Lê Nhân-Quý, Lê Lật, tất cả 49 người đều dự mưu, công

(1) Người làng Gia-miêu huyện Tống Sơn, là tăng tổ ông Nguyễn-Kim, tổ nhà Nguyễn bây giờ.

thứ ba ; Nguyễn Trọ, Nguyễn-Ngôn. Lê-Lộ sáu người công thứ tư.

Riêng Lê-Lăng được đặc-biệt gia chức Thái bảo, Lê-Thọ-Vực chức Tả Đô-đốc, Lê - Lỗi chức Hữu Đô-đốc, tôn-thất Lê - Khang tước Văn-chấn hầu.

Ngài lại cấp ruộng công-thần thế-nghiep nữa : Nguyễn-Xí, Đinh-Liệt mỗi người 350 mẫu, Lê-Lăng 300 mẫu, Lê-Niệm 200 mẫu, Lê Nhân Thuận 150 mẫu, Lê Thọ Vực, Nguyễn Sư-Hồi (chức Tả Đô - đốc, con Nguyễn-Xí) Lê Nhân - Khoái mỗi người 130 mẫu, Trịnh văn Lệ với 21 người nữa, mỗi người 100 mẫu.

Ngày Bính-ngọ, 24 tháng 10, ngài cho chiêu hồn đưa vua Nhân-tông về chôn ở Lam Sơn, bên tả Vĩnh lăng (1) gọi là Mục-lăng.

Còn ngoài ra những chính-sự ngài thi-thố đều có quan-hệ đến quốc gia, lịch-sử ta sẽ lần lượt bàn đến ở những chương sau. Ở đây chúng tôi chỉ kể thêm mấy việc riêng nữa của ngài.

Tháng tám năm quang-Thuận thứ hai, ngài

(1) Lăng vua Thái-tổ.

hạ lệnh giết quan Thái-ủy công - thần Lê-Lăng. Lê-Lăng là một vị võ - tướng, tính cương-trực, hay nói thẳng, không xu - nịnh bè đảng ai, gia-dĩ khi trước lại bàn rước lập Cung-Vương nên ngài vẫn đề ý. Đến khi ấy, có người dèm tâu Lăng có dị-mưu, ngài nhân dịp sai giết luôn.

Tuy vậy, ngài vẫn nhớ ơn, những người có công. Như trên kia đã dẫn, nhờ có ông Nguyễn-Trãi bảo Thị-Lộ tâu xin thu - giam, nếu bà Ngô Tiệp-Dư, tức Quang Thục hoàng Thái-hậu mới được ở chùa Huy-Văn. Thị Lộ lại có công bảo bà đi chốn, khi biết bà Tuyên-từ Hoàng Thái-hậu thực hại bà. Biết rằng vì mình mà gia đình ông Nguyễn-Trãi bị thảm họa, — do bà Tuyên-từ báo thù cho hả giận — nên đến khi yên-lành, bà Tiệp-Dư từ An-bang về, đem mọi việc nói rõ với vua Thánh - tông. Khi lên ngôi, ngài liền hạ chiếu minh oan cho Nguyễn - Trãi và tìm con cháu lục dụng. Mãi đến năm Thuận-thiên thứ năm, Quý-Mão, mùa thu tháng bảy, con vợ lẽ ông là Anh-Vũ mới dám ra nhận, do chân Hương-cống được bổ Tri-châu Phụ châu, rồi thăng đến chức Tham-chính. Sau

ngài lại nạp một người con gái ông làm Cung-Phí.

Về cuộc tình-duyên ấy, còn truyền lại một điều lạ này :

« Nguyên khi bà Ngô Thái-hậu mơ thấy Thượng đế sai tiên-dồng giáng sinh, tiên-dồng xin lương-phối (1) cho có bạn, Thượng-đế chỉ ngọc-nữ, đứng bên bình-phong mà bảo :

« — Để cho mày đấy !

« Ngọc-nữ cười không nói :

« Xưa kia ông Nguyễn-Trãi có một người con gái vì tội cha phải sung làm quan-tỳ (con hầu của nhà nước) thuộc vào con bát ở giáo - phường, tuổi vừa đôi chín, nhan sắc rất đẹp, nhưng câm không nói. Có một hôm, theo chúng bạn vào chầu, ngồi gõ nhịp cho các bạn hát. Mọi cô đã lần lượt đứng lên hát, không một ai vừa ý, Vua chỗ người con gái ngồi, mà hỏi rằng :

— Cô ngồi sau kia sao không đứng hát ?

« Cô con gái liền tiếng « dạ », rồi đứng lên hát rất hay, phảng-phất tựa như khúc nhạc Quân-thiên. Bà Thái-hậu ngồi ngắm

(1) Được đôi lứa xứng đáng.

thấy cử-chỉ uyển - chuyển dịu - dàng không khác gì ngọc-nữ trong giấc mộng, nhân nộp vào Hậu-cung, rất được yêu dấu. »

Năm Hồng-đức thứ bảy, Bình-Thân (1476) tháng sáu ngày 16, ngài hạ lệnh bắt giam Cung-Vương Khắc-Xương xuống ngục, vì có kẻ bảo Vương âm-mưu dị-chí. Cung-Vương lo buồn thành bệnh, đến ngày 6 tháng tám, chết ở trong ngục. Cung-vương là người từ-tốn, giản-dị, không tranh-cạnh, không ghen-ghét, có vẻ nhà tu-hành hơn là một vị Hoàng-thân vương - tước, nên nghe tin Vương chết ai nấy đều thở than, thương xót.

Năm Hồng-đức thứ chín, Mậu-Tuất (1478), tháng giêng ngày mồng mười ngài sai Nội-giám Văn-Khê Tử là Lê minh - Phụ đốc hơn năm nghìn người tới núi Hoàng-Lâu lấy khối đá về chế ra một con ngao giống hình con sư-tử để chắn giữ cửa điện bên đông, phong làm Đại - quốc - công. Lại sai lấy một khối đá ở núi Cường-cảnh, cũng chế làm một con ngao như vậy, để chắn giữ bên tây cửa điện, phong làm Vũ quốc-công (1).

(1) Hai con vật nay không còn và hai núi kia không rõ ở đâu.

Năm Hồng-đức thứ 27, tháng mười một, ngày 47, Vua bắt đầu ươn minh, mà mọi việc quan - trọng của nước nhà vẫn đều tự tài quyết. Sang năm 28, Đinh-tị (1497) tháng giêng ngày 29, Tân - mùi, Vua một nặng. Vua thường ham mê nữ sắc, phát ra bệnh lở nhiều. Bà Quý - Phi Nguyễn thị Ngọc-Huyền đã lâu bị biệt cư ở cung riêng, lúc ấy vua mới cho gọi vào hầu bệnh. Bà liền lấy thuốc độc bôi vào chỗ lở bệnh thêm kịch - liệt, Vua bèn ngồi tựa vào ghế ngọc, khiến Hoàng Thái - Tử nối ngôi. Rồi ngày hôm sau là ngày ba mươi. Nhâm-thân, giờ Thìn, Vua thăng-hà ở điện Bảo-quang. Khi lâm-chung ngài còn để lại một bài thơ tuyệt bút :

五十年花七尺軀

Ngũ thập niên — hoa thất xích khū,

剛腸如鐵却成柔

Cương tràng như thiết, khước thành nhu.

風吹窗外黃花謝

Phong suy song ngoại hoàng hoa tạ,

露浥庭前綠柳癰

Lộ ập đình tiền lục liễu cồ

碧漢望窮雲 蒼
 Bích-hán vọng cùng vân đạp đạp,

黃梁夢醒夜悠悠
 Hoàng-lương mộng tỉnh dạ du-du !

蓬萊上頂書 夾斷
 Bồng lai thượng-đỉnh âm dung đoạn.

冰玉幽壙入愛無
 Băng ngọc u hồn nhập mộng vô ?

Nghĩa là :

Tám thân bảy thức ngoài năm mươi tuổi.

Dạ cứng như sắt bỗng hóa mềm.

Gió thổi ngoài song, hoa vàng bay lả-tả.

Sương đọng trước sân, cảnh liễu xanh sơ sác.

Trông cùng giới xanh thấy mây cuộn-cuộn.

Tỉnh giấc mộng vàng, đêm dài dằng-dặc !

Trên đỉnh Bồng lai, âm dung dứt đoạn,
 Không biết u-hồn băng ngọc có còn
 vào giấc mộng nữa không ?

Vua Thánh-tông thọ 56 tuổi, ở ngôi được 38 năm, đổi niên-hiệu hai lần: *Quang-thuận* 10 năm, bắt đầu từ năm Canh-thìn đến năm Kỷ-sửu (1460-1469); *Hồng - đức* 28 năm, từ năm Canh-dần đến năm Đinh-tị (1469-1497).

Việc khâm - liệm tế lễ đều theo lệ cổ. Ngày Tân-mão, 14 tháng hai, Tự-hoàng và cả công, hầu, bá, tử, nam, văn võ thần-liêu, dâng tôn-hiệu là :

Sùng-văn, Quảng-vận, Cao-minh, Quang chính, Chí-đức đại-tông, Thanh-văn đạt võ, Đạt hiếu, Thuần hoàng đế. Miếu gọi là Thánh-tông.

Sang tháng hai phát dẫn long-cửu vua về Lam-sơn đặt ở bên hữu Vĩnh-lăng, tức là *Chiêu-lăng*.

Vua sinh ra 14 con trai và 20 con gái. Mười bốn con trai là :

1.) Con cả Tăng tức vua Hiến-tông, 2.) Lương-vương Thuyên, 3.) Tống-vương Tung, 4.) Đường-vương Cao, 5.) Kiến-vương Tàn, 6.) Phúc - vương Tranh, 7.) Truyền-vương Thông, 8.) Quảng-vương Thao, 9.) Lâm-vương Tương, 10.) Ứng-vương Chiêu, 11.) Nghĩa-

vương Cảnh, 12.) Chấn-vương Kinh, 13.)
Triệu-vương Tuấn, 14.) Kinh-vương Kiên.

Hai mươi còn gái là :

1.) Gia - Thục công chúa, 2.) Ý-đức, 3.)
Thụy hoa, 4.) Chiêu huy, 5.) Thiệu-dương,
6.) Quỳnh-Phương, 7.) Bảo-Thanh, 8.) Dương-
Xuân, 9.) Mẫn-Đường, 10.) Thao - Chi, 11.)
Nhị-Vân, 12.) Cẩm-Vinh, 13.) Giáng - Hương,
14.) Cảnh-Bình, 15.) Đoan-hòa, 16.) Kinh-thận,
17.) Diễm-vân, 18.) Trung-Thạc, 19.) và 20.)
Thiếu tên.

Để thêm tài-liệu vào tiểu-sử vua Thánh-
tông, chúng tôi xin dịch cả bài bia ở lăng
Chiêu - lăng của ông Thân Nhân Trung soạn
năm Cảnh thống năm đầu (1498) như sau này :

« Tôi nghe Trời sắp mở vận trung-hưng,
tất sinh ra bậc vua đại đức ; để hợp lòng
chúng, để nối mạnh giới. Nghiệp nhà Hạ
giữa bể, bởi vậy lại có vua Thiệu-khang giới
hiền ; Đạo nhà Ân dần suy, cho nên mới có
vua Cao-tông minh tiết. Xét trên sách chép,
xưa nay giống nhau. Mạnh thay ! đức Thánh-
tông Hoàng đế nước Đại-Việt ta, tên húy là
Tư-Thành, hiệu là Thiên-Nam động-chủ, là
con đức Thái-tông Văn Hoàng-đế, em đức

Nhân-tông Tuyên Hoàng-đế. Đức bà Quang-Thục Hoàng Thái-hậu họ Ngô sinh ra vậy. Năm Đại-bảo thứ ba, Nhâm-tuất, tháng bảy, ngày Mậu-tì, giáng dân ; ấy là ngày Sùng-Thiên Thánh-tiết. Khi xưa Thái hậu còn là chức Tiệp-dư, cầu tự, mơ thấy đờn Thuợng-đế cho tiên-dồng, bèn có mang. Kịp khi sinh ra đức vua thiên-tư rực rỡ, thần-thái khác thường, quẻ Càn mạnh, quẻ Khôn thuận (1), tính rất thuần-toàn. Sùng-sùng vậy, vôi-vôi vậy, thực là thông-minh của bậc làm vua, trí-dũng của bậc trị nước. Năm ấy, tháng tám, đức Thái-tông Hoàng-đế lên tiên ở ngoài, lũ đại thần Lê-Khả, Lê-Xí, Lê-Lãng vâng di-mạnh rước đức Nhân-tông Hoàng-đế nối lên ngôi báu. Năm Thái-hòa thứ ba phong vua làm Bình-Nguyên-Vương, ở nhà phiên trong Kinh-sư, ngày ngày cùng với chư vương cùng vào nhà Kinh-diên tập học. Khi ấy quan Kinh-diên là Trần-Phong, thấy vua giảng đáp đoan chính, thông tuệ hơn người, trong lòng lấy làm lạ. Vua càng thêm che dấu, không lộ anh-hoa, chỉ chăm lấy sách vở cổ kim.

(1) Ý nói hợp với giới đất.

nghĩa lý thánh-hiền làm vui. Tính giới sinh ra đã biết, mà sớm hôm chưa thường rời quyền, Thiên tài cao cả rộng xa, mà chế tác lại càng cốt ở tinh thần. Vui điều thiện, ưa người hiền, chăm-chăm không chán, Đức Tuyên-tử Hoàng thái-hậu coi như con đẻ, đức Nhân-tông Tuyên Hoàng - để suy làm nan độ (người em khó lòng tìm được người như thế). Đức hiếu thuận của ngài trong ngoài đều cảm tin. Kịp đến khi Lạng-sơn Nghi-Dân nghe nghịch-mưu của gian-đảng gây ra cái đại-biến chốn triều-trường, cướp trộm thần-khi, tiếm lấy kỷ giới. Đảng ác hung đồ, kiêu rông lầu dũ, chẳng biết mạnh giới, cần giữ lòng riêng. Bèn phong vua làm Gia-Vương, lập nhà riêng ở phía tây Đại-nội. Vua cứ giữ ngôi không, thuận thời đổi sử, yên ổn như thường. Chưa được bao lâu, đạo giới muốn trở lại, lòng người chán loạn ly. Lúc ấy, bèn có những bảy tôi thề-quốc huân cừu như Nguyễn-Xi, Đinh - Liệt, Lê - Lăng, Lê - Niệm, hiệp sức cùng lòng, kể rõ tội đến đánh. Đại nghĩa một xướng lên, người đều chầy tay

áo bên tả (1) ! Hung đồ giết hết, cung cấm yên nghiêm. Lữ Nguyễn-Xí cùng mưu với nhau rằng :

« — Ngồi giời rất khó, Thần khí rất trọng. Vì không phải bậc đạo-đức, sao thể kham nổi. Nay đức Gia-Vương minh duệ, khí lực trăm nhả, sững trùm mọi loài, không phải chư vương bì kịp được. Lòng người đều theo. Ý giời khá rõ.

« Lập tức ngày hôm ấy, thừa-dư rước vua ở nhà Tây-đề vào nối mối lớn. Vua không lòng nghĩ đến xe vàng (2), nhưng lấy cơ-nghiệp tổ tông làm trọng và thần dân suy-tôn khẩn thiết, cúi theo lòng chúng, bèn lên ngôi tôn, đại xá thiên hạ, đổi năm đầu là Quang-thuận. Dâng tôn hiệu đức Nhân Tông,

1. — Lấy ở tích Chu-Bột đời Hán đánh họ Lã. Bà Lã-Hậu vợ Hán Cao Tổ chuyên quyền, họ Lã chực cướp ngôi họ Lưu là vua nhà Hán, Chu-Bột đem quân vào thành hô : « Ai theo họ Lưu chầy tay áo bên tả, ai theo họ Lã chầy tay áo bên hữu » Trong thành đều chầy tay áo tả, theo Chu Bột đánh trừ họ Lã.

2. — Xe vàng, là xe Hoàng-ốc, xe của Thiên-tử, đây nói ngôi vua.

tôn huy hiệu đức Tuyên-tử, Đào-Biểu tử tiết, tặng, viếng, nêu, khen. Đức-Ninh theo giặc, sáng tội giết trử. Phạm chính sự rồi bởi ấy, đòi đi. Hình chính bà khắc ấy, bỏ đi, cốt ở sửa phép người chính đạo vua vậy. Tô vẽ hiến chương, sửa rõ lễ nhạc, khéo nêu năm điển, đề nổi thiên-luân. Trị dùng ba đức để chính lòng người. Thăm nhà học cốt để hưng văn, trách rợ nhưng mở đường dương võ. Kính tôn bậc nho nhã, thể mao kẻ đại thần, xét phép cớ để dựng quan, mong nghiệp dài nên dựng trị. Thưởng phạt thì tin mà rõ. Cảnh lệnh thì nghiêm mà minh. Kính giới, nên trước theo ngọc Toàn, ngọc Cơ (1) Siêng dân, đều chăm việc giống dậu, làm ruộng. Còn những lúc thư nhàn, sau trăm công nghìn việc, chỉ lưu ý dưa vắn. Không gần thanh sắc, không ngự chơi sẵn, không chuộng châu báu, không ưa xa xỉ. Biết phong tục là gốc chính hóa, nên đem *nhân nhượng* dạy dỗ, biết mọi nạn là đầu trị loạn, nên đem *liêm giới* khuyên răn. Hết lòng hiếu kính thờ tiên triều, nhưng không đặt khúc nhạc

1. — Hai thứ ngọc làm đồ xăm Thiên-văn.

réo rất. Suy nhân nghĩa mà thân tộc-thuộc, lại càng căm cái mầm kiêu căng ! Ấy là những phép ngay, giềng thẳng rõ rõ ở tai mắt người thường thấy như vậy. Còn những tiết văn điều mục khúc triết tinh vi, khó mà kể hết. Trong khoảng và năm, thời đã thái-bình, ngày càng giàu mạnh ! Trị trong đã sửa sang, trông ngoài cũng ngbĩ đến. Bồn-man ngành hóa, thì khiến tướng bừa tan gốc rễ. Mường núi quấy biên, thì đem quân quét sạch tổ hang ! Loài chó lợn Chiêm-thành reo tội ác đầy rẫy, thì ngự thuyền rồng đem sáu quân, trói cổ Trà-Toàn, san phẳng thành Đồ-bản, đổi y phục cho người. đặt quận huyện lấy đất. Lũ rắn rết Lão-quá, cây hiềm, cỏ rông-dở, thời chống cây Hoàng-việt (1) vượt nghìn non, đuổi lũ quân hùm gấu, rửa sạch uế Lan-bồn (2) bắt được kẻ đầu ác, riều quân khai hoàn.

« Rốt cuộc trong bề dài yên, muôn nước

1. — Búa lớn sơn vàng, nghi trượng của Thiên-tử.

2. — Tích nhà Phật, Lan-bồn là cái chậu đựng trăm thức ăn cùng nuôi mọi Phật để cứu chúng sinh thoát vòng treo giốc. Đây ý nói đuổi sạch quân hung dữ cứu dân.

đều phục, trị vì càng lâu, chính sự càng siêng. Nhân sâu ân hậu, thấm nhuần khắp cả lòng người. Đức thịnh công lớn, siêu việt hơn hết đời trước. Huống hồ thánh học uyên nguyên, rùng sách bề truyện không đầu là không kê cứu, Thánh-văn rực rỡ, cùng ánh sao Khuê, vẽ mây đua sức sáng ngời. Tinh thần tâm thuật đã rõ hiện, đạo đức sự nghiệp đã phát huy, còn ở cả trong tập Thiện-Nam Tiên hậu tập với mọi sách ngự chế. Mọi đời anh-quân chế tác, hồng nhò trứ-thuật, chưa có ai rộng khắp đẹp rúa được như thế.

« Năm Hồng-đức 27, tháng 11 ngày 17 vua ươn mình, việc quan trọng nước nhà vẫn tự thân quyết. Năm 28, tháng giêng ngày 29, Tân mùi, bệnh càng kịch, vua bèn tựa ghế ngọc-kỷ, khiến Thái tử nối ngôi. Ngày hôm sau, Nhâm-Thân, Vua thượng-tân (1) ở điện Bảo-quang, thọ 56 tuổi, đời năm đầu hai lần : Quang-thuận 10 năm, Hồng đức 28 năm.

« Vua đức hợp Cao dày, biểu thông Tông

(1) Mất, lên làm khách trên giới.

tổ, phúc khánh to tát, con cháu đông nhiều, Hoàng-tử mười ba người (1). Đích-tử bên tả chữ kim 金, bên hữu chữ Tăng 曾 (tức chữ 鎗 Tăng. vì kiêng tên nên viết rời ra như vậy) chính vị Đông-cung, tức đức Kim-tự Hoàng-đế vậy) (Các vị sau đã kể trên kia, ở đây xin lược bớt đi). Hoàng-nữ 20 người, trưởng nữ là *Thanh-Toại* phong Gia-Thục công chúa, thứ là *Danh-Ngọc*, Ý-đức công chúa, *Minh-Kính*, Thụy hoa công chúa, *Triệt-Sạn* Chiêu-huy công chúa *Bính-Hiếu* Thiệu-Lương công chúa, *Bảo-Huyền*, Cảnh bình công chúa, *Lệ-Khanh*, Quỳnh Phương công chúa, *Lan-Thang* Xuân minh công, chúa *Cầm-Trương*, Thọ Mai công chúa. Cũng có người chưa kịp thụ phong đã sớm khnất bóng. Còn như các vị *Hoảng*, *Trừng*, *Miên*, *Châu*, *Tân*, *Tinh*, *Uyên* thì còn nhỏ chưa chịu phong. Đến như hàng cháu nối giới thì cháu-cháu vù-vù, giầy rưa chẳng-chịt (2) không thể kể xiết. Hôm vua mất, Hoàng Thái

(1) Hoàng Lê ngọc-Phả chép 14 người như trên kia.

(2) Lấy tích ở thiên « Xung-tư » và « Qua-trật » trong kinh Thi. Hai bài thơ này khen nhà Chu nhiều con cháu.

tử vâng theo di-mệnh dụ Triều-thần rằng :

« — Con sinh ba năm, rồi mới rời khỏi học cha mẹ. Ngày xưa ở tang cha mẹ lấy ba năm làm hạn. Trên từ Thiên - tử, dưới đến thứ - nhân, một lối vậy. Ông Hán Văn-đế không theo cổ-huấn, đổi chế gấm tang, lấy ngày thay tháng. Từ đấy về sau, cứ theo mà làm, thế là bỏ điển-ngĩa bạc di-luân, không thể đủ theo gương được. Nước ta liệt Thánh tuy có đổi chính lại rồi, song kỳ-gian, lễ tiết vẫn chưa có thể hợp với phép xưa. Phương-chi ngày nay. Thánh-phụ Hoàng-đế vụt bỏ trăm họ, lên làm khách trên giới Vết thương sắc đau lâu, báo đức không kịp nữa. Lũ Khanh nên định làm lễ tang ba năm, cho thỏa lòng ta thương mộ.

« Đại-thần trăm quan, một nghe ý chỉ, không ai là không cảm - kích đều rạp đầu thưa rằng :

« — Cái đạo trị thiên-hạ hiếu để mà thôi. Nay Hoàng Thái tử hay tận đạo hiếu, hậu trọng di-luân. Tuy đại-hiếu như Đại-Thuấn, Đạt-hiếu như Võ - vương, khó mà sánh kịp. Kéo lại thuần-phong đời Thượng-Cổ, dựng nên nền Thịnh - trị muôn năm, chính bắt

đầu tự đầy vậy. Lũ thần dám đầu chẳng tuân phụng.

« Như vậy bèn định tang ba năm. Phạm khâm liệm tế lễ đều theo cổ lễ, khắp người thiên hạ đều khen than. Sang tháng hai, ngày Mậu-dần, các quan Thái-bảo, Bình Lương hầu Lê-Chí, Thượng - Thư Định-Trung-bá Trịnh công Đán, Tây quân Đô-đốc phủ Tả Đô đốc Dương Khê hầu Lê-Vĩnh, cùng các quan Phò mã Đô-úy, năm Phủ, sáu Bộ, sáu Tự, Đông-các, Hàn Lâm, Khoa, Đài, cùng tới điện Hoàng-Văn, phụng nghinh Hoàng-Thái-Tử lên ngôi. Ngày ấy đại xá. Chiếu lấy sang năm làm năm đầu hiệu Cảnh-thống, tuân phép cũ vậy. Đức Tự hoàng đế, canh trường ngủi ngủi (1), ở sàng rười rượi, xét điển xem kinh, khen giới có viếng. Bèn trong tháng hai ấy, ngày 14, Tân-mão, cùng công, hầu, bá, văn vũ thần liêu, phụng sách dâng tôn-hiệu, (đã kể ở trên) miếu hiệu là Thánh-tông. Việt sang ngày tháng

(1) Lấy ở tích Vua Thuấn để tang Vua Nghiêu ba năm bằng nhớ đến luôn, ngồi thì trông thấy Vua Nghiêu ở tường, ăn thì thấy Vua Nghiêu ở cạnh.

hai. Thánh-tông Hoàng-đế phát dân về Lam-kinh, ngày hôm sau, yên đặt ở bên hữu Vĩnh-lăng, ấy là Chiêu-lăng. Lễ-quan tâu xin dựng bia, khắc hải minh để rõ công đức Vua với đời sau. Đức Tự - hoàng đế y tấu, đặc cử tôi là Nhân-Trung soạn văn. Lũ tôi ngựa coi bậc đế-vương, đức tốt công lớn, nhân chính thiện giáo, cùng với Càn Khôn cùng nhơn, mặt giới, mặt giảng đua sáng, suốt khắp xa gần, soi thông vũ trụ, hòm vàng nhà đá, những chữ đặc thư, không phải do học ít nhời quê có thể vẽ vời ra được. Nhưng đã vâng mệnh lớn, không dám lấy quê lậu mà cố từ, bèn chấp tay rạp đầu làm bài minh rằng :

(Bài minh có 108 câu, mỗi câu bốn chữ, chia làm chín văn, mỗi văn 12 câu, vì dài quá, mà chỉ là lời tán tụng, không có ích gì cho sử học, nên xin miễn dịch).

« Niên hiệu Cảnh-Thống năm đầu ngày tháng hai dựng.

« Đỗ Tiến Sĩ khoa Kỷ-mùi Lại-bộ Thượng thư, giữ công việc viện Hàn-lâm, kiêm Đồng-các đại học sĩ nhập nội Phụ-chính Thị-nội, được cho hiệu là Tao-đàn Phó Nguyên-súy,

tôi là Thân Nhân-Trung phụng sắc soạn ».

Thật là một bài văn bia có giá-trị về văn chương cũng như về lịch sử. Nói rõ ràng, uyển-chuyển và đầy-đủ, lại chứa đựng đủ mọi điều cần thiết về thân-thể và sự nghiệp của Vua Thánh-tông. Làm bài bia này, cố nhiên Thân-Nhân-Trung phải đề nhiều lời tán tụng. Nhưng, sự tán tụng ấy vẫn không đi xa quá sự thực như những bài văn ở các triều sau này. Bởi vì làm minh-chứng vững-vàng cho bài bia ấy, đã có lịch sử thuật lại rõ ràng những sự nghiệp rực rỡ về chính trị, luật pháp, võ công, văn trị, và văn học, tất cả những cái gì làm tiêu biểu cho cái thời đại oanh liệt có một không hai ấy. Bây giờ ta thử kiểm-điểm lại những sự nghiệp ấy xem có được đúng giá trị như trên sử sách đã ghi chép lại không ?

CHƯƠNG II

Việc chính-trị

Một nền chính-trị, dù khôn-khéo đến đâu chẳng nữa, cũng chỉ có giá-trị khi nó mưu được hạnh-phúc cho toàn dân và làm cho nước được giàu mạnh lâu-dài. Vua Thánh-tông có thực đã gây nên một nền chính-trị rực-rỡ giá trị như trên sử sách đã chép và ngày nay ta còn thường nhắc nhở tới không?

Muốn đáp lại câu ấy cho ổn-thỏa, trước hết ta phải biết qua hiện-tình xã-hội hồi ấy và cách sinh hoạt dân-chúng ra sao, ngõ-hầu mới có thể truy-nguyên được đến chân-giá của sự sáng chế lập pháp ở thời ấy.

Dân nước Việt-nam ta, trải hơn bốn trăm năm dưới hai triều Lý và triều Trần, nhờ có những chế độ chính-trị rộng-rãi và thích hợp, nên đã trở nên một dân tộc có văn-hiến hần-hoi. Tam giáo (Nho, Lão, Phật) được đồng thời thịnh-hành hòa hợp với nhau, bổ khuyết cho nhau, khiến trong dân gian có những thuần-phong mỹ-tục. Lại những nhà nho danh - vọng và khí-tiết-như Chu-văn-An, Trình-sư-Mạnh, Bùi-ứng-Đầu, Lý-Tử-Cấu đã để nhiều ảnh hưởng trong khắp bản dân : cái tinh thần dân-tộc và trọng Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ, đã nâng lên cao, ai nấy đều biết trọng nghĩa vụ mà khước bỏ được lòng tự-kỷ đôn hèn. Bởi vậy, dù có những cuộc thay đổi lớn-lao ở trên thượng-tầng tổ-chức (như những việc tranh dành quyền-chính trong cung) và những cuộc cải cách của Hồ-quý-Ly và hồi Minh-thuộc, nền tảng của xã-hội không hề biến chuyển, gián hoặc có kẻ nào bôn-ba tranh cạnh, theo làm tôi tớ quân Minh mà chiếm cứ lấy nhiều ruộng đất, thì ngay khi bình-dịnh xong, vua Thái-tổ đã định phép quân điền, chia lại ruộng đất công cho khắp mọi người dân, từ các quan đại thần cho

chỉ trẻ con côi đàn bà góa, sự chênh-lệch về điền sản cũng không còn nữa. Trong cái xã-hội trọng nông của một nước nông-nghiệp, mỗi người dân đã có một phần ruộng đất để mưu sinh, sự sinh-nhai tất nhiên dễ dãi, trình-độ sinh-hoạt do đó đã được nâng cao. Công-nghệ và buôn bán đã phát đạt nhiều. Ngoài những công nghệ chế tạo các khí-cụ cần dùng và trang hoàng, dân ta lúc ấy đã biết khắc ván in in sách vở để truyền bá tư tưởng do quan Thám-hoa Hồng-Liêu là Lương-như-Hộc dạy bảo. Việc buôn bán với nước ngoài cũng đã thịnh-hành, bằng cứ ở những Ty Tuần-kiêm đặt ra ở Vân đồn, ở Lục đầu và ở các cửa bể, cửa sông, để kiểm soát hàng hóa ra vào. Sự đi lại và chuyên chở bằng thuyền thành ra tiện lợi và rất cần thiết. Cái thuyền là một lợi lớn cho cả một dân tộc, cho nên điều - lệ năm Quang-Thuận thứ sáu đã định về tội trộm thuyền ngang với những trọng - tội khác : *Trộm thuyền nhớn phải lưu đi viễn-chu ; trộm thuyền nhỏ phải đầy vào phục dịch ở trường voi ; trộm thuyền độc-mộc phải đầy làm phu đưa lương, hầu hạ.*

Như vậy, xã-hội Việt-nam ta về đầu Lê-triều đã tổ-chức rất có trật-tự và công-bằng rộng-rãi, quyền lợi cá nhân và vận mệnh quốc gia đều được tôn trọng. Trình độ sinh-hoạt đã lên đến một mức khá quan. Đối với một dân tộc đã có quy-cử hân - hoi và văn-hiến rõ-ràng như vậy, Vua Thánh-tông đã xếp đặt lại việc chính trị như thế nào?

Biết dân là gốc một nước, nên ngài chú trọng ngay đến việc sửa đổi tự nền - tảng của dân, nghĩa là tự chốn hương - thôn vậy. Việc cai trị hương-thôn từ trước đến giờ vẫn theo như chế độ triều Lý; Xã có xã-quan do dân cử lấy. Tuy có một đôi lần thay đổi hình thức và danh từ, nhưng tự chúng vẫn một nguyên tắc ấy. Đến nay ngài mới đổi xã-quan ra xã-trưởng và hạn định mỗi xã lớn được cử ba người là một xã *chính*, một xã - *sứ*, một xã - *tư*; xã nhỏ được cử hai người; một xã *chính* và một xã - *tư*. Những vị xã trưởng ấy phải là người biết chữ, có hạnh-kiêm, do dân bầu cử lên, rồi do quan Phủ huyện phúc hạch lại. Điều lệ thi-hành từ năm Quang-Thuận thứ ba định rằng: « Từ nay về sau, bầu đặt xã

trưởng, nên hội-dồng toàn dân lựa chọn, hoặc lấy người già lão, hoặc giám-sinh, sinh-đồ mà học nghiệp không tiến được nữa, hay là lương gia tử-đệ từ ba mươi tuổi giở lên biết chữ, có hạnh-kiểm, bầu lên làm xã-trưởng để đối lý mọi việc. Bầy bầu không phải người, sẽ có tội.» Ngoài ra mỗi thôn còn được tùy tiện cử lấy một hay nhiều người thôn-trưởng. Muốn tránh mọi sự nhúng tẽ, gây bè kéo đảng ở hương thôn, ngài lại ra lệnh : anh em, chú bác, con chú, con bác, anh em con có con cháu, anh em đôi con dì cùng ở một làng, chỉ được một người làm xã-trưởng thôi. (Điều lệ năm Hồng đức 15).

Ngài lại hạn số dân trong xã. từ một trăm nhà giở lên là xã nhỏ, từ hai trăm nhà đến ba trăm nhà là xã vừa, từ ba trăm đến năm trăm là xã to. Số hộ trong xã nhỏ tăng lên đến hai trăm thành xã vừa, số hộ trong xã vừa tăng lên đến trên ba trăm thành xã to. Số hộ trong xã to tăng thêm lên một trăm, thì tách số một trăm ấy ra làm một xã nhỏ mới. Đã đặt ra xã mới thì ruộng đất cũng chia,

Về sổ đinh, ngài cũng thay đổi lại. Trước kia, Triều Lý có *Trương-tịch* để biên tất cả dân số trong làng, từ các quan văn võ, quân lính, hoàng-nam, già lão, tàn-tật. Nhà Trần cũng làm sổ như vậy gọi là *Đơn-số* 單數. Hồi thuộc Minh có *Hoàng-sách* 黃冊, chép đủ sổ đinh cường tráng, còn những người tàn tật, cô quả thì chép riêng ra ở sau, gọi là *Kỳ-linh* 畸零. Đến nay, ngài hạ lệnh cho các xã-quan phải làm *hộ-tịch*, cứ ba năm một lần gọi là *Tiểu-diễn*, sáu năm một lần tổng-sát lại gọi là *Đại-diễn*. Trong hộ tịch chia ra sáu hạng: 1.) *Tráng-hạng* gồm có những người chọn để tuyển làm lính. 2.) *Quân-hạng* là những người ở nhà làm ruộng, nhưng hễ vệ quân nào thiếu là đem sung vào. 3.) *Dân-hạng*, là những người dân ở nhà phải đóng sưu-thuế và làm tạp-dịch. 4.) *Lão-hạng*, già sáu mươi tuổi trở lên. 5.) *Cổ-hạng*, không có của cải gì phải đi làm thuê. 6.) *Cùng-hạng*, không có của cải mà cũng không làm gì được. Nhà có 3 đinh, thì một vào Tráng, một vào Quân, một vào Dân. Nhà có 6 đinh: 2 tráng, 1 quân, 3 dân. Lưu lạc tha phương

thì xuất bạ, bỏ tên đi. Kiếu cư ký ngụ, cho vào bạ. Các quan phủ huyện phải phúc duyệt các sổ hộ ấy rồi đệ về Kinh khai vào sổ ở Bộ.

Ngài lại cho kén đặt chức *Tổng - kỳ* ở mỗi tổng để liên-lạc các xã với nhau.

Trên các xã tổng, là phủ huyện, châu. Phủ có chức *Tri-Phủ*, *Đồng tri*, Huyện có chức *Huyện-Thừa*, *Chuyên-vận-Sứ*, Châu có chức *Tri-châu*. Phòng ngự *Sứ*. Những chức này đều do Triều-dinh bổ-dụng.

Về các quan ngoài cao - cấp thì có cuộc thay đổi khác hẳn. Trước vua *Thái-tổ* chia nước ra làm năm đạo là Nam, Bắc, Đông, Tây và Trung-đô. Đạo có chức *Hành-Khiển* là tối-cao. Đạo lại chia ra lộ, có chức *An-phủ sứ*, và Trấn có chức *Trấn phủ sứ*. Đến nay Vua *Thánh-tông* chia lại làm mười hai đạo là Thanh hóa, Nghệ - an, Thuận-hóa, Thiên-trường, Nam - Sách, Quốc - oai, Bắc - giang, An - bang, Hưng - hóa, Tuyên - quang, Thái - nguyên, Lạng - sơn. Mỗi đạo có ba Tòa để chia công việc: tòa *Đô*, tòa *Thừa* và tòa *Hiển*. Tòa *Đô* có hai viên *Chánh*, *Phó Đô Tổng-binh* coi việc

binh. Tòa Thừa có hai viên *Thừa-chính* chánh, phó sứ, coi việc cai trị, Tòa Hiến có hai viên *Hiến-Sát* chánh, phó sứ, coi việc binh án. Ngài lại đặt thêm chức *Giám Sát* ngự sử để đi xem xét công việc các đạo.

Đến năm Quang-Thuận thứ mười (1469), ngài lại đổi mười hai đạo gọi là mười hai *Thừa-tuyên*, vẽ và định lại bản đồ nước ta. Số phủ huyện trong mỗi *Thừa-tuyên* định lại như sau: *Thanh-hóa* có bốn phủ 16 huyện, 4 châu. *Nghệ-an* 8 phủ, 18 huyện, 2 châu. *Thuận hóa* có 2 phủ, 7 huyện, 4 châu. *Nam-Sách* đổi là *Hải-dương* có 4 phủ, 18 huyện. *Thiên-trường* đổi là *Sơn-nam* có 14 phủ, 42 huyện. *Quốc-oai* đổi là *Sơn tây* có 6 phủ 24 huyện. *Bắc-giang* đổi là *Kinh-Bắc* có 4 phủ, 19 huyện. *An-bang* có 1 phủ, 3 huyện, 4 châu. *Tuyên-quang* 1 phủ, 2 huyện, 5 châu. *Hưng-hóa* 3 phủ, 4 huyện, 17 châu. *Lạng-Son* 1 huyện, 7 châu. *Thái-nguyên* đổi là *Ninh Sọc* có 3 phủ, 8 huyện, 7 châu. *Trung-đô* đổi là phủ *Phụng-Thiên* có 2 huyện.

Tháng sáu năm Hồng-đức thứ hai, lấy được đất của nước Chiêm-thành, từ Thuận

hóa giở vào, đặt thêm ra Thừa-tuyên *Quảng-Nam* gồm có 3 phủ, 9 huyện, đặt ba *Tòa, Đô, Thừa, Hiến* cai trị như các thừa-tuyên kia. Đến năm Hồng đức 21, vẽ lại bản-đồ, đổi Thừa-tuyên gọi là Xứ.

Trên cùng đến các quan trong Triều, ngài cũng thêm bớt nhiều. Từ trước các quan chức vẫn được cử theo lối nhà Trần : Trên cùng có *Tả, hữu Tướng-quốc*, rồi đến *Lê-bộ, Lại-bộ, Nội các viện, Trung thư, Hoàng-môn*. Đến khi Nghi-Dân cướp ngôi đặt ra sáu *Bộ* và sáu *Khoa* là *Lại, Hộ, Lễ, Binh, Công, Hình*. Nay ngài bỏ *Tả hữu Tướng-quốc*, bỏ *nội-các viện*, thay bằng *Hàn lâm viện*, đặt thêm sáu *Tự*, là *Đại-lý tự, Thái-thượng-tự, Quang-lộc-tự, Thái-bộc-tự, Hồng-lô-Tự, Thượng-bảo-tự*. Ngài lại đặt thêm chức *Đông-các đại học sĩ* để bổ dụng văn thần, và ban thêm tước *Tam-Thái* (*Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo*), *Tam-thiếu* (*Thiếu Sư, Thiếu Phó, Thiếu Bảo*) để thưởng các vị trọng thần có công lớn.

Các quan ở sáu *Bộ* gồm có *Thượng-thư, Tả hữu thị lang, Lang-trung, Viên-ngoại lang, Tư vụ*. Các quan ở sáu *Khoa* có

Đô cấp Sự trung, Cấp Sự trung, Lang trung. Các quan sáu Tù có Tù khanh, Thiếu khanh Tù thừa.

Ngoài ra còn các quan chức coi về việc học, các quan chức võ ban, các tông-quan, tẩn quan là những quan chuyên coi về mỗi việc riêng nữa sẽ xin nói đến sau.

Đây ta chỉ nên biết rằng sau khi đã cải tổ lại quan chức, sau khi tổ dụ « *Hiệu-định quan chế* » ngày 26 tháng 9 năm Hồng-Đức thứ hai (1471) đã ban-bố ra rồi, thì tổng số các quan văn - võ nội ngoại trong cả nước lên tới 5370 vị. Cái tổng-số này chia định ra như sau :

A. — Quan trong, văn võ và cả tông quan có 2755 vị :

1) Văn quan 899 vị.

2) Võ quan 1910 vị.

3) Tông quan 446 vị.

B. — Quan ngoài, văn võ mọi chức có 2615 vị :

1) Văn quan 926 vị.

2) Võ quan 857 vị.

3) Tông quan 41 vị.

4) Tạp chức 791 vị.

Ngày 26 tháng 9 năm Hồng-đức thứ hai (1471), ngài ban ra tờ dụ « *Hiệu-định quan-chế* », nói rõ cái ý vì sao lại thay đổi quan chế như vậy. Tờ dụ rằng :

Sắc dụ công, hầu, bá, văn võ quan viên, bách tính đẳng.

Trẫm duy tự cổ để vương, thừa thời xuất trị, tất thiết quan phân chức, lập kinh trần kỷ, rĩ định nhất đại chi chế-độ khai vạn thế chi thái-bình. Hữu-Ngu mạnh cứu quan tư thập nhị mục, nhi thứ tích hàm nữ; Chu chí lực sư xướng cứu mục nhi vạn bang vô địch. Tuy viết quan duy kỳ nhân, riệc duy kế thuật chi thiện, pháp độ chi lương, rĩ chi nhiên dã. Hán, Đường, Tống rĩ hạ, đa tập Tân cựu, rĩ Thừa-tướng nhất nhân, tổng Triều-đình thứ chính. Nhiên đắc nhân như Tiêu, Tào, Bính, Ngụy, Riêu, Tống, Hàn, Phạm giả, cặn sỏ nhân nhĩ. Tha như đạo lộng uy phúc, ủng tế thông minh, thực đẳng dữ rĩ cổ quyền, từ gian hồi nhi ngô quốc. Tốt chi phúc nhân tổng tự họa cập sinh linh, như Trương - Vũ, Khổng-Quang, Lý Lâm Phủ, Lư Kỷ, Tần

Cối, Hàn-đoãn-Trụ chi đồ, vi dị mai cử !

Ngã Thái-Tổ Cao - hoàng-đế, triệu tạo khu hạ, kê cổ kiến quan, thám dâm tiền đại chi đắc thất, chám chước thời nghị, định vi điển tắc. Tổng nhung tắc phán ngũ phủ chử vệ, nhậm sự tắc liệt lục Bộ, lục Khoa. Đại cương trương nhi hoành quy lập hĩ.

Thái-tông Văn - hoàng - đế, phi thừa tiên chi, khắc thành quyết công.

Nhân-tông Tuyên hoàng - đế, kế thuật văn sơ, Phụ Bật chi thần, mười ư trị thể ; phễ cách Tiên triều chi cổ điển, tuân tập Lý Trần chi tự dư. Hồi ruật mưu mô, hoàng hoặc chủ thính , vi chuyên nhậm đại thần, nhân quân chi thính tiết, Ưu tăng trọng lộc, chính chi dương vi. Chuyên Tề-tướng chi quyền, lăm quan-quốc chi vụ, tiến đạo-bút chi lại, bài kinh-thuật chi nhỏ, quý Mật-viện nhi bãi lục Khoa, thiết tam Tỉnh nhi bãi lục Bộ. Quyền quy nhất kỷ, hiệu Dương, Lý chi chuyên Đường ; ngành lục cung, chủng Hàn, Giả chi dĩ Tống Sùng đẳng niệm ác, vi tệ dữ thâm. Trăm

ngưỡng hạ Thiên-địa chỉ hữu, quang
phục Tổ tông chỉ cừ, phủ long-binh chỉ
gia-vận, khôi vĩnh-viễn chỉ hoằng quy.
Thâm yểm phù Lịch thể nhân quân, rĩ vị
vi lạc. Thảng hữu quy chế, chuyên nhậm
đình-thần; trúc xá đạo bàng, quải nhất
lâu vận. Phân-vân biến cải, vô hữu dĩ thời!

Huống kim bình lực tài phú, thổ vũ
bản chương, thị chỉ tích thời, đại tương
kinh-đỉnh; bất đắc bất cung chế tác chỉ
quyền, tận biến-thông chỉ đạo. Nội nhi
quân vệ chỉ chúng, tắc ngũ Phủ phán tông
chỉ; Sự cơ chỉ phần, tác lực Bộ tham
tông chỉ! Cấm binh thu vệ tam ty, rĩ bị
chảo nha, tâm lữ. Tha như lực Khoa
thâm bác Bách ty, lục Tự thừa hành
thứ vụ; Thông chính sứ ty, rĩ tuyên
thượng đức, đạt hạ tình. Ngự Sử Đám
Sát, rĩ củ quan tà, chúc dân an. Ngoại
nhi thập tam Thừa tuyên, phán tông
phương diện, đó ti thủ ngự, khổng-chế
xung-yếu. Phủ huyện chân rĩ thân dân;
Bảo, sở, quan rĩ bị ngự. Liên-thường sự
thể, hộ tương duy trì. Cổ trung phát
đốc phủ sự dã, thể-thống tất quan Bình

bộ. Xuất nạp Hộ bộ sự đã, bang-chỉ
lất dữ Hộ khoa; Lại bỏ thuyên tự phi
tài, Lại khoa đặc rĩ bác chính; Lễ bộ
nghị chế thất tự, Lễ khoa đặc rĩ phong
đàn. Hình khoa luận Hình bộ khinh
trọng chỉ quai nghị; Công khoa kiểm
Công bộ khóa-trình chỉ cần dài.

Chỉ như các Phủ vệ, quân nhu bạ
nhạch, điền ủy chỉ đa; Tướng suy
thiên tỷ, tuyển hoán chỉ biệt; Kinh-lịch
thủ-lĩnh, rĩ kê khảo thủ sát chỉ. Cựu
chế kiến quan, đa rĩ phẩm sùng lộc sĩ
Kim chế kiến quan, tổng thị lộc tỉnh
phẩm ty. Quan thiết dữ tiền phẩm lãng,
lộc phi dữ tiền tương chuẩn. Thực ký
vô nhữ, trách thật hữu quy, Yếu sử
đại tiều tương duy, khinh trọng tương
chế. Uy quyền bất giả, quốc thị nan dao.
Hữu đạo quỹ, pháp thủ chỉ phong, vô
bội nghĩa phạm hình chỉ quá. Rĩ thành
ngã Thánh-tổ, thần-tông chỉ chi, nhi bảo
trị an ư vô cùng! Phi tác thông-minh
loạn cựu-chương, nhi kiểm thiên-hạ
chỉ nghị đã. Kế kim ngã tử tôn, đương
tri thử chế chỉ hành, xuất ư bất đảo dĩ.

Pháp độ nhất định, khác nghị trị tuần. Vật thị nhất kỷ chi thông minh, vọng nghị Tiên triều nhi cải tác, điển phúc điển hình, rĩ hãm vu bất hiệu chi địa. Vi chi thần phụ, riệc đương khác thủ thường, hiển, vĩnh bất nãi hậu, tử thiệu tiên liệt kỷ vĩnh vô khiên. Cảm hữu viện dẫn tiền chế, vọng nghị nhất quan, dịch nhất chức, ủy thị gian nghịch chi thần, vận loạn thành hiển, khí thị bất lân. Gia thuộc phát khứ biên viễn, rĩ minh vi thần bất trung chi tội. Thử cơ, vận thế chi hậu, trị phù sáng chế lập pháp chỉ ý hữu tại dã. Cổ dụ.

Dịch nghĩa quốc âm :

« Sắc dụ lũ Công, hầu, bá, văn võ quan viên trăm họ : Trăm xem từ xưa đế vương, nhân thời ra trị tất đặt quan chia chức, dựng kinh, bày kỷ, lấy định phép tắc một đời, mở thái bình muôn thuở. Nhà Hữu-Ngu sai chín quan giữ 12 mục (1) mà mọi công đều nên. Nhà Chu đặt sáu quan Khanh hòa chín mục, mà muôn nước không đồ. Tuy rằng

1. — Mục là quau cai trị mỗi chu.

quan cốt ở người, nhưng cũng do nổi noi khéo, pháp độ hay, mới được như thế. Nhà Hán, Đường, Tống giở xuống, nhiều nơi phép cũ nhà Tần, lấy một người Thừa-tướng giữ mọi triều-chính. Được người như họ Tiêu, họ Tào, họ Bính, họ Ngụy (1) họ Riêu, họ Tống, họ Hàn, họ Phạm (2) chỉ độ vài người thôi. Còn như những kẻ trộm giữ uy phúc, che lấp thông minh, dựng bè đảng để bền quyền, rộng lòng gian lận nhằm nước; rút cục đến đồ tôn tự, và sinh linh, như lũ Trương-Vũ, Khổng-Quang (3) Lý Lâm-Phủ, Lư-Kỷ (4) Tân-Cối, Hàn Doãn-Trụ (5), chưa dễ kể hết. Đức Thái Tổ Cao hoàng-đế ta, gây dựng bờ cõi, theo đời xưa dựng quan, xét kỹ mọi đời được hỏng, chằm chước thời-nghi, định ra điển tắc. Tổng nhung thời chia làm năm *Phủ*, mọi *Vệ*. Coi việc thì đặt ra sáu *Bộ*.

1. — Tiêu-Hà, Tào-Tham, Bính-Cát, Ngụy-Tương
tể tướng đời Tây-Hán.

2. — Riêu-Sùng, Tống-Cảnh, Hàn-Kỷ, Phạm-trọng
Yêm, đời Tống.

3. — Thừa-tướng cuối đời Hán.

4. — Thừa-tướng cuối Đường.

5. — Thừa-tướng Nam-Tống.

sáu *Khoa*. Đại cương rõ ràng mà phép rộng cũng vững vậy.

Đức Thái-Tông Văn Hoàng-đế, nhân theo chí trước, chọn làm nên công. Đức Nhân-Tông Tuyên Hoàng-đế nối noi lối xưa, mà bấy tôi giúp giáp, dốt về trị-thể, bỏ đổi phép cũ của Tiên-triều, noi theo mỗi thừa của nhà Lý nhà Trần. Quanh theo mưu mẹo, mê hoặc lòng vua. Rằng chuyên dùng đại-thần là tiết-thịnh của đức vua, mà tăng thêm lộc tước là chính-trị nên làm. Chuyên quyền Tể-tướng, giữ việc quân quốc, tiến kẻ lại đao-bút, bài bỏ bậc nho kinh-thuật. Quý Mặt-viện mà bỏ sáu *Khoa*. Đặt ba *Tỉnh* bãi bỏ sáu Bộ. Quyền về một mình, bắt chước họ Dương họ Lý (1) chuyên quyền ở nhà Đường. Uy làm sáu cung, nối gót họ Hàn họ Giả (2) làm nát nhà Tống. Giữ ngôi cao gây ác, làm tệ càng sâu. Trăm ngựa nhờ phúc Giời Đất, sáng lại phép cũ tổ tông, mở vận lành thịnh trị, khơi phép rộng lâu dài. Càng nghĩ chán cho các vị nhân-quân các đời, chỉ lấy ngôi làm

1. — Dương-Viên, Lý nghĩa-Phủ.

2. — Hàn doãn Trụ, Giả tự-Đạo.

vui, vì có pháp độ, chuyên dùng đình thần ; được một hồng muôn, rồi bởi biến đổi, không lúc nào thôi !

Phường chi ngày nay, binh lực thuế má, bờ cõi bản-chương, so với thời trước, thật khác nhau xa, không thể không tự cầm lấy quyền chế-tác, hết cái đạo biến thông. Bên trong, quân vệ nhiều, thời năm *Phủ* (1) chia ra cai quản. Công việc lắm, thì sáu *Bộ* mưu tính trông coi. Cấm-binh Thủ-vệ ba *Ty*, đề phòng nanh vuốt, lòng bụng. Ngoài ra như sáu *Khoa* xét hạch trăm quan, sáu *Tự* thừa hành mọi việc. *Ty Thông-chính* *Sứ* đề tuyên đức trên, rõ tình dưới, *Tòa Giám Sát* *ngự sử*, đề hạch lỗi các quan, mà làm rõ điều u-ân của dân. Ở ngoài mười ba *Thừa-tuyên* chia giữ mọi phương-diện. *Đồ-ty* *thủ ngự*, ngăn giữ nơi xung yếu. Có *Phủ*, *huyện*, *châu* đề thân dân. Có *Bảo*, *Sở*, *quan*, đề phòng giữ. Liên thường sự thể, thay đổi nhau cùng duy trì. Cho nên thu, phát là việc *Đốc-phủ*, thể-thống phải quan ở *Binh-*

1. — Năm *Phủ* Đô đốc : Trung, Đông, Tây, Nam, Bắc.

bộ. Ra-nộp là việc Hộ-bộ, giúp đỡ tất cùng Hộ-khoa. Lại-bộ cất bồ không dùng tài, Lại-khoa được phép bác bẻ. Lễ-bộ nghị-chế sai bậc, Lễ-khoa được phép đàn tấu. Hình-khoa luận công việc của Hình bộ trái phải nhẹ nặng. Công-khoa kiểm thời-hạn của Công-bộ mau chậm, siêng trễ. Đến như các Phủ vệ, quân nhu hạ ngạch, điền tỹ nhiều ít, tướng súy thiên tỷ, kén chọn khác nhau. Các Kinh lịch thủ-lĩnh đem kê khảo ra xét trước. Phép cũ đặt quan, đều lấy phẩm cao lộc hậu. Phép nay dựng quan, đều theo lộc bớt phẩm hạ. Các chức so với trước có thêm mà lộc phí so với trước lại vừa. Lộc đã không những. Trách thực có nơi. Cốt yếu khiến nhón nhỏ cùng tựa, khinh trọng chế nhau, uy quyền không giả, thế nước khó lay. Có phong thói cầm đạo giữ phép ; không tội lỗi trái nghĩa phạm hình. Để noi thành chí Thánh-tổ Thần-tông ta, mà giữ vững trị-an đến vô cùng ; không phải là làm ra thông-minh, loạn phép cũ, để kiểm khóa trong thiên-hạ bàn bạc vậy. Từ nay, con cháu ta nên biết chế này ban hành là xuất ư bất-đắc dĩ. Một khi pháp-độ đã định, nên kính giữ noi theo. Chớ có cạy

minh thông-minh, cần bàn Triều trước mà
đổi làm lại, đồ ngược diễn binh đề tự hãm
vào nơi bất hiếu. Kẻ làm bầy tôi giúp giáp,
cũng nên kính giữ phép thường cố giúp
vua trên, khiến nơi công trước, tránh khỏi
tội-lỗi. Bàng dâm có dẫn viện phép trước,
cần bàn đến một quan, đổi một chức, chính
thì là bầy tôi gian-aghịch, làm rối loạn phép
nước, giết bỏ chợ không thương, gia-thuộc
đều bị phát vãng ra nơi biên-viên, để rõ
cái tội làm ôi không trung. Ngõ hầu muốn
đời sau, biết đến cái ý sáng chế lập pháp
còn ngụ ở đây vậy. Cho nên có lời dụ này ! »

Như trên kia đã trình bày, và theo như
trong lời dụ này, ta phải nhận rằng vua
Thánh tông là một tay *cải-cách chính-trị*
đại-tài. Cái giá-trị nhất của sự cải-cách ấy
là sự *chia-quyền*, và các quan-chức có *trách-*
nhiệm liên-đới. Đã chia quyền, các quan
ai nấy đều phải chăm lo làm tròn phận-sự
trong phạm-vi của mình, tránh được sự tệ-
những, lạm-quyền. Có trách-nhiệm liên-đới,
nên quan-chức ngạch nọ có quyền kiểm-
soát quan-chức ngạch kia, thành thử ai cũng
phải giữ một mực công-bằng, không dám

thiên vị hà lạm, hay làm điều gì khuất tất, có hại đến nền chính-trị tốt. Không những thế mà thô, ngài còn làm tịt ngòi tham nhũng bằng cách biểu-dương tinh-tuởng các quan lại liêm-khiết, và trừng-trị những người gian tà tham lam. Việc biểu-dương không thấy trên sử chép đến. Việc trừng-trị thì thường thấy thi-hành cả loạt mỗi khi có thiên-tai lớn xảy ra. Như tháng bảy năm Hồng-đức thứ 19 (1488), đại-hạn, ngài hạ lệnh thanh lý ngục-tù, và thải các quan lại chính-tích không tốt. Hơn nữa, những kẻ nhận lễ hối-lộ bị trừng-trị một cách khắc-nghiệt. Điều 138 trong Hình-luật định rằng :

« Ăn lễ làm trái phép đi, từ 1 quan đến 10 quan bãi chức ; từ 10 đến 19 quan, bị đầy ; từ 20 quan giở lên, chém ! Các người được bắt-nghị (1) ăn lễ từ 1 quan đến 9 quan, phạt 50 quan ; từ 10 đến 19 quan, phạt từ 60 đến 100 quan ; từ 20 quan giở lên, phải tội đồ làm phu. Của hối lộ ấy bỏ vào Kho một phần, một phần giao giả bản-chủ. »

(1) Xin xem ở chương sau : Luật-lộ.

Đây là nói sự ức-hiếp kẻ có việc đề đòi lẽ. Còn những người thấy việc của mình trái mà tìm cách hối-lộ quan-trường thì pháp-luật cũng không dung nào. Điều 140 định rằng :

« Người nào thấy sự tình trái, đưa lẽ đến thì cứ y theo việc mà sử tội, người đưa lẽ xét ra oan, muốn cầu cạnh, thì giảm xuống nhẹ. Không phải việc mình đi lo hộ người khác, giảm nhẹ hơn người có tội hai bậc, của lẽ đều sung công cả. »

Như thế thiết tưởng không còn ai dám đưa lẽ và cũng không còn vị quan nào dám ăn lẽ nữa.

Còn điều này nữa mới bó buộc các quan chức : Khi một vụ tham-tang nào phát giác ra, các vị quan trên trực tiếp với phạm quan (như Phủ quan đối với huyện quan) vì liên đới trách nhiệm, cũng bị liên lụy theo.

Đã cải tổ lại quan chế và biểu-dương liêm khiết trong quan - trường, tất nhiên, ngài phải định lại cả đến lương bổng của các quan. Nhưng theo như trong tờ dụ đã nói :
« quan đặt thêm nhiều, mà lộc phí vẫn

thế », thì có lẽ lương bổng các quan lại ít hơn trước. Đây là số lương đồng niên của các vị quan ấy :

Chánh nhất phẩm : 80quan. Tòng nhất phẩm 74quan

» Nhị »	68 »	» Nhị »	62 »
» Tam »	56 »	» Tam »	52 »
» Tứ »	48 »	» Tứ »	44 »
» Ngũ »	40 »	» Ngũ »	36 »
» Lục »	33 »	» Lục »	30 »
» Thất »	27 »	» Thất »	24 »
» Bát »	21 »	» Bát »	18 »
» Cửu »	16 »	» Cửu »	14 »

Ngoài ra còn được tiền chức-vụ tra phái (khi khám xét việc gì), tiền gạo cung mừng khi nhậm chức. Lệ định rằng các quan Phủ, huyện đáo nhậm, Xã nhơn phải mừng tiền 5 tiền (Mỗi tiền 60 đồng), gạo một thúng ; Xã vừa, 4 tiền, gạo một thúng ; xã nhỏ, 3 tiền, gạo một thúng. Ngày nay, mỗi khi có quan Phủ hay quan Huyện mới về tròng nhậm hạt mình, hương lý mỗi làng thường đem lễ đến mừng, có lẽ là do cái di-tục này sót lại. Cứ xét các số lương ít ỏi thế mà các quan lại ngày trước giữ vững thanh liêm, ta sẽ nhận thấy rằng

một phần vì giá sinh-hoạt ngày trước rẻ biết chừng nào, và một phần nữa, tính tiết-kiệm của cõ - nhân đáng quý biết bao ! Nhưng số lương ấy, chắc chỉ là tiền tiêu pha, còn ăn uống thì các quan đã có phần ruộng ở làng, và những quan cao từ tứ phẩm giở lên lại được thêm phần ruộng thế-nghiệp của Vua ban cho theo thứ - tự sau này :

Nhất phẩm, văn võ quốc công : ruộng thế nghiệp 400 mẫu ; ruộng cho riêng 400 mẫu ; ruộng bãi giồng dâu 100 mẫu ; ruộng tế 200 mẫu. Tiền thưởng 60 quan.

Quận-công : ruộng thế nghiệp 350 mẫu, ruộng cho 300 mẫu, ruộng dâu 90 mẫu, ruộng tế 180 mẫu, tiền 50 quan.

Hầu tước : ruộng thế nghiệp 300 mẫu, ruộng cho 260 mẫu, ruộng dâu 80 mẫu, ruộng tế 160 mẫu, tiền 40 quan.

Bá : Ruộng thế nghiệp 200 mẫu, ruộng cho 230 mẫu, ruộng dâu 70 mẫu, ruộng tế 140 mẫu, tiền 30 quan.

Tử : ruộng cho 100 mẫu, ruộng dâu 30 mẫu, ruộng tế 70 mẫu.

Tòng nhất phẩm, Nam tước : ruộng

cho 80 mẫu, ruộng dâu 20 mẫu, ruộng tế 60 mẫu.

Chánh Nhị phẩm : ruộng cho 60 mẫu, ruộng dâu 15 mẫu, ruộng tế 50 mẫu.

Tòng Nhị phẩm : ruộng cho 50 mẫu, ruộng dâu 10 mẫu, ruộng tế 40 mẫu.

Chánh tam phẩm : ruộng cho 40 mẫu, ruộng tế 35 mẫu.

Tòng tam phẩm : ruộng cho 30 mẫu, ruộng tế 20 mẫu.

Chánh tứ phẩm : ruộng cho 20 mẫu, ruộng tế 15 mẫu.

Tòng tứ phẩm : ruộng cho 15 mẫu, ruộng tế 10 mẫu.

Ngoài ra những người tài-đức huân-nghiệp, có công to với nước nhà, đặc-biệt được thưởng ruộng thế-nghiệp, thì lâm thời đặc-chỉ ban cho, không theo lệ này, không tính phẩm trật và hạn số ruộng.

Đề cho quan-trưởng có trật-tự nhất định danh-hiệu rõ-ràng, quyền - hạn phân-minh, không ai có thể lấn vượt được, nhà vua lại ban ra mấy điều nữa :

1.) *Giấy cấp nhận*. — Từ trước, các quan văn nhất phẩm được cấp chế ; Võ nhất,

nhị phẩm, văn nhị, tam phẩm được cấp *cáo*; Võ tam phẩm, và văn tứ phẩm, được cấp *sắc*. Nay đổi lại: Công hầu, bá được cấp *chế-mạnh*, Văn, võ bách quan từ nhị phẩm được *cáo-mạnh*; Tam tứ phẩm cấp *Sắc-mạnh giấy rồng*; Lục, thất phẩm được *sắc-mạnh hắc-lạn*, giấy trắng viền vẽ đen; Bát cửu phẩm, được *khâm-hợp*, giấy trắng không.

2.) *Thông tư*. — Có 24 bậc, mỗi bậc *một tư* chia ra làm *Trật, Giai, Liên, Ban, Tự, Chế Tuyền, Liệt*, tính từ thượng trật đến thượng liệt, từ Trung trật đến trung - liệt rồi từ Hạ trật đến Hạ liệt. Thượng trật có cả 24 tư, mà cuối cùng là hạ-liệt chỉ có một tư.

3.) *Giữ chức*. — Có sáu lối: a) *Cáo chưởng*, chức cao giữ việc nhỏ. b) *Sắc-tri*, chức ở nha-môn, lại giữ cả việc thuộc về nha-môn ấy. c) *Lục kiêm*, chức này kiêm cả chức kia. d) *Tự thự*, quan nhỏ giữ việc quan to. đ) *Chi hành*, phẩm cao giữ chức thấp. e) *Nghĩa quyền*: phẩm thấp giữ chức cao.

Còn *tước* và *phẩm* vẫn theo như cũ.

Tước có năm : Công, hầu, bá, tử, nam. Phẩm có 9, mỗi phẩm hai trật.

Xét qua toàn-thể từ nền-tầng hạ-tầng cho lên đến thượng-tầng xã - hội, ta thấy vua Thánh tông đã thay đổi hồ khắp cả cơ-quan quản-trị một cách rất chu-đáo, cặn-kẻ và có thể nói là phiên-tập nữa. Mà mục-dịch sự thay đổi ấy là tựa theo những thích-hợp cho cuộc sinh-hoạt mà mưu cuộc trị - an tươi đẹp cho dân nước. Như ngài đã tuyên bố trong lời dụ : « *không phải đem thông làm loạn phép cũ* », chính vì trình-độ dân-chí đã lên cao, cuộc sinh-hoạt đã trở nên phức-tạp mà cuộc sửa đổi kia cần phải có. Ngài chỉ là một nhà chính-trị biết theo đà tiến-hóa của dân chúng mà cải-cách cho hợp với nguyện vọng chung của toàn - quốc, để mưu hạnh phúc cho dân. Cái giá-trị lập-pháp của ngài là ở đây. Mà công - nghiệp của ngài được sán-lạn hơn các vua chúa khác cũng nhờ ở đây. Ngài lại hơn người ở chỗ biết, đã mưu hạnh phúc cho dân tất phải không làm phiền dân, nên quan tước dù tăng thêm mà số lộc phí vẫn giữ nguyên như cũ. Vì vậy các thuế má có phần nhẹ.

Xin lược kê ra như sau :

Thuế định gọi là *quý-tiền* 季錢, trừ những người lão nhiều 60 tuổi giở lên và hoàng đinh chưa đến 18 tuổi, cũng những người thuộc vào tráng, hạng tòng quân, và những người phế tật, còn mỗi người phải đóng thuế đồng niên là 8 *tiền*. Dem so với thuế đinh đời Trần tính theo ruộng (một, hai mẫu đóng 1 quan ; 3, 4 mẫu đóng 2 quan ; 5 mẫu giở lên đóng 5 quan, cùng đinh không có ruộng không phải thuế), đời vua Hiến-tông, mỗi xuất đóng một quan hai *tiền*, đến đời vua Thần-tông (1649-1662) mỗi xuất đinh không tòng-chinh phải đóng 3 quan năm *tiền*, ta thấy rằng đinh-sưu đời Hồng-đức nhẹ nhiều.

Về thuế điền, ngài chia ruộng ra làm 3 bậc : *Nhất đẳng điền*, mỗi mẫu đồng niên phải nộp 60 thưng thóc (mười thưng là một đấu) và tiền 6 quan. *Nhị đẳng điền*, mỗi mẫu 40 thưng thóc và 4 quan. *Tam đẳng điền*, mỗi mẫu 20 thưng, và tiền 3 quan. Ruộng bãi giống dâu cũng chia làm 3 bậc, thuế nhẹ hơn, nộp bằng tơ hay tiền cũng được. Ruộng *tư-diễn* không phải nộp thuế.

Còn đất *thổ trạch* để ở, theo hạn-định, quan viên được 80 thước (5 sào 5 thước), quân dân chức sắc được 50 thước (3 sào 5 thước), phế tật cô quả 20 thước (1 sào 5 thước) là không chịu thuế, còn ngoài ra là phải đóng theo thuế ruộng.

Đem thuế ruộng này so với mọi triều trước, như triều Lý, từ Lý Nhân-tông mỗi mẫu nộp thuế có 3 thung và triều Trần, từ đời Thái-tông năm Thiên-Ứng Chính-bình 11 (1248), mỗi mẫu phải nộp 100 thung, ta thấy có phần nặng hơn. Nhưng so với thuế các triều sau, có phần tăng lên nhiều, lại đánh thuế cả tư-diên, tư-thổ, viên tri thổ-trạch, thì cái số thuế ruộng kia cũng chưa lấy gì làm cao. Mà, với số quan-chức gia-tăng, số nhu-dụng cho quốc gia ngày một nhiều, số thuế đình-diên chỉ có thế, (ta nên nhớ rằng về thời vua Thánh-tông chưa có các thứ thuế *gián-thu*), việc chi-dùng của Triều đình và Chính-phủ tiết kiệm đến chừng nào ! Vì vậy, một đôi khi trong công khổ cạn tiền, mà muốn dùng việc lớn, vua Thánh tông cũng phải thi-hành những chính sách lâm-thời để thu thêm tiền, như ngay năm

đầu Quang-Thuận, ngài vừa lên ngôi tháng trước, hơn một tháng sau, ngài đã hạ chiếu cho quân dân nộp thóc cho nhà nước được bổ đi làm chức tán-quan : ai nộp 200 hộc được bổ quan Thất phẩm ; nộp 150 hộc bổ tòng thất phẩm ; 100 hộc bổ Chánh bát phẩm, các con cái đều khỏi phải đi lính. Ai nộp 70 hộc được bổ tòng cửu phẩm, mà chỉ một mình được miễn lính thôi. Đó là trường hợp đặc-biệt, chỉ có tính - cách nhất thời thôi. Ngoài ra, ngài còn định ra tiền phạt, tiền chuộc tội, tiền rửa chữ ở mặt, (người nào bị tội đồ, tội lưu, phải thích chữ vào mặt nhiều ít tùy theo nặng nhẹ), ai phẩm tước cao phải chịu nhiều tiền hơn.

Xem như thế, Vua Thánh-tông lại tỏ ra là một tay kinh-tế có tài, đã đặt ra chế-độ không phiền dân, lại biết thu tiền tài mà khiến dân không oán ! Tấm lòng chú-trọng đến dân sinh thực là sâu rộng vậy.

Đã là một nhà chính - trị có tài kinh-tế, hẳn lưu ý đến dân-sinh, nên ngài thường săn-sóc đến nghề-nghiệp chính của toàn dân, tức là nghề làm ruộng và giồng dâu nuôi tằm vậy.

Năm quang-thuận thứ 7, tháng 12, ngài hạ chiếu bắt các phủ huyện phải trông nom và khuyến-khích việc làm ruộng và giồng dâu.

Năm Hồng-đức thứ sáu (1475), tháng 8, ngài đặt ra hai ty *Hà-đê* để trông coi riêng việc đê-diều, giữ cho dân gian khỏi lụt-lội hại mùa-màng, và *Khuyến-nông*, riêng khuyến-khích về công việc làm ruộng, giồng dâu. Mỗi phủ có hai ty ấy, có một quan *Hà-đê ty-Sứ* và một quan *Khuyến-nông Sứ* đứng đầu. Thành thử trong nước có tất cả 53 phủ, được 53 ty *Hà-đê* và 53 ty *Khuyến-nông*.

Ngoài ra ngài còn đặt ra 42 sở *Đồn điền* ở những miền Thượng-du lắm đất hoang, để chuyên khai-khẩn các ruộng đất mới làm lợi cho dân. Có 13 viên quan *Đồn điền chánh sứ* đứng trông coi công cuộc ấy. Ngài lại đặt ra 31 sở *Tâm-tang*, 18 sở *Điền-mục*. Sở *Tâm-tang* chuyên nuôi tầm lấy tơ cho nhà nước dùng và kén chọn giống chùng tầm tốt, cũng là dạy dân biết cách thức nuôi tầm được nhiều tơ. Sở *Điền-mục* chuyên trông coi về việc chăn nuôi. Có 18 viên quan coi *Tâm-Tang Sở* và 5 viên quan

Diễn-mục-Sứ đứng chủ-trương 31 sở Tầm tang và 18 sở Diễn-mục ấy.



Ta đã rõ công-việc xếp đặt chính-trị của vua Thánh-tông. Ta đã rõ cái giá-trị của công cuộc cải cách ấy, là ở chỗ thích-hợp với trình-độ tiến-hóa của dân chúng, đề mưu cuộc sống thái-bình và sung sướng cho tất cả toàn dân. Cái chủ-định ấy thật là cao-thượng, khoan-hồng đáng bái phục lắm. Thấy nền tảng chính trị từ dưới suốt dọc lên đến trên, đều bất hợp-thời để trở nên đồi bại và có nhiều tệ những, người cầm đầu chính-trị biết sửa đổi lại, chia quyền ra, đặt mỗi người thừa hành vào địa-vị riêng biệt của họ với tất cả mọi quyền-hành và trách-nhiệm, làm cho trong nước có trật-tự, trên dưới nhất luật tận-tụy với nền thịnh-trị chung, như một cung đàn đúng nhịp, con người ấy, cố nhiên là một bậc đại-tài, không ai chối cãi được.

Nhưng những tổ-chức chính-trị, dù hay tốt ra nữa, cũng chỉ là hình-thức thời. Nó chỉ hoàn-toàn giá-trị khi nào nó chứa đựng

bên trong một tinh-thần công-bằng, sáng suốt và mạnh mẽ, nói tóm lại, là một tinh-thần cao quý. Cái tinh-thần ấy tức là *luật lệ thi hành* mà các cơ quan chính trị kia phải lấy đấy làm tiêu-chuẩn để trị nước và sử sự. Nền tổ-chức cũng gì ống như cái khung nhà, còn! luật-lệ là các thứ trang-hoàng bài-chí trong khung nhà ấy. Cái khung nhà kia dù vững-vàng rộng-rãi, mà sự chia ngăn không được ngăn-nấp, bài-chí lộn-sộn và trang-hoàng không có nghệ-thuật, hay cùng ra nữa, cái khung nhà ấy bỏ chổng không, có phải ta thấy nó trơ-trên, dơ-dạng, buồn-tẻ lạ-lùng mà ta không muốn bước chân vào. Trái lại, một cái khung nhà dù thấp bé và mỏng-mảnh, chật hẹp đi nữa, mà bên trong có ngăn nấp, bày biện đẹp mắt, gọn gàng, đi đứng được nhẹ nhàng, lại được thoáng hơi vì nhiều cửa, ta vẫn thấy dễ chịu hơn. Về phương-diện chính-trị cũng vậy, cách tổ-chức hay, mà luật pháp thi-hành dở thì cũng chẳng có ích lợi gì cho dân nước cả. Cho nên muốn nghiên-cứu về chính-trị, cần phải nghiên - cứu cả đến luật pháp. Muốn biết cuộc cải - cách

chính-trị của vua Thánh-tông có được hoàn-
toàn giá trị không, ta cần phải biết rõ mọi
luật pháp thi-hành hồi ấy, ngõ hầu mới có
thể định-đoạt được.

CHƯƠNG III

Luật - lệ

Ngày nay muốn biết rõ trình-độ sinh hoạt và tiến-hóa của dân-tộc đời trước nhất là dân tộc Việt-nam ta, mà lịch sử chỉ toàn chép những cuộc biến-thiên, những việc chinh chiến, những hành vi to nhỏ của nhà vua và cơ quan thống-trị, ngoài những phong dao tục ngữ ra, thiết tưởng luật lệ là tài-liệu quý báu nhất để cho ta nghiên cứu. Vì luật lệ là phản-ảnh của xã hội. Luật lệ chỉ có thể rộng rãi thích hợp, với lòng dân mong mỏi, hay là khắc nghiệt, hà khắc để kiểm chế ức hiếp dân ; chứ không một điều luật nào lại bông lông giữa giới, không có mẫu cơ

gi với cuộc sống thực tại cả. Nhưng những bộ luật của đời trước còn lại được đến ngày nay phần nhiều không được toàn vẹn và đúng bản, phần vì lẽ các sách vở thất truyền, tam sao thất bản sai đi nhiều lắm, phần vì các điều-lệ thi hành cứ dần dần thay đổi. Bộ Luật Hồng - đức đời vua Thánh-Tông cũng vậy, ngày nay cũng chỉ còn thấy rải-rác trong các sử sách, lẫn trong bộ Lê triều Hình - Luật, và còn chép lại thành một quyển trong bộ Thiên-Nam Du-hạ tập Bộ *Lê triều Hình-luật* đặt ra có lẽ từ đời vua Lê Thái-Tổ, song ta dám tin rằng vua Lê Thánh-Tông có sửa chữa lại, vì :

1.) Những điều lệ lần lượt thi hành trong khoảng năm Quang-Thuận và Hồng-Đức phần nhiều đều có ghi cả trong bộ luật ấy.

2.) Trong chương *Vệ-Cấm* có 47 điều mà đến 40 điều nói rõ ràng, tỉ mỉ, cấm những kẻ hữu sự, hoặc vô sự, ra vào nơi cung cấm. Có lẽ nhân cái gương hại cuộc bạo-động đột nhập trong cung (1), nên ngài mới

(1) Ngự-Dân giết Nhân-tông, và sau, các đại thần trừ loạn bỏ Ngự-Dân.

định lệ cấm rành-rọt như vậy.

Bộ Lê Triều Hình Luật chia làm sáu quyển, gồm có 721 điều, nội dung chia ra như sau :

Quyển I hai chương : chương *Danh-lệ* 49 điều, từ điều 1 đến điều 49, chương *Vệ-cấm* 47 điều từ điều 50 đến điều 96.

Quyển II hai chương : chương *Vi chế* 144 điều, từ điều 97 đến 239. Chương *Quân-chính* 43 điều, từ điều 240 đến 282.

Quyển III sáu chương : chương *Hộ-hôn* 60 điều, từ điều 283 đến 340 chương *Điền-sản* 32 điều từ điều 341 đến điều 372. Chương *Thủy-tăng điền-sản* 14 điều từ 373 đến 386. Chương *Tăng bổ Hương-hỏa* 4 điều : từ điều 387 đến điều 390 ; Chương *Hưu tăng bổ Hương hỏa lệ* 9 điều từ điều 391 đến điều 399. Chương *Gian-thống* 10 điều, từ điều 400 đến điều 409.

Quyển IV hai chương : Chương *Đạo tặc* 54 điều, từ điều 410 đến điều 463 ; chương *Đấu-lung* 50 điều, từ điều 464 đến điều 513.

Quyển V hai chương : chương *Trá-ngụy* 38 điều, từ điều 514 đến điều 551. Chương *Tạp-luật* 92 điều, từ điều 552 đến điều 643.

Quyển VI hai chương ; chương *Bộ-vong* 12 điều, từ điều 644 đến điều 656. Chương *Đoái-ngục* 65 điều, từ điều 657 đến điều 721.

Đây là luật hình. Còn luật hộ, trong *Thiên-Nam Tr-hạ tập*, có chép riêng theo thứ-tự thi-hành từng năm :

Các điều-lệ thi hành trong khoảng 10 năm *Qiang-thuận* tất cả có 40 điều. Các điều lệ thi hành trong khoảng 28 năm *Hồng đức* có 61 điều. Tất cả thành 101 điều.

Nay xét tất cả luật hình-luật hộ hồi ấy, ta nhìn thấy mấy cái đặc-điểm này :

- 1) *Hình-phạt nhân-dạo.*
- 2) *Tôn-trọng quyền-lợi cá-nhân.*
- 3) *Tôn trọng quyền lợi phụ-nữ.*
- 4) *Tôn-trọng quyền-lợi công-cộng (xã hội).*
- 5) *Duy-nhất phong-tục.*

Bây giờ ta lần lượt nghiên-cứu các luật-lệ quanh đặc-điểm ấy.

— Hình-phạt nhân-dạo

Triều Lê cũng theo hình luật đời Chu đời Đông bên Tàu mà gia-giảm dùng

ngũ hình (5 cách trị tội) để trừng-trị tội-nhân. Ngũ hình là :

1.) *Suy-hình*, đánh bằng roi tre hay roi mây, chuyên dùng phạt tội nhân đàn bà, có 5 bậc : 10 roi, 20 roi, 30 roi, 40 roi, 50 roi.

2.) *Trượng-hình*, đánh bằng gậy gỗ, đầu bịt đồng, dùng phạt riêng đàn ông, có 5 bậc : 60 gậy, 70 gậy, 80 gậy, 90 gậy, 100 gậy.

3.) *Đồ - hình*, tội đầy có 3 bậc : a) *Dịch - đình* : đàn ông đầy làm phu hầu cơm nước trong quân, đàn bà đầy làm vườn, nuôi tằm. b) *Tượng - hương*, đàn ông đầy làm lính chuồng voi, đàn bà làm phu thổi cơm, đều bị thích vào trán hai chữ. c) *Đồ chủng-diễn*, đàn ông làm phu cấy ruộng đồn điền, đàn bà say lúa, gặt gạo, đều bị thích trán 4 chữ, đeo một khối chân.

4.) *Lưu-hình*, lưu đi xa, có 3 bậc : a) *Lưu cận-chu* (Nghệ an) bị trượng 9 gậy, thích 6 chữ vào mặt, đeo 1 khóa chân. b) *Lưu ngoại-chu* (Bố-chính) trượng 10 gậy, thích 8 chữ vào mặt, đeo 2 khóa chân. c) *Lưu viễn chu* (Quảng-Nam) trượng 100 gậy, thích 10 chữ vào mặt, đeo 4 khóa chân.

5.) *Tử-hình*, tội chết, có 3 bậc : a) *Giảo* (thắt cổ) — *Chém*, b) *Chém bêu đầu* c) *Lăng trì* (Tùng sẻo).

Lại theo Chu-lễ định ra *Thập ác* và *bát nghị* để đề kết tội.

Thập ác là :

- 1) *Mưu phản*, làm nguy xã tắc.
- 2) *Mưu đại-nghịch*, phá hủy tôn miếu.
- 3) *Mưu bạo*, trái nước theo giặc.
- 4) *Ác nghịch*, đánh giết cha mẹ, chú bác, cô dì,, anh chị, cha mẹ chồng, ông bà.
- 5) *Bất đạo*, giết cả một nhà 3 người.
- 6) *Đại bất-kính*, tỏ ra vô thần, ở lâu Vua, đi xe Vua, lộng hành như Thiên-tử vậy.
- 7) *Bất hiếu*, chửi cha mẹ, không để tang.
- 8) *Bất mục*, mưu sát hay đánh các người họ phải để tang 3 tháng và 5 tháng,
- 9) *Bất nghĩa*,
- 10) *Nội-loạn*, thông dâm với người họ để tang 5 tháng, với vợ lẽ ông.

Phạm vào thập ác đều bị tử-hình cả.

Bát nghị là :

- 1.) *Nghị thân*, họ thân nhà vua, họ với Hoàng Thái-bậu phải để tang 5 tháng giở lên,

với Hoàng-hậu phải tang chín tháng giở lên.

2.) *Nghị cổ*, chỗ chơi bởi quen thuộc cũ với nhà vua.

3. *Nghị hiền*, có tiếng là hiền-đức.

4.) *Nghị đức*, có đức vọng.

5.) *Nghị năng* có tài giỏi.

6.) *Nghị quý*, các quan từ tam-phẩm lên, tán-quan từ nhị phẩm lên.

7.) *Nghị cần*, nổi tiếng là cần lao, chăm chỉ.

8.) *Nghị tán*, đời trước là khách của nhà vua.

Ai thuộc vào bát nghị ấy mà phạm tội, thời trình tâu, đưa xuống quần-thần bàn, được giảm.

Hình phạt ấy không thi-hành với người già, trẻ con và những người đốc-tật. Ông già từ 75 tuổi, trẻ con 15 tuổi xuống hay là người có đốc tật phạm tội lưu, cho chuộc, không kể tội thuộc thập ác, 80 tuổi và 10 tuổi, hay đốc-tật phạm phản nghịch, giết người đều cho chuộc. Từ 90 tuổi giở lên và 7 tuổi gở xuống, phạm tử-tội cũng không gia-hình (điều 16 trong Lê Triều Hình-luật)

Điều luật 17 còn nhân-đạo hơn nữa : Lúc

phạm tội chưa già tật, mà lúc bị cáo phát, già tật, sử theo già tật. Phạm tội lúc nhỏ, lớn lên mới phát, sử theo lúc nhỏ.

Pháp-luật lại rộng cho cả con cháu được chịu các khinh-tội thay cha mẹ, ông bà. Những người hiếu nghĩa ấy được giảm nhẹ đi: Con cháu vì cha mẹ ông bà chịu thay tội suy, trượng, giảm cho một bậc, (điều 38 Hình-luật).

Đối với các tội-nhân, các ngục - quan, hình-quan cũng không được hành hạ tàn-ác. Các tù-nhân nào nên xin kiểm - nghiệm để cấp áo mặc và lương ăn, mà không xin cấp; các khinh tội nên nghe thân-cố cấp cho, mà không nghe, trượng 80 gậy. Vì thế mà tội-nhân đến chết, biếm 2 tư (điều 661 L. T. Hình luật).

Các hình - quan được phép tra - khảo để truy nguyên ra sự thực. Nhưng khảo không được quá 3 bận. Số trượng đánh không được quá một trăm. Quá số ấy, phải phạt tiền 100 quan. Vì khảo thế mà người ta chết, bị biếm và đồ. (điều 667 L. T. Hình-luật).

Tội-nhân có bệnh tật ghẻ lở, phải đợi cho

khỏi bệnh mới được khảo. Có bệnh lỡ chưa đợi khỏi mà cứ khảo, tội biếm, (cùng điều 667).

Đối với những người già và trẻ con không được khảo tra : 70 tuổi và 15 tuổi, hay có phế-tật, không được khảo tấn, cứ theo chứng định tội. Trái thế, sử theo tội cố-thất, nghĩa là cố ý mắc lỗi (điều 665 H. L.).

Có như vậy, các hình quan mới thận-trọng trong công-việc, và xét đoán mới công-minh được. Sử người nào đúng vào tội của người ấy, không còn thể kêu ca được, và rất ít khi sử đến tội chém bêu-đầu và lăng trì. Kê được như thế cũng có thể gọi là nhân-đạo lắm.

2) Tôn-trọng quyền-lợi cá-nhân

Xã-hội Việt-nam đến đầu đời Lê, thật rất bình-đẳng. Phần ruộng đã chia đều, người nào cũng có tài-sản để mưu sinh tự-do. Chế độ tư-sản đã bắt đầu phát-lộ, con người không bị nô-lệ vật-chất vào gia-đình hay những tay hào-cường thường chiếm công vi tư nữa. Cá-nhân đã thoát-ly được sự giàng-buộc vật-chất, pháp-luật cũng đi đôi

với sự thoát-ly ấy để định những quy-luật mới, giữ cá-nhân trong vòng trật-tự. Những quy-luật ấy cố-nhiên là phải thích-hợp với trình-độ tiến-hóa của cá-nhân, nghĩa là phải tôn-trọng quyền-lợi họ, nếu trái lại, thì trong nước sẽ loạn. Vua Thánh-tông là một vị minh-quân biết rõ hiện-tình ấy, lại do lòng độ-lượng thương dân, nên ngài ban ra những điều-lệ trọng quyền-lợi cá nhân, có thể đem so-sánh với điều luật các nước dân-quyền mà không thẹn. Ta hãy chú ý đến một vài điều :

Người nào hạ thủ đánh người trước, ngoài tiền tạ tội như luật, lại còn phải đền tiền thương-tồn như sau : Thâm thủng, 3 tiền ; chảy máu, một quan ; gãy một ngón tay hay 1 răng, 10 quan ; chém đâm thành thương tích, 15 quan ; trụy thai chưa thành hình, 30 quan ; trụy thai đã thành hình, 50 quan ; đứt lưỡi hủy hoại âm dương đều 100 quan. (Điều thứ sáu trong 6 điều lệ về đánh nhau thi hành từ năm Hồng-đức 15.)

Ta thấy số tiền đền thương rất ít. Nhưng nên nhớ rằng hồi ấy giá sinh-hoạt rẻ, người ta tiêu pha đời nhác tính từ đồng kẽm (1

quan 600 đồng) đã có giá trị, thì số tiền đền kia cũng đã là to. Vả mạng người cứu phạm, thường-dân cũng chỉ trị giá có 150 quan. (Điều 29 L. T. Hình-luật : Tiền đền mạng là : Nhất phạm 15000 quan, nhị phạm 9000 quan. Tam phạm 7000 quan. Tứ phạm 5000 quan. Ngũ phạm 2000 quan. Lục phạm 1000 quan. Thất phạm 500 quan. Bát phạm 300 quan. Cửu phạm thường dân 150 quan). Như thế ta cũng đỡ bản-khoản về số tiền ít ỏi.

Trộm cướp là phạm trực-tiếp ngay đến quyền-lợi cá-nhân, nên pháp luật thẳng tay trừng trị :

Trộm cá ao, hoa quả, gà lợn, thóc lúa, đầy làm phu. hầu trong quân (1 trong 12 điều Đạo tặc đời Hồng-đức).

Trộm vào cửa ngõ, lưu viễn-chu (Điều lệ thi hành từ Quang-thuận thứ 5).

Trộm sơ-phạm lưu viễn-chu, tái phạm chém. (Điều 428 L. T. Hình luật). Tái phạm đục tường khoét vách, tinh ác rõ-rệt, như luật tử-nghi rồi. Bằng trước sau đều tội nhỏ cả, sự tình vả nhẹ, khám - quan thực tâu lên, lấy lượng khoan-giảm cho, lưu viễn-chu (thứ

hành từ Quang-thuận thứ năm).

Trộm trâu 20 con, lưu viễn-chu, 10 con, lưu cận chu, 5 con giở xuống, 1 con đầy lính chuồng voi, hai con đầy lính đồn-diên, cứ mỗi con tăng mỗi bạc. *(Điều lệ thi hành từ Quang-thuận thứ sáu).*

Con ở ăn trộm, mà chủ nhà không biết trần cáo, là quan chức, biếm xuống 3 tư, không phải là quan, đầy làm lính đồn-diên. Giấu điểm của ăn trộm ấy, chịu cùng tội với kẻ trộm *(điều lệ năm Q T. 6)*

Cướp thường, kẻ cầm đầu phải tội chém. Tòng-phạm sử giảo. Điền sản nhập quan cả. *(Điều 425 L. T. Hình luật).*

Không những kẻ chủ mưu và dự mưu cướp trộm bị tội mà thôi, pháp luật truy-tố cả kẻ vô tình mà thành dung-túng bọn gian trộm nữa :

Công hầu thế gia có trang riêng, mà để làm chỗ chứa trộm cướp, bị phạt tiền 500 quan, trang bị đoạt làm của công, kẻ giám-trang sử giảm tội cướp một bạc. Người mách được thưởng một phần mười về số của trang bị đoạt ấy *(điều 454 L. T. H. L).*

Những người trên dù quyền thế bạc nào

cũng không được vì một cớ gì xâm phạm đến quyền lợi cá nhân :

Quan chức nào đàn-thu của dân làm lễ vật tiến phụng, bị biếm một tư, tội nặng thêm một bậc, lễ vật lại giả dân. (điều 299 *L. T. H. L.*).

Các quản-hạ nhà Vương Công cậy thế bắt dân đình làm phu chèo thuyền và hầu hạ, từ một người đến mười người, phạt 100 quan, từ 10 người giở lên phạt 300 quan, truy thu tiền công nhật nhập quan (tiền công mỗi ngày 30 đồng tiền) Kẻ quản-gia bị biếm một tư. (điều 361 *L. T. H. L.*).

Thu lạm tiền của cá-nhân cũng là một tội rất nặng. Của bách gia không thể nào được để làm giàu cho một người, nên lệ phải định rằng : Thu lạm từ : 2 tiền giở lên, trượng 50 gậy, biếm 3 tư ; 5 tiền giở lên, trượng 80 gậy, đầy làm phu hầu hạ, 7 tiền giở lên đầy chuồng voi, 9 tiền giở lên đầy làm lính đồn điền. 1 quan phải tội lưu (điều thứ 9 trong tập luật từ Hồng-đức 15).

Người phạm tội mà chưa thành án cũng được tôn-trọng như người thường. Quyền lợi cá-nhân của người ấy vẫn còn ngang

như những người khác :

Các quan lại thuộc ty Ngũ hình, có thu tiền « *dầu giấy* » phải đợi đến khi việc kiện sử xong, mới được thu, không được đem giam người bị và chứng tá để đòi tiền. Trái sẽ tội (*điều lệ từ năm Quang-thuận 6*)

Một điều đáng chú ý nhất là đã phạm đến quyền cá-nhân thì đứng trước pháp-luật đều tội cả, không phân biệt quyền quý hay thường dân. Nhiều khi các quan chức quyền quý lại bị sử nặng hơn.

3.) Tôn-trọng quyền-lợi phụ-nữ

Đã trọng quyền lợi cá-nhân tất nhiên phải tôn-trọng quyền-lợi phụ nữ. Thời ấy đàn bà được ngang với đàn ông về quyền-lợi, có khi đặc biệt hơn nữa. Ngay từ khi sắp sửa lấy chồng, người con gái được hỏi ý kiến xem có bằng lòng, thì việc hôn thú mới thành. Một khi, đôi bên giai gái đã bằng lòng định thân rồi, mà chưa tới kỳ thành-hôn, người con gái bị ác tật hay phạm hình, hoặc phá sạch gia sản, người con gái có thể trình quan làm bằng, đem giả của sinh-lễ, không cho lấy nữa. Người con gái nào trái lệnh, cố ý bắt ép

sẽ bị trượng 80 gậy. Trái lại, nếu người con gái mắc tật hay phạm hình, pháp luật không truy, người con gái không được bỏ (*điều lệ thi-hành từ năm Hồng-đức thứ chín*).

Người nào lấy vợ chưa đủ sinh lễ, mà toan muốn thông dâm, trượng 80 gậy, đây làm lính đồn-diên, thuộc vào vệ quan bản phủ (*điều lệ năm Hồng-đức 19*).

Người con gái đã xuất giá rồi vẫn được hưởng quyền lợi bên nhà bố mẹ đẻ, mà lại không bị liên can về tội vạ. Người con gái lấy chồng, cha mẹ mắc trọng tội, không bị nhập quan làm nô tỳ nữa (*điều lệ năm Hồng-đức thứ hai*).

Trong gia-đình quyền lợi vật chất người đàn bà cũng ngang với đàn ông. Tài sản của cha mẹ để lại, trừ một phần hai mươi là của hương-hỏa, còn bao nhiêu chia đều cho các con, phần của con gái con gái đều nhau. Không những thế, người con gái lại được nhận cả phần hương-hỏa, nếu khi người ấy không có anh em trai để thờ phụng cha mẹ.

Người đàn-bà đã lấy chồng, dù làm kế và không có con nữa, Pháp luật cũng định phạt cho người ấy rõ-ràng : Vợ trước có một con,

vợ sau không con, chồng chết, điền sản chia 3 ; hai phần về con, một phần về vợ sau. Bấy giờ vợ trước 2 con giở lên, vợ sau được đều phần với các con. Phần tài sản ấy, người vợ sau được ăn hưởng suốt đời, chỉ khi nào cải giá mới giả lại các con chồng. Nếu điền sản ấy là công lao gây dựng của vợ sau, thì trước hết chia làm hai phần ; một phần của vợ sau là tư-sản, đi lấy chồng khác cũng vẫn được đem theo. Còn một phần lại chia đều như trên, người vợ sau cũng vẫn được một phần. (điều 345 L. T. H. L.)

Người đàn bà lấy chồng là cốt mong gây hạnh phúc gia đình, nên người chồng không được xa vợ lâu, trừ khi nào phải đi công-sai không kể.

Người chồng nào xa vợ năm tháng, không thân đi lại, mất vợ ; có con cái rồi gia hạn là một năm. Vì công sai đi xa, biệt luận (điều 307 L. T. H. L.)

Pháp-luật bênh vựe riêng biệt những con gái mồ-côi vị thành-niên :

Phụ-nữ mồ-côi, trẻ dại, tự bán mà không có người đứng nhận, người mua, người viết văn-tự chứng kiến đều bị suy, trượng cả :

Đàn ông trượng 60 gậy, đàn bà suy 50 roi ; nguyên-tiền giả lại chủ mua. Nhược bằng con gái từ 15 tuổi giở lên, cô độc khốn cùng, tự ý theo bán thì được, không bắt tội. (*điều lệ năm Hồng dư : thứ chín*).

Con gái ít tuổi còn đại-dột, không được tự-quyền làm gì cả, dù bằng lòng cũng vậy. Pháp-luật can-thiệp đến để giữ lợi cho chính thân người con gái và bắt buộc người khác không ghi dõ người con gái vào đường lầm lẫn :

Thông dâm với gái nhỏ 12 tuổi, tuy là đồng tình cũng bị coi như là cưỡng dâm, con gái bị tội lưu (*Điều thứ 4 trong 10 điều gian-thông thi-hành năm Hồng Đức 19*).

Con gái phạm tội cũng được xử nhẹ hơn :

Con gái ăn trộm đánh 50 roi, phạt tiền 3 quan. Tái phạm đánh 50 roi, lưu viễn-chu. (*Điều lệ Hồng-đức 19*).

Xét qua mấy điều như trên, ta đủ nhận thấy quyền-lợi phụ-nữ được phân-định và tôn-trọng rất châu-đáo rồi vậy.

4. — Tôn-trọng quyền lợi
công-cộng (xã hội)

Biết đến quyền lợi cá-nhân, quyền-lợi phụ-nữ, mà không biết đến quyền-lợi công-cộng, để ai muốn làm gì thì làm tự ý, tức là để cho trong nước loạn vậy. Cho nên Pháp-luật nào cũng phải chú trọng đến quyền-lợi công cộng, nghĩa là hạn định quyền hành và nghĩa vụ một cá-nhân đối với nhiều người, với tất cả toàn dân. Ấy là quyền-lợi xã-hội vậy. Pháp luật Hồng-đức rất nghiêm về phương diện này. Trước hết định rõ danh-phận người này đối với người khác không được lấn-át nhau. Người ta phải thận-trọng ngay từ việc hôn-nhân :

Gả con gái đã lấy sinh lễ, mà lại thôi không gả nữa, trượng 80 gậy. Dem gả cho người khác đã thành hôn rồi, đồ làm lính hầu oom nước. Người lấy sau biết mà cứ lấy, cũng bị tội đồ, không biết, miễn tội. Con gái giả về chồng trước. Người này không nhận nữa thì đến lại sinh-lễ, con gái lại đem giả về chồng sau. Bên nhà gái đã đưa sinh-lễ, mà bỏ không lấy nữa, cũng bị trượng 80 gậy, mất sinh-lễ (điều 314 L. T. H. L.)

Việc hôn-nhân là việc ,trọng-đại có can hệ đến phong hóa và nền-tảng gia-đình. Pháp luật thẳng-thức thế, người dân mới biết công cuộc ấy là thiêng liêng mà tránh khỏi những sự cầu-thả trong khi kén chọn và ưng thuận ; người ta phải biết tôn - trọng cái mối giao-thân giữa hai nhà.

Người trong xã - hội đều bình - đẳng về phương diện pháp-luật, không một người nào có thể cậy quyền thế mà ngăn cản công việc của người khác, miễn là công việc ấy phải hợp với pháp-luật :

Cậy hào-cường tôn-đại, sợ tội đến mình, sai người giữa đường đón bắt cướp lấy só tấu của người khác, hay bắt giam người mang só tấu, đều bị lưu hoặc sử tử. Đã đi đến bốn cửa Hoàng-thành rồi, tội ấy lại tăng lên một bậc. Người thừa sai chịu cùng tội ; Quân canh cửa thấy mà không tâu, hay đồng tình cướp hoặc cấm không cho vào cũng chịu cùng tội. (điều 229 L. T. H. L.).

Nhưng đây là nói về trường-hợp đặc-biệt, hoặc là việc hình án đã qua các thứ bậc rồi mà công việc sử vẫn không xong, chứ thường ra người dân vẫn không được vượt

bạc mà lên tàu ở Kinh. Bởi vì các quan có phận-sự phải làm việc đúng kỳ - hạn đối với dân, không được vì có gì kéo dài công việc. Quá kỳ hạn công việc không xong sẽ bị phạt : quá một tháng, biếm, quá 3 tháng bãi hẳn (điều 669 L. T. H. L.).

Phá hủy quyền lợi xã-hội nhất có lẽ là tình gian-giảo, dối-trá, nên pháp luật đặc biệt chú ý đến điểm này :

Giả chúc-thư văn-khế lừa người, trượng 80 gậy đồ theo nặng nhẹ (điều nguy-trá, thi hành năm Hồng-đức 15)

Những kẻ hèn nhát, ném đá, dấu tay, dấu tên bỏ thư, đề hồng vu-oan giá họa cho người khác, hoặc đề báo thù cho bà con giận, hoặc đề mưu cầu công danh đều bị pháp luật thẳng tay trừng trị, vì chính họ là kẻ quấy rối xã-hội :

Ai mặc danh đầu thư, phạm quốc-gia đại sự, chém ; việc thưởng, lưu viên chủ, tịch thu gia sản ; người nào báo cáo được thưởng, tùy theo tội nặng nhẹ, Thư phẩm báng thời chính, lưu cận-chu. Việc nhẹ, đồ làm lính chân voi. Mọi người giữ việc, nhận được thư không hủy đi đưa lên quan

ty đem tấu văn truyền tụng, bị suy 50 roi, biếm 1 bậc. Các quan nhận thư ấy làm lý do buộc tội người, gia thêm 1 bậc (điều 133 L. T. H. L.)

Làm hại đến quyền-lợi chung nhất là những người chiếm công vi tư, nên điều luật hạn-định rõ rằng :

Cấy ruộng quá hạn không nộp thóc, trượng 80 gậy, phạm hai lần, thu gấp đôi số thóc đền vào kho. Còn phạm nữa, thời tước lấy phần ruộng : ruộng công giao cho thi lấy cả. Còn ruộng khẩu phần lấy một nửa (Điều lệ năm Quang-thuận thứ 6)

Ở trong một xã hội nông - nghiệp, phần ruộng chia đều cho khắp cả mọi người, đến cả cô-nhi quả phụ rồi, sự chênh-lệch quá đáng giữa người sang giàu và người nghèo hèn, không còn có nữa. Những người giàu có sang trọng vẫn không có quyền chiếm cứ được nhiều đất. Ngay ở kinh-đô cũng vậy, sự mở mang nhà cửa vườn rước cũng bị hạn-định :

Vườn nhà ở Kinh, quan nhất phẩm được 3 mẫu, nhị-phẩm 2 mẫu, tam phẩm 1 mẫu, tứ phẩm 5 sào, ngũ-phẩm 3 sào, lục thất

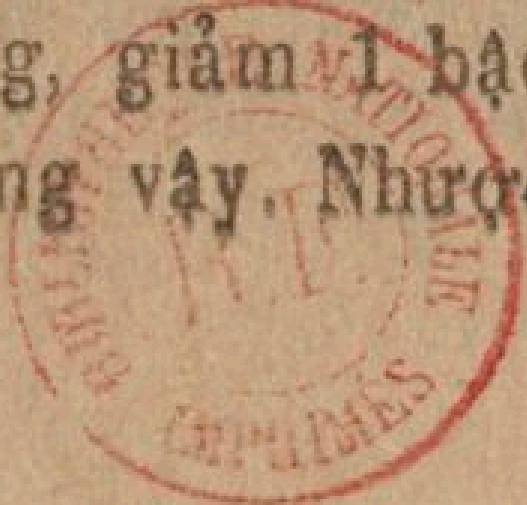
phẩm 2 sào, bát cửu phẩm thường dân 1 sào. Ai lạm chiếm quá phần, trượng 50 gây biếm 1 tư. Đã có vườn ao rồi mà còn biệt lập nơi khác, tội gấp lên 1 bậc. Ai có công được đặc tứ không kể (điều 225 L. T. H. L.).

Đã cấm cấy nhiều ruộng, ở nhiều đất, tất những người tham-lam giữ của làm giàu, vẫn còn lắm cách để thu bòn của thiên-hạ, như *thu-nhặt tiền đồng mới cho nhiều, bán hàng cao giá, tích trữ hàng hóa không bán để bán lên lút cho nhau, lấy nhiều tiền*. Để trừ tiết cả cái ngòi tham ấy, Pháp-luật định rằng :

Ai chê bỏ tiền đồng nát, bán cao giá, hay đóng hàng lại không bán đều bị tội cả. Sau 3 ngày, giá vật bán đắt ấy, đều bị tịch-thu. Người nào cậy thế mua hiếp rẻ, tội cũng vậy. (điều 198 L. T. H. L.)

Thường ở xã-hội nào cũng vậy, phần nhiều những nơi quyền-quý hay bắt nạt kẻ dưới để giữ lấy phần lợi. Về điều này, Pháp luật Hồng-đức hạn định chặt-chẽ rằng :

Kẻ trên hống hách lấy của người cũng coi như trộm thường, giảm 1 bậc. Tài-chủ sợ mà đem cho cũng vậy. Nhược bằng của ấy



chưa lấy về, trượng 60 gậy, biếm 3 tư (*điều lệ thi hành từ Quang-thiên thứ 6*).

Pháp luật không dung-túng các gia nhân trong cung hoặc các nhà thế gia, ý quyền thế người trên làm hại dân :

Ngự-trù nhà Vua, bếp nhà thế-gia quyền quý hà hiếp mọi vật ở chợ, ức hiếp mua rẻ, giám thị và người ở chợ cùng bắt giải quan, bị tội đồ, gia-chủ bị phạt. Giám-thị a-tòng không bắt, trượng biếm tùy theo nhẹ nặng. Người ngoài bắt được, thưởng. Lấy gian rau quả của người trượng biếm (*điều 576 Lê Triều Hình luật*).

Các quan-chức vị nể người nhà quyền quý không trình báo tội họ, đều bị phạt cả.

Thế-gia nô-bộc làm hại dân, xã-quan không báo cáo biếm 1 tư, đã báo, mà các quan không tâu lên biếm. (*điều 295 L. T. H. L.*).

Những điều kể trên riêng chú trọng về quyền lợi vật-chất thiết-thực, pháp-luật Hồng-đức còn chú trọng đến phong hóa nữa, nên mới có những điều-lệ sau này :

Cầu thông gian vợ người, trượng 100 gậy, thích 8 chữ vào mắt, lưu viễn-chu. (*Điều lệ Hồng-đức 19*).

Gian vợ người, lưu tử. Gian thiệp, giảm 1 bậc. Quyền - quý sử nặng hơn. Gian quả-phụ, đầy đồn-diền. (*H. Đ. 5*).

Tiền dâm hậu thú, con giai trượng 80 gậy, đồ, con gái suy 50 roi. (*Hồng-đức 19*).

Ban đêm giai gái cùng nói truyện, đồ. (*H. Đ. 19*).

Dùng thuốc cuồng mê người, lưu viễn-chu. (*Điều lệ Hồng-đức 19*).

Bán thuốc trụy-thai và đi tìm thuốc trụy-thai, đều phải tội đồ. Vì thế mà đến chết người, y phép giết người kết tội. Trong xã có người thế mà xã, thôn trưởng không cấm đều bị tội. (*Điều-lệ Quang-huân thứ 8*).

Người dân nào tự thiến (hại bộ sinh-dục), lưu ; Lân-cận không báo cáo, tội giảm hai bậc. Xã quan không biết, đồ ; thông cáo được, thực thưởng 1 tư. (*điều 30 L. T. H. L.*)

Trong một xã-hội đã tiến lên một trình-độ cao, cách tổ-chức lại chặt-chẽ và tỉ-mỉ đến cả các tiêu-tiết như vậy, chắc toàn dân đều hoan-hỉ, vui hưởng thái bình, nhưng sợ còn có những phần-tử xấu lén-lút làm phá-hoại nền trật-tự chung, và làm sai cả mỹ-ý của

Pháp-luật, nên Triều-đình đặt ra cơ-quan *Liêm-phông* để dò xét rõ thực-diện dân-tình và truy-tội mọi kẻ làm hại đến quyền-lợi chung :

Kẻ liêm-phông quan cần biết được sự-thực, nhược sơ-xuất sai suyễn, biếm, đồ. Vi ân oán, ăn lễ mà làm điên-đảo, không kể to nhỏ ít nhiều, đều bị luận hoặc sử tử cả. Thông-cáo được sự thực, thưởng tước to nhỏ tùy tội khinh trọng. (điều 197 L. T. H. L.)

Quyền lợi xã-hội đã hạn-định rõ ràng như vậy và được tuân theo rồi, tất nhiên dễ đi đến sự duy-nhất phong-tục.

5. — Duy-nhất phong-tục

Có duy-nhất phong-tục mới thống-nhất được tinh-thần, có thống-nhất tinh-thần, nước mới mong thái-bình thịnh-trị được. Vua Thánh-tông biết rõ như thế, nên trong đời ngài, ngài ban ra nhiều điều luật để duy-nhất lại mọi phong-tục, từ việc giao-dịch đến việc Hôn-nhân tang-tế.

Muốn duy-nhất phong-tục, trước hết phải định lại những danh-hiệu cho đúng và nhất-luật :

Giờ Dần giờ đi là *ngày*. Giờ Tuất giờ đi là *đêm*. Ngày có trăm *khắc*. Làm thuê từ sớm đến hết hôm là một *công* Năm tính 360 ngày.

Người tính theo số : 3 người là *chúng*, 2 người là *mưu*. Tiền công mỗi ngày 30 *đồng*.

Một khi danh-hiệu đã định rồi, ngài liền ban ra những thứ cân, thước, thưng, đấu, theo mực nhất định để dùng khắp dân-gian. Các chợ búa, cửa hàng ở Kinh-đô và các nơi, không theo đúng cân, thước, thưng, đấu ấy đều phải tội đồ. (*Điều-lệ thi-hành năm Quang-thuận thứ bảy, và điều 187 L. T. H. L.*)

Người thợ nào được cử ra làm mọi thứ ấy mà làm không đúng mực, trượng 60 gậy, biếm 1 tư. Người giám-đương không biết, phạt tiền 10 quan (*điều 190 L. T. H. L.*)

Lúc bảy giờ trong dân-gian thường có lắm nhà gặp việc tang, hay bảy vẽ ra ăn uống linh đình và đến tiết Trung-nguyên (rằm tháng bảy) lại tựa theo đạo Phật mà bảy rạ chèo hát ăn uống trái lẽ, quan quyền Binh-Khoa-oấp-sự trung là Nghiên Nhân-Thọ tâu xin cấm chỉ, ai trái lệnh, trượng

80 gậy. Trong-thôn, có người làm như thế, cả phường hương-trưởng đều bị tội. Vua Thánh-Tông xem tâu liền chuẩn y giao cho quan Quyền Tư Lễ giám, Hữu giám-Thừa Ngô Sĩ-Vinh phụng sắc chỉ thi hành ngay (*Quang Thuận năm 7*).

Ngài lại ban cấm các tang-gia, trong khi mai táng tế lễ, không được làm nhà cửa đồ minh-khí quá phép (*điều lệ năm Hồng-đức thứ 6*).

Ngài làm một bài thơ : « *Luật ngũ phục* » để định sự đề tang trở tùy theo thân sơ, không ai được trái đấy tang ít đi. Bài thơ ấy rằng :

*Tang phục tam niên phụ mẫu, phu,
 Co-niên tổ tử, đệ huynh, cô,
 Trưởng tôn phục dữ bá thúc phục,
 Trưởng phụ ưu đồng tử diệt ưu.
 Cửu nguyệt giá đồng cô, tử, muội,
 Đường huynh diệt phụ chúng tôn câu.
 Dich-tôn thừa-trọng tam niên số,
 Đường bá, tông huynh ngũ nguyệt
 đồng.*

*Tam nguyệt cửu di, thê phụ mẫu,
 Tăng, huyền tôn tế riệc đồng phụ.*

Chúng tôn chi phụ, diệt tôn-phụ,
 Đồng - thị tì - mã ngũ nguyệt đồ.
 Thân-mẫu, giá phụ tinh dưỡng-tử,
 Lễ-kinh luật pháp phục câu vô.

Dịch nghĩa :

- Để tang ba năm là : cha, mẹ, chồng
- Để tang một năm : ông bà, anh em, cô,
 Tang cháu trưởng và chú bác ruột
 Nàng dâu cả cùng các cháu chú bác.

Đều 1 năm.

- Để chín tháng: Có, chị, em đã đi lấy
 chồng rồi ;

Anh họ, cháu dâu (gọi là chú bác)
 và mọi cháu ruột, (đều 9 tháng)

- Dích tôn vào thừa trọng (thay bố
 chết rồi) cũng tang ba năm.

- Bác họ, anh họ đều cùng 5 tháng cả.

- Ba thành tang : dì cháu, cha mẹ vợ.
 Chắt, chít và con rể cũng vậy,
 Đều để tang 3 tháng cả.

- Mẹ đi lấy chồng khác và con nuôi,
 Theo kinh Lễ đều không tang cả.

Khi ấy phép tang rất nghiêm, có tang cha
 mẹ mà vợ cả hoặc nàng hầu có mang, người
 chồng bị chê là thất hiếu. Vì thế lắm khi sinh

ra lưu-tệ. Kẻ có tang miễn-cưỡng mà giữ chí hay hết sức che đậy lòng tà-dục của mình, lắm người lại chết giữa lúc vừa hết tang, thành ra tuyệt-tự. Thí dụ như cảnh ông Bảng - nhôn Nguyễn - kim - An người xã Thời-cử, tỉnh Hưng-yên bây giờ. Ông An đỗ Bảng-nhôn năm 23 tuổi gặp tang cha. Ông giữ tang không dám gần nữ sắc, đến khi hết tang thì mất, không có con giai. Vua nghe lấy làm thương, hạ lệnh cấm dân gian chê cười vợ có thai trong khi tang chế, (khoảng Hồng-đức 7 và 8)

Việc tang lễ thì thế, còn việc hôn nhân, nhà vua lại chú trọng hơn. Không muốn cho những kẻ giàu có sang trọng xa-xỉ quá bậc, nên ngài đã hạn định các sinh-lễ đi lại với nhau rất rõ ràng tùy theo phẩm tước, không ai được vượt quá. Ngài lại định con giai 18 tuổi, con gái 16 tuổi, chính thân và đôi bên chủ hôn không có tang cơ-niên (1 năm) mới được phép thành hôn.

Hôn lễ phải qua ba :

1) Lễ định - thân, tục gọi vấn danh hay trạm ngõ, hai bên bắt đầu đi lại với nhau. Lễ vật bên nhà giai phải mang sang bên

nhà gái hạn định là :

Quan nhất phẩm : Đoạn 4 tấm lụa lót 4 tấm, dê hai con lợn 2 con, ngỗng 1 đôi, rượu 10 vò, cau 14 mâm, giàu 14 mâm.

Từ *nhị phẩm* giở xuống đến *bát phẩm*, cứ mỗi phẩm lại rút đi một ít, kể cả ra đây sợ rườm-rà quá. Nay xin lược đi và kể đến lễ vật của những người *cửu-phẩm* và *nhà giàu* :

Lụa mẫu 1 tấm, lợn một con, rượu 2 vò, cau 1 mâm, giàu một mâm.

Còn *nhà nghèo* tùy dụng có thể nào hay thế không hạn định, bắt buộc.

2.) Lễ *Nạp-trung* là lễ dẫn cửa đến nhà gái :

Nhất phẩm : Đoạn 10 tấm, lụa lót 10 tấm, vàng 10 lạng, bạc 10 lạng, tiền 50 quan, kim thoa 1 đôi, kim liên-chúc (nến) 1 đôi, hộp bạc 1 chiếc, hộp tê-giác 1 chiếc, hộp hương 1 chiếc, Dê 10 con, lợn 10 con, rượu 10 vò, Bánh trung 30 chiếc, cau 20 mâm, giàu 20 mâm.

Nhà giàu : lụa mẫu 2 tấm, tiền 10 quan, ngân-thoa 1 đôi, hộp sơn một chiếc, hộp ngà 1 chiếc, hộp hương 1 chiếc, lợn ba

con, rượu 10 vò, cau 6 mâm, giầu 6 mâm.

Nhà thường: Lụa mầu 1 tấm, tiền 5 quan hay 3 quan, 1 đôi, hộp sơn 1 chiếc, gương lược tùy ý; Lợn 2 con, rượu 8 vò. Cau 4 mâm, giầu 4 mâm,

Nhà nghèo tùy dụng.

3.) Lễ *Thân-nghinh*, tức là lễ rước cô dâu về, lễ vật mang đến là :

Từ *nhất phẩm* đến *tứ phẩm*: Đoạn 1 tấm.

Ngũ phẩm xuống đến *nhà giầu*: Lụa mầu một tấm.

Nhà thường và *nhà nghèo* tùy ý.

Ngày *thân-nghinh*, gia-chủ nhà con giai làm lễ từ-đường, rồi rót một chén rượu đưa người con giai uống và bảo :

— Vâng việc tôn sự, cố giữ gìn lấy kính, thuận theo đạo thường.

Người con giai uống rồi đáp :

— Xin vâng mệnh, chỉ sợ không kham nôi, không dám quên lời.

Chú rể đến nhà gái, đợi ở nhà. Chủ-nhân bên nhà gái làm lễ từ - đường, rồi cũng rót rượu ra chén đưa người con gái uống và giặn rằng :

— Phải kính phải răn, sớm tối chớ trái

lệnh cha mẹ chồng, con ạ !

Bà mẹ giận thêm :

— Phải kính phải răn, sớm tối chớ trái
cái lễ khuê-môn :

Rồi bà mẹ đưa con ra, chú rể đi trước
đón cô dâu. Về đến nhà, chú rể giắt vợ vào
nhà. Chủ-nhân ra đón, chú rể đứng thẳng
hàng với cô dâu, cả hai người đều lễ hai
lễ. Đoạn vào buồng, ngồi cùng ăn uống.
Chủ-nhân và tân khách đều tặng cô dâu
đoạn, lụa, vóc v. v. ... Sáng hôm sau giậy,
cô dâu vào lễ cha mẹ chồng. Ngày thứ ba
chủ nhân đưa cô dâu lên lễ từ-đường.
Ngày thứ tư, đôi tân-hôn mới về lễ tạ
cha mẹ vợ.

Trước kia, thời kỳ hôn-nghị, từ lúc vấn
danh đến khi thân-nghinh thường kéo dài
hàng ba bốn năm, vua Thánh-tông quy-định
lại việc hôn lễ như trên và đồng-thời rút
ngắn thời-hạn lại, cứ lễ định-thân xong là
sắp sửa lo chọn ngày làm lễ Thân-nghinh,
không để lâu ngày như trước nữa.

Kể ấn-định về hôn-lễ được như vậy thật đã
chu-đáo đến cả tiểu-tiết. và có khi ta còn cho là
phiền-phức nữa. Nhưng trong một nước giữa

hức các pháp-luật phong-tục cổ đã lâu ngày thành hủ-bại, lắm kẻ lạm dụng quyền thế hay cậy giàu có tiêu hoang - phí một cách vô ích và trái lẽ, lâu ngày thành tập-tục, nên những điều-lệ kia ban-bố ra thật là hợp thời và hợp lý lắm.

Ngoài năm đặc-điểm trên này, ta còn thấy trong Luật-lệ Hồng-đức hai điều đặc-biệt :

I. — Pháp-luật bênh-vực và tôn-trọng quyền mọi người một cách rất công-bằng, rộng-rãi, nhưng vẫn không tránh khỏi một số ít người bị bạc-đãi hắt-hủi : số người ấy là hạng *Xương-ca* và *Nô-tì*.

Hạng *xương-ca* còn hơn nô-tỳ, được gần đủ quyền-lợi cá-nhân và xã-hội như dân thường, chỉ chịu thiệt có hai điều :

1) Con gái không được ứng thí đi thi, kỳ thi nào cũng vậy.

2) Con gái không được lấy các quan chức và quyền-quý, bởi luật định rằng : quan-chức lấy con gái *xương ca* làm thê thiếp, trượng 70 gậy, biếm 3 tư. Con cháu quan viên lấy, trượng 60, phân dì không cho lấy

nữa (điều 322 L. T. H. L.)

Hạng nô-tý bị ruồng bỏ nhất. Nhưng ta chớ nên nhầm nô-tý này với hạng nô-lệ ở hồi phong-kiến của Tây-phương. Nô lệ là những người cứ nối giới nhau truyền từ thế này sang thế khác mà phục-dịch các vị chúa tể (seigneurs) nắm cả quyền sinh-sát họ ở trong tay. Nô-tý, trái lại — có khi là con nhà quý-phái — là con trai con gái các quan to hay nhỏ có trọng tội với Triều-đình các gái Chiêm-thành hay Mường mán thua, trận bị bắt về, để hầu hạ những kẻ thắng. Số người ấy trong cung dùng một ít, còn thì phân phát cho các quan to, hay là bán hẳn cho họ. Chủ có quyền hành hạ đánh đập nô-tý và muốn bắt làm gì cũng được. Chủ lại có quyền bán nô-tý cho người khác, nhưng phải là nô-tý của riêng mình, chứ không phải là quan nô-tý tức nô-tý của nhà nước phát cho. Nô-tý không có một tí quyền hành gì : ăn trộm của chủ, chống lại chủ, chửi chủ, đánh chủ đều bị ghép vào tử-tội ngay. Pháp luật không thương hại gì nô-tý cả. Nhưng hễ khi chủ-nhân đi quá quyền hạn của mình, đánh nô-tý đến

chết, thì pháp luật lên tiếng ngay :

Nô-tì nào có tội, chủ không xin phép quan tư xét xử, mà cứ tự ý giết, bị biếm 3 tư. Nô-tỳ vô tội mà giết, đồ. Nô - tỳ có lỗi mà quở trách bằng roi vọt đánh cho đến chết, coi là quá thất sát, tội theo thất sát. Nhân trận đánh mà rồi chết, bị đồ làm lính đồn-diên cấy ruộng. Cố ý đánh chết bị lưu, bồi thường nguyên-tiền (tiền mua, hay tiền đánh giá) về cho vợ con. (*Điều 489 Lê-Triều Hình luật*)

Pháp-luật lại cấm không cho bán nô tỳ ra ngoại quốc.

Bán nô-tỳ, voi ngựa ra ngoại quốc, chém. Phường, xã quan biết giảm 1 bậc. Lộ huyện quan dung-túng, chịu cùng tội; Không biết, biếm phạt. (*Điều 75 L. T. H. L.*)

Nô-tỳ chỉ còn mỗi một cái lợi mong-manh là chủ-nhân có thể lấy lượng khoan hồng, cho đem tiền tự chuộc, để giở về sống đời dân lương-thiện.

II. *Điều đặc-biệt thứ hai* cho ta biết tình - thần trọng nông ở thời ấy lên cao lắm, phạm cái gì phạm đến việc cấy cấy là bị nghiêm-trị :

Đề trâu ngựa dẫm phá lúa, dâu, hoa màu, bị đánh 80 gậy, đền thiệt hại. Cố-ý phóng cho phá thêm, biếm 1 tư, đền gấp đôi. (*Điều-lệ Quang Thuận 10*).

Con trâu là kẻ giúp việc đắc-lực và cần thiết cho nhà nông, nên Pháp luật nói đến rất nhiều :

Giết trâu, đánh 70 gậy, phạt tiền 5 quan. Trộm trâu giết thịt một con, lưu cận-chu, 2 con, lưu viễn-chu, 3 con lưu ngoại-chu. (*Điều lệ Hồng-đức 15*).

Ban đêm không được giết trâu, đêm giết, phạt tiền 100 quan, đồ làm lính đồn-diên, sung vào vệ quân Thăng-hoa (Quảng-nam). (*Điều lệ Hồng-đức 19*).

Tự-tiện giết trâu bán thịt ở trong nhà hay trên chợ, người nào biết bắt giải lên quan sở-tại khám trị tội như luật. Người cáo phát và bắt trình được thăng thưởng như là bắt được trộm. Ai dưng-túng dẫu-diêm, tội cùng. (*Điều lệ Hồng-đức 13*).

Trâu chết, xã-trưởng thôn trưởng xét ra không có gian-trá gì, cho ăn thịt (!), còn da và sừng đem nộp quan. (*Điều lệ Hồng-đức 15*).

Mua bán trâu cũng phải rất cần-thận. Phải tới nha môn nào gần nhất nhờ quan xét hỏi đã, thôn trưởng và lân-bang cung khai quả không phải là gian-trá, bèn làm văn-tự có chữ mọi người ký và dấu của quan, quan lại phải người mang văn-tự đến chỗ có trâu khám nghiệm đúng thực rồi mới thi hành (*Điều lệ Hồng-đức 13*).

Ngoài những luật-lệ thi hành như trên đã nói, vua Thánh-tông còn đặt ra 24 điều *huấn-dụ* sức cho dân xã, bắt các bậc tôn-trưởng thường-thường phải hội họp con em lại giảng đọc, để giữ lấy thời tốt.

Tóm-tại, như ta đã thấy, Pháp luật thời ấy rất rộng rãi công-bằng hợp với trình-độ tiến-hóa của cả dân-tộc. Nhưng một chế-độ Pháp-luật chỉ hoàn-toàn giá - trị khi nào *mọi kết quả của nó được đầy-đủ thực-hiện*. Hay nói cách khác, ta phải trông vào kết-quả thực-liện mà định giá nền pháp-luật ấy.

Vậy nên pháp luật của vua Lê kia có

được thi - hành triệt-đề và đã có kết quả đầy đủ chưa ?

Chúng tôi không ngập - ngừng mà đáp rằng « *Đã !* » do những bằng-chứng sau này :

1.) Di-tích của Pháp-luật ấy ngày nay hãy còn ở trong dân-gian, đã biến thành tục-lệ. Nhiều tục-lệ về hôn-nhân, tang-sự và cách đối xử trong làng xóm với nhau, rất tốt đẹp còn phảng-phất giống pháp-luật đời Hồng-đức, mà những điều - lệ của Bộ luật *Gia-long* gần đây cũng không biến-cải đi được. Cho nên ta mới có câu « *Phép vua thua lệ làng* ».

2.) Những sách của các giáo-sĩ Tây-phương viết về nước ta hồi thế kỷ XVII và XVIII — cách đời Hồng đức hơn 100 và 200 năm sau, — nhất là sách của cố *Richard*, tả những phong-tục và quyền lợi của người dân-bà, ta thấy lắm chỗ giống như điều lệ Hồng-đức. Như thế tỏ ra rằng pháp-luật ấy đã có kết-quả mỹ-mãn, ăn sâu vào dân gian. Và như thế mới đủ cắt nghĩa cho ta biết rằng, trong khoảng thời-gian trải hơn ba trăm năm, dù trên thượng-tầng chính trị, đã có bao cuộc bể dâu thay đổi, tranh giành

cướp phá, mà trong dân-gian vẫn giữ được một tinh-thần vững-vàng yên ổn — tuy rằng có một đôi khi nhút-nhát, — là nhờ ở ảnh-hưởng pháp-luật vậy.

3.) Nhưng kết-quả trực-tiếp của Pháp-luật ấy là nền Thái-bình thịnh-trị hồi ấy. Có thái-bình thịnh-trị, dân mới được sống yên vui và sung sướng trong vòng trật-tự mới, trên dưới một lòng, cùng lòng gắng sức giúp Triều-đình gây nên một võ-công lừng-lẫy và một văn-trị sáng ngời, sán-lạn nhất trên lịch-sử Việt-nam ta.

CHƯƠNG IV

Võ - công

Từ khi vua Thái-tổ đánh đuổi được quân Minh nước Việt ta lại trở lại thành một nước hùng-cường như khoảng Nguyên-Phong Trưng-hưng đời Trần. Việc võ-bị được Triều-đình chú-trọng và nhân-dân ham mộ lắm. Cho nên trong nước có một nền binh-bị hùng dũng, một đội quân tinh-nhuệ giữ trong được yên-trì, mà ra ngoài đánh đâu được đấy, đánh Chiêm-thành, đánh Bồn-man, đánh Mường-mán, ở đâu cũng ca khúc khải-hoàn.

Đến vua Thánh-tông lại càng lưu-tâm đến việc chỉnh-đốn võ-bị. Ngài cải-tổ hẳn nền binh-bị lại. Trước kia, tổng-số quân-sĩ là

10 vạn người chia ra làm 5 phiên. Cứ một phiên lưu ban tập luyện và phòng vệ, thì bốn phiên kia cho về làm ruộng, rồi cứ lần lượt thay đổi nhau phiên ra, phiên về. Những lính lưu ban ấy chia thuộc về năm *Đạo Vệ-quân*. Trong Vệ đứng đầu có chức *Tổng-quản*, rồi đến *Đô-tổng* và *Đồng-tổng-quản* cai trị quân đội. Ở dưới có *Chánh*, *phó Đội-trưởng* và *Cửu-phẩm ngũ-trưởng*.

Tháng 7 năm *Qnang-thuận* thứ tư (1463), ngài đổi năm Vệ-quân làm năm *Phủ Đô-đốc*: *Thanh-hóa* và *Nghệ-an* thuộc *Trung-quân phủ*. *Nam-Sách*, *An-bang* (tức *Quảng-yên*) thuộc *Đông-quân phủ*. *Thiên-trường* (tức *Nam-định*) và *Thuận-hóa* thuộc *Nam-quân phủ*. *Quốc-oai* (tức *Sơn tây*) *Hưng hóa* thuộc *Tây quân phủ*. *Bắc-giang* và *Lạng-sơn* thuộc *Bắc quân phủ*. Còn *Thái-nguyên* và *Tuyên quang* đặt riêng làm *Phụng-trực quân*. Mỗi phủ có 6 Vệ, mỗi Vệ có 5 hay 6 Sở. Mỗi sở có 400 người. Phủ có *Tả*, *Hữu Đô-đốc*, *Đô-đốc Đồng-tri*, *Đô-đốc Thiêm-sự* cai quản. Ở Vệ có *Tổng-tri*, *Đồng Tổng-tri*, *Thiêm Tổng-tri* cai quản. Sở có *Quản lĩnh*, *Phó quản-lĩnh*, *Chánh võ-úy*, *Phó võ-úy*. Sở chia ra nhiều

ngũ. Mỗi ngũ có một Tổng-kỳ.

Ngài lại dời vệ quân *Tùy-thân cục*, là vệ quân tùy-tùng ngự giá ra làm hai vệ *Tả, Hữu Võ-lâm quân*, kén con các quan từ lục phẩm lên đến tam-phẩm sung bổ vào hai vệ ấy.

Đến năm Quang-thuận thứ tám (1467), ngài lại đặt thêm ra hai đạo *Nội, Ngoại chư quân*.

Nội-quân gồm 66 ty, 51 vệ. Ngoại quân có 26 vệ. Mỗi Ty có số quân 100 người. Mỗi vệ có 5 sở, mỗi sở 12 đội, mỗi đội 20 người.

Thành ra Nội-quân 51 vệ có 225 sở 3060 đội, được tất cả số quân 61200 người cộng với số 6600 người ở 66 ty thành tổng số 67800 người.

Ngoại-quân 26 vệ có 130 sở thành 1560 đội, tổng số 3.1200 người.

Tất cả Nội-Ngoại quân gồm có 9 vạn 9 nghìn người, đem cộng với số quân 5 phủ và quân Phụng-Trực, chừng hơn 7 vạn người. Tổng-số quân đội thời ấy lên đến 16 vạn người, ấy là không kể đến số quân Túc-vệ ở trong cung. Mười sáu vạn quân ấy mà lại

được luyện-tập chu-đáo, có kỹ-luật nghiêm-minh, trên dưới một lòng, làm gì mà chả đi đến đâu được đấy, lập nên những võ công rực rỡ. Ta thử xét qua cách luyện-tập.

Chủ ý gây nên một nền binh bị rất mạnh mẽ và giữ cho quân đội luôn luôn có một tài-nghệ vững-vàng, Vua Thánh-tông bắt các quan Đô-đốc, các quan Tổng-tri phải chăm giảng tập trận-đồ, luyện tập sĩ-tốt. Ngài đặt ra 31 điều quân-lệnh để tập thủy-trận, 32 điều tập tượng-trận, 27 điều tập mã-trận, 42 điều tập bộ-trận.

Từ năm Quang-thuận thứ 8, ngài đặt ra lệ cứ ba năm một lần khảo võ-nghệ của quân đội, xem những điều đã học có đặc-dụng không. Kỳ khảo thí mở về mùa đông cuối năm. Ai được liền *tứ thắng* thưởng một chiếc áo, và 1 quan 5 tiền. Ai tam thắng, nhất bình, thưởng 1 chiếc áo. Ai 2 thắng, 2 bình, được thưởng 6 tiền. Ai 1 thắng 3 bình được thưởng 3 tiền, 4 bình thưởng 20 đồng. Kẻ nào thua cũng bị phạt theo như vậy.

Lại khảo nội ngoại quân-quân từ ngũ phẩm phải thi cung tên 5 phát, chém tay 4 phát, đánh mộc một phát. Tài nghệ định làm 3

bạc ; Ai trúng từ 8 đến 10 phát là bậc nhất ; trúng 6, 7 phát là bậc nhì, trúng 4, 5 phát là bậc ba, đều được thưởng cả. Ai trúng 2, 3 phát không việc gì. Trúng một phát và không trúng phát nào đều phải phạt.

Đây là cách-thức tập luyện quân sĩ. Còn kỷ-luật trong quân rất nghiêm. Trong Hình luật chương *Quân-chính* có 43 điều, mà đến quá nửa kể đến tội chém. Chúng tôi xin đăn-cử mấy điều :

Khi hành quân tướng hiệu bất hòa, để tiết lậu quân tình, hay ngăn cản chúng, đều chém (điều 246),

Tiền-quân thua, mà hậu - quân ngại vì lối hiểm-trở dùng-dăng không đến mau, tướng hiệu đều chém! (điều 248).

Hành quân, giả làm thầy bói cần nói cát hung để mê-hoặc lòng người, chém ! (điều 249).

Vua Thánh-tông lại ban ra 6 điều quận-chính nữa để trừng trị những kẻ nào làm thiếu phận-sự :

6 điều ấy là :

1.) Theo quân đi đánh giặc mà trốn, sử tử, điền sản nhập quan (tịch thu làm của công).

2.) Lâm trận mà trốn, chém.

3.) Đi hô-tổng (theo sau) mà trốn, đánh 90 gậy, lưu viễn-chu.

4.) Đi sơn trường (đồn điền) trốn đánh 80 gậy, sung làm quân Bản-phủ.

5.) Xá-nhân kỳ bài, sai không phải việc, biếm.

6.) Lấy tiền lễ thả tù phạm, tội cùng với tội của tù giam ấy.

Công-trình đào-luyện quân-đội đại-đề như thế, ngoài ra, ngài còn đặc biệt chú ý đến hạng dân-dinh tráng-khien làm ruộng ở làng. Ngài bắt các xã-quan phải khai rõ những người dân ấy vào *quân-hạng* để khi nào cần đến thì được gọi ra làm lính, Xã-quan nào ần-lậu khai dấu bớt số dân ấy đi bị phạt theo tội cố thất. Những người thuộc quân-hạng vẫn ở nhà làm ruộng hay làm nghề-nghiệp gì đấy, nhưng được phần ruộng tốt hơn và đóng sưu thuế nhẹ hơn. Cũng vì đã trù định trước sẵn-sàng như vậy, nên đến tháng 11 năm đầu Hồng - đức (1470) nhà vua mới gọi ngay một lúc được thêm 26 vạn quân để đem đi đánh Chiêm thành.

Còn một điều nữa tỏ ra rằng, được Triều

đình khuyến-khích, tinh-thần thượng-võ lên rất cao, cho nên có lắm vị văn - quan do chân-khoa-bảng mà xin đổi sang võ - chức, như các ông Tiến-sĩ Phạm-Phổ làm đến Chỉ-huy-Sứ, Ngô-Lôi, Lê Sĩ-Dũng làm Tổng-binh, Phạm-Lân, Nguyễn Tuân-Đạo làm Đô-tổng-binh, Hoàng Kiều-Vinh, Nghiêm Ích-Khiêm làm Đô-chỉ-huy-Sứ, Nguyễn - Trinh làm đến Binh-bộ Thượng-thư.

Tinh-thần thượng-võ đã nâng cao, trên từ vua quan dưới khắp mặt thứ - dân đều quý trọng người lính ra giúp nước giữ việc trị an, và ngay từ người lính cũng đã được luyện tập trong một kỷ-luật chặt-chẽ như thế, làm gì mà các đội-quân ấy chẳng lập được nhiều chiến-công oanh-liệt, mở rộng thêm bờ cõi cho nước nhà. Nay ta có thể nhân những trận đi đánh các nước lân-cận mà chia những chiến-công ra như sau này :

1. — Trận đánh Chiêm-Thành

Năm Hồng-đức nguyên-niên (1470), vua nước Chiêm là Trà-Toản đem quân sang đánh cướp đất Hóa-châu. Nguyên trước kia tướng nước Chiêm là Trà-Duyệt người ở Thi-Nại

La-Bàn, giết vua Chiêm là Bí-Do, rồi tự-lập làm vua. Sau truyền cho em là Trà - Toàn. Trà-Toàn hung - bạo kiêu - căng, muốn bắt chước Chế-Bồng-Nga, liên gây sự với nước ta, đánh cướp Hóa-châu. Biên - tướng là Phạm văn-Hiến đánh không nổi, sua dân ta vào trong thành cố trốn, và một mặt phi thư báo cấp. Vua Thánh-tông được tin liền sửa-soạn cử đại-quân thân đi đánh. Ngải hạ chiếu kén hoàng - đình từ 15 tuổi giở lên được 26 vạn quân. Ngày mồng sáu tháng mười, hạ một bài chiếu rất dài báo-cáo khắp thiên-hạ, nói rõ cái ý-nghĩa thân chinh, trong có những câu văn - chương đánh-thép, mà ý nghĩa mạnh - mẽ như những câu này :

«... Trục thu nhất đán chi công, tư tuyết bách Vương chi sỉ. Thả vị dân nhi trừ miệt-đặc, bất dĩ tặc nhi dị tử tôn. Tiểu Vũ-đế chi độc binh, đại Văn-vương chi tịch thổ... »

直	救	一	旦	之	功	思
雪	百	王	之	恥	且	爲
民	而	除	蠹	螻	不	以

賤 而 遣 子 孫 小 武
 帝 之 贖 兵 大 文 王
 之 闕 土

Nghĩa là : Quyết thu cái công một sớm.
 Nghĩ rửa cái hồ trăm vua. Vả lại vì dân
 mà trừ sâu mọt, chứ không phải lấy đất
 của giặc để lại cho con cháu. Nhảm binh, nhỏ
 hơn Vũ-đế, mà mở đất to bằng Văn-vương... »

Đọc mấy câu ấy ta thấy rõ cái lòng tự-
 tín quyết thắng của nhà vua mạnh biết chừng
 nào. Và nhân sự báo thù mới nảy ra cái
 ý chiếm đất mở bờ cõi, chứ không phải
 tự bản-tâm ngài muốn đi chinh-phục nước
 ngoài (1). Cái ý ấy lại được tỏ rõ ra trong
 khi tế-cáo nhà Thái-miếu, ngài khấn :

« Tôi là một kẻ tiểu-tử vô-lương, vào
 giữ ngôi lớn, chỉ nghĩ đến yên dân giữ bờ
 cõi, há dám đâu nhảm vũ cùng binh. . . »

Tế-cáo thiên địa, tổ-tiên và bá - cáo nhâu
 dân rồi, Vua liền sai Lâm-quận-công Đinh-
 Liệt, Kỳ quận-công Lê-Niệm lĩnh 10 vạn quân

(1) Tôi không đồng ý với G. Maspéro bảo vua
 Thánh-tông cố ý chủ tâm đi chiếm đất.

đi trước. Ngày 16, ngài thân lĩnh 15 vạn đi đường bộ có bốn văn-thần là lũ ông Nguyễn Như-Đỗ, Lương-thế-Vinh, Thân nhân-Trung, Đỗ-Nhuận, Nguyễn-xung-Xác, Thái-Thuận theo hầu xa giá. Gác quan Giám-sát ngự-sử Đinh-thúc-Thông, Nguyễn-Tài được vời cùng đi.

Hôm ấy giờ mưa dầm, tòa Tư-thiên-giám tàu xuất-hành thẳng lợi. Vua liền làm một bài thơ ngự ý, rồi đại giá tiến đi. Đến Gia-viên, vua sai quan Lại-bộ Thượng-thư kiêm Lễ-bộ Thượng-thư Nguyễn-như-Đỗ vào tế đền vua Đinh-tiên-Hoàng, cầu phù hộ cho cuộc hành quân được thuận tiện. Dọc đường, hề qua nơi linh từ danh tiếng nào, vua lại cũng cử quan đến tế. Ngày 28, vào khoảng canh hai, lâu-thuyền ngự giá đến Xước-cảng là cửa Linh-trường ở huyện Thuần-lộc bây giờ. Cửa này xâu mà hẹp, bên tả những dãy núi quanh la liệt, trên có đền thờ bốn vị Thánh-nương. Vua có làm một bài thơ tả cảnh, lời lẽ rất hùng và ý nghĩ bao hàm rộng.

Ngày mồng 3 tháng 12, đại-giá gần đến thành Nghệ-an, hai quan Án-sát ngự-sử Đinh-thúc-Thông và Nguyễn-Tài vào tàu hặc hai quan Chinh-lỗ tướng-quân Đinh-Liệt, Lê-Niệm

cầm quân không có kỷ-luật, tiến lui không hợp quy tắc, sợ lúc hành quân không được như ý, vua liền ban tiền thưởng cho Đinh-thức-Thông và Nguyễn-Tài. Vua lại với cả Đinh-Liệt, Lê-Niệm lại han lời dụ.

Đêm hôm ấy, khoảng canh ba, ngự thuyền vào cảng Hoa-Cái; sáng sớm hôm sau, thẳng ra cửa bể Đan-Thai (nay là cửa Hội-Thống), đi và dạm nửa đến thành Nghệ-an, bên dưới núi Tuyên-nghĩa, Vua đều có làm thơ kỷ niệm.

Ngày mồng bảy, Thỗ-quan phủ Ngọc-ma là Cầm Lệ đem phượng-vật đến dâng trước xa-giá.

Ngày mười một, ngự-giá dừng nghỉ ở cửa bể Hà-Hòa tức Kỳ-hoa, đêm ngồi nghe mưa, bồi-hồi bi-cảm, vua làm một bài thơ trong có câu :

Càn khôn dạ vũ tam Canh mộng,

Hồ hải đông phong vạn lý thiên.

Thật là mộng-mênh man-mác.

Đêm 13, vào khoảng canh tư, thuyền đi theo con sông nhỏ. Sáng ngày 14, thuyền rẽ vào cửa Ai - Cát, gió lạnh, mưa mau, thuyền sát gần bờ, hai bên bờ là đồng bằng mộng-mênh nghìn dặm, người ít đất rộng, hươu nai lữ lượt từng đàn. Vua bèn ngẫu

nhiên cảm tác thành một bài thơ. (Những bài thơ này và nhiều bài nữa, cùng những bài họa của các văn-thần đều có chép trong *Chinh Chiêm Sự-vụ* ở bộ *Thiên-Nam Dư-hạ tập*).

Ngày 18, đại-quân và ngự-giá tiến vào đất Chiêm-thành.

Ngày mồng hai tháng giêng, nhân ngày tốt Nguyên-đán, vua không muốn các quân-sĩ chơi nản, liền sai cả ra bề thi thuyền và thử trận. Nhân lại sai Thồ-tù Thuận-hóa là Nguyễn-Vũ vẽ bản đồ nước Chiêm rõ mọi nơi hiểm yếu dâng lên vua xem trước để quen đường lối.

Ngày mồng 6, vua thân làm bài *Sách Bình Chiêm* nói có 10 cái lý phải được, và ba việc đáng sợ, để khuyên dụ bách quan ; ngài sai quan Chỉ-huy-Sứ Nguyễn Thế-Mỹ dịch ra tiếng ta cho cả quân lính đều hiểu rõ.

Cũng ngày ấy, quan Tiền-quân Chỉ-huy-Sứ Đạo-Viên đem quân tiến đến cửa Cầu-đề nước Chiêm. Quan chức ở đấy là Phùng Nga-Sa, Phiên-tù Sa-bồ là Cầm-Tục, Phiên-tù Thuận-bình là Đạo - Hoặc đều đến xin vào chầu và dâng phương-vật. Lại có cả sứ-thần Ai-lao là Quang-Binh, Trấn-Thủ Đầu-nguyệt là Lang-Lộ đều mang phương-vật lại dâng.

Ngày mồng 5 tháng hai, chúa Chiêm Trà-Toàn sai em là Thi-Nại với 6 vị đại-thần đem quân và voi hơn 5 nghìn lạng trốn lại gần dinh vua. Ngày mồng sáu, vua sai Lê Hy-Cát, Hoàng Nhân-Thiêm và tướng Tiên-phong Lê-Thổ, Trịnh văn-Sái đem hơn 500 chiếc thuyền với 3 vạn tinh-binh, nửa đêm ra cửa bể Yêm-tọa, chèo voi vào cửa bể Sa-kỳ(1) lập lũy đắp thành, chẹn đường giặc về, không cho giặc biết. Sáng ngày 7, vua thân đem hơn nghìn thuyền và 70 vạn quân ra hai cửa Tân-yêm, Cựu-tọa(2) dựng cờ *Thiên-tử*, rống trống reo hò tiến lên. Một mặt lại mật sai quan Bộ-binh đại-tướng Nguyễn đức-Trung đem bộ-binh lên đi đường sơn-cước. Giặc trông thấy quân ngự liền sợ hãi cả võ chạy vội về thành Đồ-bản. Đi đến núi Mộ-Nô, thấy quân của quan Tả đô-đốc Lê Hy-Cát đã ngăn đường về, giặc hoảng-hốt chạy lên núi cao. Lũ Lê-Niệm liền buông quân đánh vỡ tan, chém được một viên đại-tướng, còn thua đều chạy tán loạn cả. Lúc ấy ngự-

(1) Sa-kỳ nay ở huyện Bình-sơn, tỉnh Quảng-ngãi.

(2) Tân-yêm ở huyện Hà-dông, tỉnh Quảng-nam nay là Đại-yêm Cựu-tọa cách Tân-yêm 7 dặm, nay là Tiểu-yêm.

giá đã tiến đến Mễ-cần, vua tiến quân đánh chém hơn 300 tên, bắt sống được 60 người. Chúa Chiêm Trà-Toàn thấy em thua, trong lòng sợ hãi, liền sai Sứ thân - tin sang dinh xin hàng. Vua cho là tên ấy trá hàng, nhưng vẫn cứ cho sứ-giả đi lại luôn luôn không ngớt. Dừng quân nghỉ ngơi ít lâu, không thấy sứ-thể giải quyết ra sao, ngày 27, vua cho đại-quân tiến đánh thành Thí-Nại, chém được hơn 100 tên. Ngày 28, đại-quân thắng lại thành Đồ-bàn. Ngày 29 đến dưới thành, đại-quân vây ba vòng. Sáng hôm sau, ngày mồng một tháng ba, hãm thành, chém chết hơn 4 vạn người, bắt sống được hơn ba vạn người, trong số đó có cả Trà-Toàn và vợ con, thân thích của y. Vua sai quan Chỉ huy-Sứ Ngô-Hồng dẫn bá-phụ hàng-tặc là Bô-Sản A-na đến, và khiến bày mọi thứ đem đến cầu hàng. Ngài bắt quan Thái-úy Đỗ-Hoàn lần lượt chỉ rõ từng tên những thứ mà nước ta không có. Đến một cái gương bạc, Vua hỏi ;

— Cái này là vật gì ?

Đỗ-Hoàn thưa :

— Muôn tâu Bệ-hạ, đây là cái bảo-vật truyền-gia từ khi lập quốc đến giờ.

Một lúc sau, dân Thuận-hóa dẫn Trà-Toàn đến phủ-phục quỳ dưới đất trước bệ rồng, Vua sai Đỗ-Hoàn dịch câu hỏi :

— Anh là chúa Chiêm phải không ?

Trà-Toàn thưa :

— Muôn tâu Bệ-hạ, vâng ạ !

— Anh có biết vua không ?

— Dạ. hạ-thần trông phong-thái đã biết ngay là Thánh-thượng.

— Anh có mấy con ?

— Muôn tâu Bệ-hạ, tiện-tức tất cả mười đứa.

Đỗ-Hoàn liền tâu hộ :

— Bại-chúa xin Bệ-hạ thương tình đãi cho khỏi chết !

Vua ưng chuẩn, bèn cho ra ở cái nhà gianh nhỏ ngoài Trấn. Lúc lui ra, tả hữu lôi kéo đi vội vàng, Vua liền ồ-nồn phán :

— Thông thả chứ nào ! Người ta cũng là vua một nước, há làm quẫn-bách đến như thế à ?

Hôm sau, ngày mồng 2, hạ chiếu sửa soạn ban sư về kinh.

Ngày mồng 7, lấy hàng-tướng Ba-Thái làm quan Tri-phủ Đại-Chiêm ; Đa-Thủy làm Thiêm-Tri-phủ ; Đỗ-tử-Xuân làm Tri-châu Cồ-Lũy,

Lê-phục-Đà làm Đồng-tri-châu. Vua dụ rằng :

— Đại-chiêm, Cỗ-lũy là bờ cõi cũ của ta, về sau bị mất vào nước Chiêm, nay đã lấy lại được, sắc mạnh cho trấn thủ, có kẻ nào dám không theo. Cứ giết rồi tâu sau.

Trà Toàn đã bị bắt rồi, tướng là Bồ-Trì-Thì chạy đến Phan-Lung (1) giữ lấy đất được một phần năm đất cũ, xưng làm vua, sai sứ vào cống xưng thần. Vua bèn phong cho làm vương, lại lập ra hai nước nữa là nước Nam-Bàn cho Trà-Toại làm vua, và nước Hoa-Anh, cốt ý để cho ba nước yếu thế mà giàng giữ chi phối nhau.

Định xong công việc qua-phân nước Chiêm rồi, ngày 15 tháng ấy, Vua thân chế bài chiếu báo *tiếp ban sư*, phân phát bá cáo đi khắp thiên-hạ. Ngày 20 đại-giá giở về ca khúc khải hoàn.

Đầu tháng tư. Long thuyền về đến Nghê-An. Ngày 8 tháng tư đến sông Phi-lai gặp Quaug-Thục Hoàng Thái hậu và Hoàng Thái-tử ra đón, cùng nhau nghỉ lại ở hành điện Thiên phái.

Ngày 11, Trà-Toàn bấy lâu vẫn được theo ngự-giá, vì lo buồn và xấu hổ, thành bệnh chết, Vua truyền chém lấy đầu, dựng ở

(1) Phan Rang.

trắng ở đầu thuyền đề mấy chữ to : « *Đầu Trà-Toàn, vua đầu nước Chiêm-thành !* »
Còn thấy vớt xuống sông !

Ngày 22 làm lễ dâng tù ở nhà Thái-miếu và đem những đầu Trà-Toàn và các tướng tể cáo ở Lam Kinh, rồi về thẳng kinh-đô.

Ngày mồng một tháng năm, quần thần bách quan vào chầu mừng, cử Lê-Niệm dâng tờ biểu mừng đại-thắng.

Tháng sáu, vua hạ chiếu lấy những đất mới được của Chiêm, đặt làm Thừa-Tuyên Quảng-nam, đổi Đại-Chiêm, Cồ-lũy làm hai huyện Hà-đông, Y-giang thuộc phủ Thăng-hoa (tức nay là đất tỉnh Quảng-nam), đổi châu Nghĩa, châu Tư làm ba huyện : Bình-Sơn, Nghĩa-giang, Mộ-hoa thành phủ Tư-Nghĩa (tức nay là đất Quảng-ngãi) ; chia Đồ bản làm ba huyện : Bồng-sơn, Phù-ly, Tuy-viên, thành phủ Hoài-nhân (tức nay là Quy-nhơn) ; lại xuống sắc-chỉ lấy chỗ đất mới ấy làm nơi lưu tội-nhân ; phạm tội-nhân lưu cận-chu sung vào vệ quân Thăng-hoa ; lưu viễn-chu, sung vệ quân Tư-nghĩa ; lưu ngoại-châu, sung vệ quân Hoài-nhân.

Công việc bình Chiêm và cắt đặt việc cai

trị trong đất mới lấy được xong xuôi cả rồi, vua bèn sai mài cái đỉnh núi đá cao nhất ngoài bờ biển, giáp với địa-giới nước Nam-Bàn (Phan-rang bây giờ), để dựng cái bia làm giới-hạn, và gọi tên cái núi ấy là núi Thạch-bì (Bia-đá) (1).

Cái công cuộc báo thù, trừ dữ lúc đầu bây giờ đã trở thành cuộc chinh phục chiếm đất để mở rộng bờ cõi cho nước nhà và mở đầu cho công cuộc nam-tiến mau chóng và chắc-chắn sau này. Ta có thể nói cuộc thắng trận này đã làm được quá nửa công việc khai thác đất đai mãi đến mũi Cà-mâu bây giờ. Vì do đây, những tội-nhân bị lưu đến Quảng-nam, Quảng-ngãi, Quy-nhon, rồi ở luôn lại đây sinh cơ lập nghiệp làm căn-bản cho cuộc Nam tiến.

Thật là một võ công to tát nhất và đem lại nhiều lợi nhất cho nhà vua và cả toàn thể dân tộc. Cũng vì thấy có mối lợi ấy, nên vua nhà Minh bên Tàu đưa thư sang quở trách, vua Thánh-tông liền sai sứ sang nhà Minh dâng biểu tạ. Trong biểu đại ý nói :

(1; Nay là dãy núi giáp-giới Phú yên, khánh hòa, chạy dài xuống bể thành mũi Varela.

« Năm ngoái tháng tám, vua nước Chiêm đem quân đánh úp Hóa-châu, thần thân đem người nước vi Hóa-châu cứu viện. Năm nay, tháng năm, vua Chiêm lại đem quân hơn 10 vạn vây thần vài vòng. Trong lúc nguy bách, thần đánh võ vây ra nghinh chiến. Dân nước Chiêm vốn ghét giận vua, không muốn đánh, đều đáp tâm làm phản trốn! Thần đem du binh đến quốc đô, có những quân bỏ giáp quay dáo theo thần. Vua Chiêm đem quân chạy về phía nam. Thần liền lập tức về nước, giữ gìn bờ cõi cũ. Thần trộm nghĩ Chiêm - thành cùng nước thần, đời đời là cừu-thù, nay lại đánh úp cướp bóc, thần bất-đắc-dĩ phải can dựng việc binh, trong lúc hoảng hốt, chỉ mong cời cái lo biên quân-nhiều-như-ong. Sợ hoặc trái lời thánh minh giận dữ, thần khôn xiết sợ hãi, cần tiến lui theo mạnh v. v... »

Bức biểu bởi lẽ nhũn-nhận ấy dâng lên đã làm yên lòng vua Minh. Vả trong nước đã sẵn có binh hùng tướng mạnh, lại trên dưới một lòng, lần này cũng như mấy lần khám xét về địa giới ở biên thủy miền Bắc, vua Minh chỉ làm lấy lệ, rồi lại phải im

ngay. Cho hay muốn được khinh hay được trọng là đều tự mình làm ra cả.

Cuộc đi đánh Chiêm này, còn có một câu chuyện rất hoàng-đường mà chúng tôi tin rằng là một mưu-thuật của nhà vua, xin thuật cả lại đây để vui bạn đọc :

Đêm 11 tháng chạp, ngự-thuyền đậu nghỉ ở cửa bể Kỳ-hoa. Nửa đêm vua mơ thấy một người con gái đến trước mặt lạy khóc và xưng tên là Nguyễn Tử-Vân, cung-nhân vua Duệ-tông đời Trần kể rõ lai lịch : Nàng là một bậc tài hoa, giỏi văn thơ, tinh ca-luật, được vua Duệ-tông yêu lắm. Năm Bính-thìn hiệu Khánh-long thứ tư (1377), vua Duệ-tông thân chinh đánh Chiêm-thành, nàng cố can không nghe, bèn xin theo hầu xa giá. Đến cửa bể Kỳ-hoa, gặp bão thuyền không đi được. Đêm hôm ấy, vua mơ thấy một người lại trước nói rằng :

Tôi là Đô-đốc bể Nam, giang hồ đi xa, còn thiếu người tần-tảo, dám xin cho tôi xin Tử-Vân, bằng cứ để làm vui riêng, tôi quyết không tha !

Vua Duệ-tông tỉnh dậy, bảo nàng. Nàng khóc tâu rằng :

— Ôm gối hầu chầu, đã ba năm nay may-mắn, bỏ sống theo nghĩa, một chết sao há từ !

Bèn cố xin đi. Vua Duệ-tông khiến dâng lên mâm vàng đưa nàng xuống nước. Gió bỗng im thuyền lại đi được.

Người con gái kể hết đầu đuôi rồi tâu van :

— Xin bệ-hạ rủ lòng nhân, ra tay cứu vớt kẻ trầm-luân trong bể khổ. Được thế là nhờ hồng-phúc bệ-hạ tái-tạo cho vậy !

Tỉnh giấc, vua Thánh - tông liền sai quan Đông-Các Hiệu-thư Nguyễn-Xung-Xác viết thư (1) đưa xuống cho Thủy-thần, lời lẽ rất trang-nghiêm mà ý trách rất chặt-chẽ. Thủy thần được thư giận lắm, nhưng cũng sai Thừa-tướng Côn; đại-tướng Kinh, Ngự-Sử Giảo-long, cùng các quan Châm, Chép, Thuồng-luồng họp thành đoàn Thủy - Sứ đem thư lên gần ngự-thuyền. Vua sai quan Hàn-lâm Học-Sĩ Lương Thế-Vinh nhặt lấy thư (2) mở ra xem. Trong thư lời lẽ rất đẹp nói rõ cái nguyên-do chúa-tể một phương, sau cùng mới tỏ cái ý giả lại người con gái ấy.

(1—2) Hai bức thư này còn chép trong « Nam Sử Tập-biên » sách của Trương Bắc-Cổ số A. 12 quyển 1.

Một lúc sau, một con giao-thần rẽ nước lên, cúi đuôi ve-vẫy rồi biến đi. Tức thời ở giòng nước chong sáng nổi lên xác nàng Tử-Vân, ngọc sắc tươi đẹp y như lúc sống vậy. Vua sai làm lễ táng, và tạm dựng một cái đền gianh đề thờ, nhân-đề một bài thơ vào vách rằng :

本是熙陵宮裏人

Bản thị Hy-lăng cung lý nhân

臨危爲國獨忘身

Lâm nguy vì quốc độc vong thân !

妖風一陣桃花浪

Yêu-phong nhất trận đào-hoa lãng,

春夢三更杳若津

Xuân-mộng tam canh ảo-nhược tân,

寒水無端埋楚婦

Hàn thủy vô đoan mai Sở-phụ,

香魂何處吊湘君

Hương hồn hà xứ điệu Tương-quân.

綱常萬古應無異

Cương thường vạn cổ ứng vô quý,

祠下鴛鴦戲水文

Từ hạ thư cưu hý thủy-văn.

Nghĩa là:

Vốn là người ở trong cung Hy-lăng (1),
 Tới lúc nguy vì nước một quên mình !
 Một trận gió quái hoa đào chìm dưới
 sóng,
 Ba canh mộng xuân thành bến Đỗ-
 nhuộc (2)
 Nước lạnh không có chôn Sở-phụ (3),
 Hương hồn chôn nào viếng Tương-
 quân (4).
 Cương thường muốn thưở thực không
 hồ,
 Dưới đèn chìm Thư-cưu đùa với nước.

Khi đánh Chiêm xong giở về, vua sai lập đền thờ bằng ngói tử-tế và sắc phong làm *Chế-thắng Phu-nhân*. Ngày nay vẫn còn đền, và chỗ ấy còn gọi tên là Nương-loan, tức là cửa mũi đất Bà Nà.

(1) Hy-lăng là lăng vua Tống Thái-Tông.

(2) Thử hương-thảo, cao 1, 2 thước lá giống lá sen, hoa trắng quả tròn.

(3) Sở-phụ là Sở-cơ vợ vua Trang-vương nước Sở, khéo can vua, vua đi săn, can không nghe, từ không ăn thịt.

(4) Tương-quân ở đây là Thủy-thần.

Câu chuyện hoang đường trên này, có lẽ là nhân đi qua nơi bà Nguyễn-Tử-Vân chết đuối, (không biết vì có gì), vua Thánh-tông liền thêm dệt thêm cho thành câu chuyện cảm động ly-kỳ, để biểu-dương oai mình và làm nức lòng quân-sĩ ? Phải chăng đây cũng là một mưu thuật *chế thắng* — như hiệu phong cho Nguyễn-thị — của con nhà dùng binh ? Dù sao, cuộc « *gặp gỡ* » này cũng có ảnh hưởng đến tinh-thần quân-đội và giúp ích cho trận võ-công thứ nhất này nhiều lắm.

Bây giờ ta lại xem đến Võ-công thứ hai tức là trận đánh Bồn-man và Lão-quá ở Ai-Lao vậy.

II. — Trận đánh Bồn-man Lão-quá.

Hai rợ Bồn-man (nay là đất Trấn-ninh) và Lão-quá (nay thuộc Luang Prabang) ở về phía tây nước ta, cậy có rừng núi hiểm trở vẫn thường vào cướp phá nước ta. Đất Bồn-man tuy đã tự ý xin nội thuộc từ năm Mậu-thìn (1448) đời vua Nhân-tông, đổi tên là Châu Quy-hợp, nhưng vẫn thường liên-kết với Lão-quá quấy nhiễu ngoài biên cương.

Năm Quang-Thuận thứ chín, quân Bồn-

man, Lão-quạ phạm vào bờ cõi, quan Tổng-binh Khuất-Đĩnh lĩnh quân đi đánh ở Lộng-động, có hai quan Đồng Tổng-binh là Nghiễn-nhân-Thọ, Nguyễn-Động làm Tán-lý-quân-vụ. Quân ta đi đến Mộc-châu trong lộ Hưng-hóa (nay thuộc Hòa-bình) gặp, quân giặc đánh tan 300 người, tiến thẳng đến trại Cầu-lộng trên sông Mã. Đi hơn nửa tháng dừng quân. Khuất Đĩnh khiến quan Tổng-Tri vệ Gia-Hung là Lê-Miến lĩnh quân bản-vệ tiến đến Kỳ-chúc, hợp với quân ở hai châu Đồng, châu Việt, và mọi thổ-binh đề chẹn mọi đường sung-yếu. Quân giặc nghe tin, tan vỡ cả, Khuất-Đĩnh liền sai người đồ lấy mọi điều họa phúc, quân giặc đều xin hàng phục.

Năm sau, Quang-thuận thứ mười, tháng 3, vua thân-chinh đi đánh Bồn-man, ra đến bên Bình nam, thấy quân ta thắng trận lại giở về cung.

Cách luôn mười năm đến năm Kỷ-hợi, Hồng đức thứ mười (1479), quân Bồn-man lại làm phản phạm vào bờ cõi. Ngày mùng 7 tháng sáu, vua hạ một bài chiếu rất dài kể tội Bồn-man, và cử quan Thái-uy Sùng quận-công Lê Thọ-Vực, quan Phò-mã đô-úy, cai quản

Đông, Bắc quân Đô-đốc-Phủ Đô-đốc, Doan-vũ hầu Trịnh công-Lộ, quan Tả đô-đốc Duyên-hà bá Lê hy-Cát mang ấn tướng-quân, dẫn 20 vạn quân tinh-nhuệ đi tiêu trừ. Tháng 7 ngày 22, vua hạ chiếu thân chinh. Ngày 23 tháng 8, vua lại sai kén 18 vạn quân cho mấy quan Đại-tướng Đô-đốc Lê đình-Ngạn, Lê-Lộng, Lê Nhân-Hiếu, chia 5 đạo, đánh thẳng vào Ai-lao, quân Lão-quá cả vỡ chạy tan. Ngày 18 tháng 10, ngự-giá thân-chinh Lão-quá. Đến Phù-liệt thấy tin thắng trận, Vua sai Phó-đoán-Sự Trần-Bảo, Đô chỉ-huy-Sứ Phạm nhân-Kính sắp đặt vận lương. Lúc ấy, quân ta đã thừa thắng đánh vào thành Lão-quá vua nước ấy chạy chốn mất, lấy được rất nhiều bảo-vật. Đại-quân còn đuổi đến tận hạ-giới sông *Tràng sa* (có lẽ là sông *Nan-Tna* bây giờ, chảy vào sông Mékong ở gần Ban Houei-Sai chăng?) giáp nước Diên-diện, nhận được văn-thư của nước Diên, mới kéo quân về. Tháng 11, ngự giá đến Thâu-Bồ, nghỉ lại 4 ngày, ngày 22 tháng 11, xa giá trở về, ngày 28 về đến kinh.

Mùa xuân năm sau, lại sai quan Thái-úy Kỳ-quận-công Lê-Niệm làm Bình-Nhung tướng-

quân đem 30 vạn quân đánh Bồn - Man, vì
Tù-trưởng xứ ấy đã sui giục Lão-quạ đem
quân quấy nhiễu. Đại-quân tiến vào cõi đánh
tan bốn quân Lão-quạ theo Bồn - man đón
đường đòi đất đã mất. Đại quân vào đến
Ai, Cầm-Công sợ, bỏ chạy rồi chết. Quân ta
vào đốt thành, các dân Bồn-man đều xin
hàng. Xưa đất Bồn-man có 9 vạn người, nay
chết vì đánh nhau và chết đói gần hết, chỉ
còn độ hơn hai nghìn người. Vua Thánh
tông bèn sai chia đất ra làm bảy huyện, đặt
ra phủ Trấn-ninh, thuộc vào bản-đồ nước ta,
cử quan phủ huyện cai trị. Nhưng ngài vẫn
phong cho người họ Cầm-Công là Cầm-Đông
làm Tuyên-ủy đại-sứ để cai-quản cả thổ-
dân ở đấy.

Thế là rút khoán hết mọi việc lôi-thôi
ngoài biên giới. Vua Thánh-tông thật đáng
tự hào đã làm được hai võ-công oanh-
liệt để rửa hồ cho các vua tiền triều, như
lời ngài đã tuyên-cáo trong tờ chiếu thân-
chính Chiêm-thành. Mà xét cho kỹ, trên lịch-
sử Việt-nam, hai võ-công này là có ảnh-hưởng
lớn đối với dân - tộc hơn cả. Về phươg-
diện dụng binh, cố nhiên hai trận này có

nhiều giá-trị về chiến-thuật và trận thế. Nhưng về phương diện kinh-tế và chính-trị, hai võ công ấy còn mang lại nhiều nguồn lợi. Trước hết, hai trận ấy đã trừ tiệt mối lo ngoài biên cảnh, đề mở đường tiến-triển cho cả một dân tộc. Thật vậy, từ đây nước Chiêm-thành bị qua phân, không còn phục-hung được nữa, cứ dần dần suy vi để đến ngày tiêu-diệt, nhường chỗ cho dân tộc ta, đây sức sống hơn và có tổ-chức thích-hợp với sức sinh-sản đương-thời hơn. Hai nữa, và cũng do đường tiến triển ấy, Triều-đình thu được nhiều lợi về thuế má và sản vật quý giá như yến sào, đồi-mồi, ốc tai voi, sà cừ, cùng là tơ lụa, các thứ tượng đá rất đẹp. Còn dân gian được tiếp-xúc thân mật với dân Chiêm, tiêm-nhiễm được cái tinh thần phóng khoáng, mà không lấy cái tình nông nổi hiếu chiến vô mưu, để luyện đủ sức thích-hợp mà tiến, mà thắng, thắng cả dị ồ-hùng và hóa công ! Hơn nữa, do sự tiếp-xúc thân mật ấy, dân ta đã thấm hóa được những giọng ca hát, âm nhạc và kỹ-thuật làm cho nghệ thuật của mình thêm phong-phú để nâng cao đời sống và khiến phong-tục trở nên tế nhị-hơn...

Được như vậy, kể kết quả của võ công ấy cũng đã lớn lao lắm, và cái công tổ chức nền binh bị cũng không đến nỗi uổng phí vậy.

Nhưng những võ công rực rỡ ấy sở dĩ có, là nhờ ở tinh thần quân đội và toàn thể dân chúng được thống nhất. Mà thống nhất được tinh thần dân chúng là do ở sự dạy dỗ, khuyến khích, tuyên truyền và biểu dương các tài năng theo dồn vào con đường đạo đức và văn học. Thế tức là văn trị vậy. Sang chương sau ta sẽ xét qua xem cái nền văn trị ấy thịnh đạt thế nào và đã nâng cao cùng phổ cập văn học đến trình độ nào.

CHU'ONG V

Văn - Trị.

Ở nước ta, vào đầu đời Lê, Hán-học đã lan-tràn rộng khắp, thâm nhập vào hết các tầng lớp nhân dân. Hai mươi năm chinh-chiến với nhà Minh cũng không hại gì cho sự học. Vì chính người Minh cũng đôn-đốc việc học nhiều lắm. Họ bắt mở nhà học ở khắp các phủ, châu, huyện, chọn những người học thức rộng trong nước làm chức Huấn đạo để dạy dỗ đàn em. Họ lại chọn những thầy âm dương, thầy thuốc, đạo-sĩ, có tài giỏi cho làm quan để dạy chuyên nghề của mình. Sự học do đó càng được rộng rãi và phổ-cập thêm. Gia dĩ lại nhờ

có những bậc danh-nho như Trình-Sư-Mạnh ở Từ-liêm (1), Lý Tử-Cấu ở Hồng-châu (2), Võ-Mộng-Nguyên ở Tiên-du (3) nêu cao khí-tiết và tài học làm gương cho dân - gian noi theo học tập. Cho nên khi vua Thái-tổ tiến quân ra đóng ở bến Bồ-đề, năm bính-ngọ (1427), đương lúc hai bên còn giao chiến, mở khoa thi kén nhân-tài mà được lữ ông Đào-Công-Soạn 26 người đỗ giáp-đệ và 6 người đỗ ất-bảng, Đến khi bình định rồi, năm Thuận thiên thứ hai (1429), vua mở khoa *Minh-kinh*, kén những người thông kinh sử được sáu người là các ông Trình-Thuấn-Du, Phan phu-Tiên, Nguyễn Thiên-Túng, Võ vĩnh-Trình, Nguyễn Khắc-Hiếu, Trình Hiên, là những bậc danh-thần giúp nhiều lợi ích cho hai triều Thái-tông, Nhân-tông sau này.

(1) Trình Sư-Mạnh không ra làm quan, tự hiệu là Chúc-lý-tử.

(2) Lý Tử-Cấu, Thái học-Sinh đời Trần. Hồ, Minh, Lê với ra làm quan đều cố từ, có danh-vọng một thời.

(3) Võ mộng-Nguyên, người làng Đông-Sơn, không làm quan với Minh, nhà Lê cử làm Quốc Tử-giám Tế-tên, hiệu là Bui-Khê.

Năm Thuận-thiên thứ tư (1431), vua Thái-tổ lại mở khoa *Hoành-từ* lấy những ông Nguyễn Thiên-Tích, Trình-Thanh, Đặng tuệ-Liên, Chu Tam-Tĩnh, Trần Phong.

Như thế đủ tỏ trình-độ học-thức lúc bắt đầu bước sang triều Lê đã cao lắm.

Vua Thái-tổ lại thân kén con cháu nhà quan cùng những người dân thường tuấn-tú, cho vào làm học-sinh thị-cận, thị - ngụ-tiền, mọi cục, và làm giám sinh ở Quốc Tử-giám, sung làm sinh-đồ các phủ; đặt thầy nho học để dạy bảo, khắc sách vở để ban bố: Gai đường nuôi nhân tài thực là rộng rãi (1). Vì vậy, nên trình-độ văn học càng tiến cao lên mãi. Khoa thi Tiến sĩ thứ nhất đời Lê là khoa Nhâm Tuất, Đại bảo thứ 3 triều vua Thái-tông, đã có tới 450 người ứng thi. Trong số 33 người trúng cử, ba vị Nhất giáp Tam khôi đều là những người ít tuổi cả. Ấy là Trạng Nguyên Nguyễn-Trực 26 tuổi, Bảng-Nhơn Nguyễn như Đỗ 19 tuổi, Thám hoa Lương như **H**ọc ngoài 30 tuổi. Ba ông này đều là những tay văn chương lỗi-lạc, nổi danh ở cả Trung quốc.

(1) Theo bia khoa Đại-bảo thứ 3.

(Nguyễn Trữ đi sứ một lần, được người Tàu cho đỗ Trạng nguyên bên ấy. Đương-thời gọi là Lương-quốc Trạng-nguyên. Nguyễn như-Đồ ba lần, Lương như-Học hai lần sang sứ bên Tàu).

Hồi ấy, cứ sáu năm một lần thi. Khoa Mậu Thìn năm Thái-hòa thứ sáu (1448) đời vua Nhân-tông, số ứng thí đã lên đến 720 người và đến khoa thứ nhất dưới triều vua Thánh-tông, tức là khoa Quý-mùi, năm Quang-thuận thứ tư (1463), số cống-sĩ vào thi tăng lên đến hơn 1400 người (1). Như thế chứng tỏ việc học rất được người tôn trọng và số người tinh thông hán-học mỗi ngày một gấp lên nhiều lắm. Vua Thánh tông lại là vị vua hiếu học hơn hết; ngài hết sức chăm-chỉ đôn-đốc việc học. Ngài đến thăm nhà Thái-học, tế đức Khổng tử, bắt đầu mở rộng nhà Thái-học, đặt ra ba lớp Quốc-tử-giám lấy thêm học trò, làm thêm các phòng ốc cho những sinh viên lưu trú. Lại làm ra kho bí-thư để chứa các sách. Ngài định lại cách kén học trò,

(1) Các số thí-sĩ trên đây đều chép theo Bia Văn Miếu.

phải trước đức-hạnh, sau mới văn-chương, tức là đề cho hương-lý cử tuyển lên mới được ứng thí. Ngải sai ghi chép những đề-mục và danh-sách những người trúng cách trong thi hương, thi hội, thi đình, đề tỏ ý khuyến thưởng. Phàm những việc gì tiên-triều đã làm, ngải đều theo mà gìn giữ ; những việc gì tiên-triều chưa làm, ngải đặt thêm ra cho rộng rãi. Năm Nhâm-ngọ (1462) Quang-thuận thứ ba, ngải định lại cứ ba năm một kỳ thi, năm trước thi hương thì năm sau thi hội. Thi hương cứ nhắm vào những năm *Tí, Mão, Ngọ, Dậu*, thi hội vào những năm *Sửu, Thìn, Mùi, Tuất*. Ngải chia cả nước ra làm 12 trường thi hương. Bảy trường *Sơn-nam, Phụng-Thiên, Hải-dương, Kinh-Bắc, Sơn-Tây, Thanh-hóa, Nghệ-An*, mỗi trường có bốn quan giám-thí đều do có chân trong Viện Hàn-lâm được cử đi. Còn năm trường *Tuyên-quang, Hưng-hóa, Thái-nguyên, Lạng-Sơn, An-bang* mỗi trường có hai quan giám-thí cử ở tòa Thừa và tòa Hiến ở đấy ra coi.

Ngải lại ban bố tờ dụ « *Khuyến-học* » như sau này :

« Cái văn quân-tử thành đức chí danh, quý hồ hữu thể hữu dụng ; Nho giả vi kỹ chí học, yếu tại thành thủy thành chung. Cầu đàn-tịch chi bất cần, tắc công phu chi hữu gián. Hạ-Vũ đại-thánh, tí tí do tịch thốn âm, Tăng-tử đại-hiền, miễn-miền riệc gia tam tỉnh. Hán Đồng-tử hạ duy nhi lệ chí. Đường Xương-lê kể cữu rĩ thành công. Bĩ hà nhân, ngã riệc hà nhân ? Vi chi nhược thị. Cổ thử đạo, kim đồng thử đạo, chí giả cánh thành ! Nhữ đẳng sinh hồ Thiên địa chi gian, đồng đắc âm dương chi khí ; vật các phó vật, tuy vãn hoặc thuận, hoặc bác chi thù. Nhân sở vi nhân, riệc hữu hi thánh ti hiên chí chí. Tiên cần ư sái tảo, ứng đối, tiến thoái chi tiết, thử cấp ư lễ nhạc, sạ ngự, thư sở chí văn. Tọa như thi, lập như trai, học nhi thời tập ; chính kỳ tâm, thành kỳ ý, yếu tại nhất lãn ! Hàm vịnh hồ kỳ sở vị trí ; mãnh miễn hồ kỳ sở vị chí. Kinh giả tải đạo chi khí, tất dụng lực rĩ giãng cầu ; Sử nãi ký sự chi thư, tất tận tâm nhi suy cữu. Rĩ khảo Thánh hiên chí thành-pháp ; rĩ

cầu sự lý chỉ đương nhiên. Nhã ngôn mạc thiết ư Thi Thư, Thi Thư cần nãi hữu; hành đạo mạc tiên ư lễ nhạc, lễ nhạc bất khả vô. Trầm tiền hồ bát quái cứu trù; xuất nhập hồ bách gia chư Tử. Đại hiển vi sư, thứ hiển vi hữu, thân sư thủ hữu hữu phương; xuất sự kỳ trưởng, nhập sự kỳ huynh, kính trưởng ái huynh tận đạo. Bất khả tuần vật vi tình; dẫn đương chủ thiện vi sư. Khí tập sở di, đương giới phù Kiêu chi nhất tự. Đạo lý tối đại, mỗi thủ ư thân chi lưỡng bàng. Hữu chân tiên thực lý chỉ công; vô lập đẳng can dự chi thất. Năng định, năng tĩnh, năng lực, năng đắc, sở tạo đã thâm; như thiết như lha, như tráo, như ma, ích cầu kỳ chi. Kỳ tự đắc chi ư kỷ, hữu đương suy rĩ cập nhân! Tài dưỡng bất tài, trung dưỡng bất trung, tả chi giả chúng; thành bất độc thành, lập bất độc lập, đức tất hữu lân. Nhân chi thực, nghĩa chi tinh; Công chi sùng, nghiệp chi quảng. Do thị nhi cùng kinh chi dụng; do thị nhi học cổ nhập quán. Thủ Hán-thất chi tử chu, đãi như thập giới;

trạc Tổng triều chi khoa-đệ, hữu nhược
trích tì ! Nhân tranh khán kim bảng đề
danh, thời cộng đồ thanh vân đặc lộ .Bộ
ngốc đẳng kim chi khách, tiếp chủng liên
kiên ; chấp chiêm phụ nữ chi đồ, hỏ tiền
ung hậu. Hương hỏa chi sơ tâm bất phụ ;
công danh chi tổ-chí hoạch thường.
Rĩ văn chương nhi phủ-phất hoàng du ;
rĩ đạo đức nhi sanh-dụng trị-hóa. Tì
dân tôn chúa ân-trạch cấp ư dương thời ;
dương danh hiển thân, sự-nghiệp thù
vu hậu thế. Thị giai cần rĩ vi thượng,
cố năng lộc tại kỳ trung ! Thảng hoặc
bất học bất tư, tự-bạo tự khí ! Muội
mục hồ diễn mô chi huấn, minh-minh
hà tri ? Mê tâm ư hoa-nguyệt chi trường-
yêm yêm vông giác ! Song bắc chi quang
âm lũ duyệt ; thành nam chi hương
hỏa bất thân ! Nghiệp hoang vu hi, kẻ
khuyến chi tâm dị phóng ; dịch học vị
chí, hồng học chi chí dĩ dĩ ! Tề-Dư chi
mộc bất khả điều, Từ-tử chi thủy mạc
chi bản. Sơn vi cứu nhận, nhất quỹ
do khuy ; lĩnh vi cấp tuyền, bán-đồ nhi
phế. Ứng thũng chi tài hề dụng ; tì ở

chi địch cam vi ; Trì khu huy hạ chi binh, giúp sinh cơ chết; bốn tầu mã-tiền chi tốt, bối xuất trùng thư ! Ngũ-phù Xích-tịch chi đồ lao ; Tỳ tất nô nhân chi khả sỉ ! Lỗ-mỗ nhi canh, lỗ-mỗ nhi báo, quyết cứu thù quy ? khốn-khở kỳ tâm, khốn khở kỳ thân, phệ tề hà cấp ? Khởi đặc vi thể noa chi lụy, ức riệc cô phụ mẫu chi ân. Hồi khan ý cảm chi vinh, không bao hậu nhân chi sỉ. Phù nhân chi đặc, bất đặc, ư thị phán yên ; Đại nhân chi cần, bất cần, vi hà như nhĩ ? Dư ngôn cấp thử, nhữ đẳng tư chi ! Kim khuyến !

Dịch :

« Thường nghe, người quân-tử có tiếng nên đức, quý ở có thể, có dụng ; kẻ nho-giả cố học cho mình, cốt tại thành trước, thành sau ! Vì sớm hôm không chăm, tất công-phu đứt quãng. Vua Hạ-Vũ là bậc đại-thánh, còn chăm-chăm tiếc thốn-âm (1). Thầy Tăng-tử là bậc đại hiền, cũng canh cánh thêm ba

1. — tắc bóng, tức như ta nói một phút thời gian.

xét (1). Thấy Đồng-tử nhà Hán xuống màn để
mạnh chí, Ông Xương-lê nhà Đường nổi đồng
hồ để nên công. Họ là ai ? mà ta là ai ? làm
thời cũng thế. Trước đạo ấy, nay cũng đạo
ấy, có chí phải nên ! Đã sinh trong khoảng
giời đất, cùng được cái khí âm dương. Vặt
đều theo vật, tuy có hoặc thuần, hoặc lẫn
khác nhau. Người đã làm người, cũng cùng hy
thánh hy hiền một chí ! Trước phải cẩn-thận
mọi việc *tư*oi, *quét*, *dạ*, *vâng*, *tiến*, *lui*. Sau
mới tập tành mọi cách *lễ*, *nhạc*, *băn*, *cưỡi*,
thư số ! Ngồi cho ngay, đứng cho thẳng, học
phải tập luôn ; chính lấy lòng, thực lấy ý, cốt ở
ngày mới. Chàn đầy tìm cái gì chưa biết, gắng
gỏi với cái gì chưa đến. *Kinh* là một thứ chép
đạo lý, phải dùng sức mà giảng tìm. *Sử* là pho
sách ghi việc làm, phải hết lòng mà suy xét.
Khảo phép tắc thánh hiền đã dựng nên, để
tìm cái lẽ đương-nhiên của sự lý. Chính lời
nói không gì cần bằng *kinh* thi, *kinh* thư,
thi thư chăm tất được. Ra hành đạo không
gì trước hơn là *lễ* *nhạc*, *lễ* *nhạc* không thể
không. Ngẫm-nghĩ đến bát quái cửu trù, ra

1.— Thấy Tăng mỗi ngày ba xét mình.

vào khắp Bách gia chư tử. Đại-hiền tôn làm thầy, thứ-hiền là bạn, thân thầy kén bạn có phương. Ra ngoài thờ bậc trưởng, về nhà thờ anh, kinh trưởng yêu anh hết đạo. Không được theo vật trái với tính, chỉ nên chủ điều thiện làm thầy. Khi tập thay đổi, nên văn minh, tránh một chữ *Kiểu* ! Đạo lý rất lớn, phải lấy gương ở hai bên cha mẹ. Có cái công đi thẳng bước thực, không cái lỗi vượt bậc cầu khen. Định yên được, lo được, thu được, cái công gây dựng đã sâu, như cắt, như cưa, như rửa như mài, càng cầu kết-quả mau đến. Đã sở đắc ở mình, lại nên suy ra đến người. Dem tài nuôi kẻ không tài, dem vừa giúp kẻ không vừa, cần phải nhờ nhau. Thành không nên thành một mình, đứng không nên đứng một mình, có đức tất phải có xóm giềng. Nhân càng chín, nghĩa càng tinh, công càng cao, nghiệp càng rộng. Do đấy mà cùng kinh chí dụng, do đấy mà học thông đời xưa, ra làm quan. Lấy áo tía đỏ đời Hán dễ như nhặt hạt cải ; đồ khoa đệ triều Tống nhẹ như nhổ sợi râu. Người ta tranh xem danh chiếm bằng vàng. Thời thế cùng thấy thanh vân

đắc lộ. Những khách bước ngoe, leo vằng,
nối gót liền vai. Những bọn cầm roi dương
nỏ, hô tiền ứng hậu. Không phụ cái công
đèn lửa, đủ bù chí lập công danh. Dem văn-
chương tô điểm đạo vua; lấy đạo đức sinh
hòa trị-hóa. Giúp dân tôn chúa, ơn trạch
khắp cả dương thời. Dưng danh hiển thân,
sự nghiệp ghi còn muôn thuở. Ấy là đều
nhờ chữ cần làm gốc, cho nên có lộc ở
trong. Thảng hoặc có kẻ không học, không
nghĩ, tự bạo, tự bỏ. Lời dạy điển-mô đánh
mắt kém, mờ-mịt biết gì! Với bên trường
hoa nguyệt, mãi lòng mê, mệnh-mang khôn
giác! Cửa bắc quang âm hằng qua, mà thành
Nam hương lửa vẫn không thân. Mãi thích
chơi đùa lêu-lồng, cái lòng gà chó dễ buông
rông! Định tập học chưa xong, cái chí
hồng-hộ đã bay mất. Gỗ thày Tề-Dư (1)
không chạm được, nước Từ-tử (2) vẫn chẳng
rõ nguồn. Làm núi chín nhận, thiếu một
sọt, cũng thành chưa xong. Khơi giếng tự
nguồn, đến nửa đường lại đánh bỏ giờ. Cái.

(1) Tề-Dư ngủ ngày, đức Khổng-tử bảo gỗ mục
không trạm được.

(2) Đây có lẽ là Từ-vô-Quỷ (?) trong Trang-tử.

tài *ứng-thùng* còn dùng được gì ? Mọi việc tôi cam làm vậy ! Là quân rong ruổi dưới cột cờ, áo giáp sinh đầy chầy rạn ; là lính chạy chột bên mình ngựa, lưng hám rộp những rộp ròi ! Khó nhọc theo ngũ-phù (1), sách-tịch (2) ; dơ-dáng tuồng đầy tớ, con đòi ! Lỗ-mỗ lúc cày, lỗ-mỗ lúc báo, lỗi ấy tại ai ? Khốn khổ cả tâm, khốn khổ cả thân, cần rồn sao kịp ! Há những đề riêng lụy cho vợ con, lại còn bội phụ ơn cha mẹ ! Xem người ta áo gấm vênh vang, lại thẹn mình mặt đầy xấu hổ ! Lúc ấy, con người ta được và không được, mới rõ khác nhau. Ở người siêng với không siêng, còn nói thế nào nữa ? Ta nói đến đây, các anh nghĩ lấy. Nay khuyên ! »

Thật là một lời khuyên-nhủ ân-cần và tha-thiết, điều hơn lẽ thiệt chỉ rõ như ban ngày, hơn cha bảo con thầy dạy trò vậy.

Nhờ có những sự cải-cách mở-mang và lòng tận tâm đồn-đốc như vậy, nên sự học lại càng phổ-cập, số người tài cao học rộng

1. — Ngũ-phù là thẻ hàng ngũ, mỗi ngũ năm người.

2. — Sách-tịch là sổ biên tên quân lính.

ngày một nhiều thêm. Ta hãy lấy số giải ngạch tam - trường ở trường Sơn nam khoa Nhâm-gọ (1462) là 1000 người, và số hương cống lấy đỗ ở tứ trường (phước-hạch) là 100 người (1) làm ví dụ. Số người còn lại ở trường ba được 1000, tất số thí-sinh vào trường nhất phải đến hàng vạn người. Cả 12 trường, hơn bù kém, mỗi trường ta gọi tam cho là có 5 nghìn thí-sinh, ta đã có tất cả sáu vạn người học thông kinh sử, sáu vạn tay bác-học trong số hơn 72 vạn xuất-đình (2) trong nước. Con số tương-quan kể cũng lớn lắm vậy !

Như nước vào ruộng khô, đã ngấm chán khắp cả rồi, bây giờ chỉ còn nước vào đến đâu cao lên đến đấy, số cống-sĩ khoa tiến-sĩ Ất-mùi, Hồng-đức thứ sáu (1475) đã lên đến hơn 3000 người. Dem so với khoa Quý-mùi trước (1463), trong khoảng mười ba năm, số cống-sĩ đã tăng lên gấp ba lần.

Số sĩ-tử đã đông, số người trúng-cách cũng phải tăng theo. Trước kia không khoa

(1) Theo trong Nam-Sử tập-biên.

(2) Theo sách Nam-Vũ-Cống của Nguyễn-Trãi.

nào được lấy quá hai, ba mươi người, từ này có khoa đến trên 60 người đỗ. Vua Thánh-tông lại định tư-trật cho các vị tân-khoa :

Đỗ Trạng-nguyên, tức đệ-nhất giáp Tiến sĩ cập-đệ đệ nhất danh, được hàm Chánh lục-phẩm. Bảng-nhơn, hàm Tùng lục phẩm. Thám-hóa, hàm Chánh thất phẩm. Hoàng-giáp, tức Nhị-giáp Tiến-sĩ xuất thân, tòng thất-phẩm. Tam-giáp Đồng Tiến-sĩ xuất thân, hàm Chánh bát phẩm.

Những vị tân-khoa đầu tiên được vào viện Hàn-Lâm, rồi sau theo phẩm-trật được bổ làm Giám-sát ngự-sử, Tri-phủ, Tri-huyện.

Việc ưu-đãi các vị đại-khoa như thế, vua Thánh-tông còn cho là chưa đủ. Ngoài việc gọi loa yết bảng ngoài cửa Đông-hoa, cho ăn yến ở vườn Quỳnh-lâm, ban mũ áo, cờ biễn cho vinh quy, ngài còn muốn lưu cái cảnh mỹ-quan thịnh-sự ấy lại muôn đời, nên năm Hồng-đức thứ mười lăm (1484), ngài làm *bia đề tên* dựng ở nhà Thái-học. Mỗi khoa có một bia, trên là một bài ký-thuật quang - cảnh khoa thi và nói rõ ý tốt của nhà vua, dưới khắc theo thứ tự, tên và nguyên quán, chú - quán các vị tiến-sĩ.

Ngày mười lăm tháng tám, năm Hồng Đức thứ 15, thật là một ngày long-trọng và có ý nghĩa nhất trong lịch-sử khoa-cử. Vì ngày ấy là ngày dựng tất cả mười một bia của mười một khoa, từ khoa Tiến-sĩ đầu tiên của triều Lê là khoa Nhâm-tuất (1442) năm Đại-bảo thứ ba vua Thái tông, đến khoa Ất-mùi (1475), năm Hồng đức 15. Ta có thể tưởng-tượng cái ngày ấy ở Kinh đô vui vẻ, biết chừng nào. Trên từ vua quan, dưới đến nhân dân, tất cả các danh-sĩ, tất cả tinh-hoa của đất nước đều tụ-tập cả ở sân nhà Thái-học trước Văn-miếu, để dự lễ dựng bia, và để ngắm đọc tên các vị khoa-giáp với một vẻ thán phục bộc-lộ lẫn vẻ hưng-khởi thầm kín. Cái ngày ấy thực là ngày đáng ghi nhớ. Mấy khoa sau như khoa Đinh-mùi (1478) Hồng Đức thứ 18, bia cũng dựng đúng vào ngày 15 tháng tám. Giả các triều sau, cứ đúng ngày ấy mà dựng bia, thì có ý nghĩa biết bao, cụ-thể cả tinh thần vào một ngày lịch sử, để truyền mãi từ đời nọ sang đời kia, làm một ngày duy nhất đối với khoa-cử và việc kén chọn nhân tài. Tiếc rằng, về sau, mỗi

khóa một khác, bạ ngày nào dựng bia ngày ấy, thành thử không còn ai nhớ đến cái ngày ấy nữa.

Cái ý-nghĩa dựng bia rất sâu-sa, gồm cả ý khuyên dụ và trừng giới, đối với quốc dân có ảnh hưởng không phải ít. Cái ý nghĩa ấy đã được bày tỏ rõ ràng trong những bài bia ký :

«Dựng bia đá đề tên, đặt ở cửa những bậc hiền triết, khiến cho nhiều học trò trông thấy, hăm mộ hưng khởi, chuộng nghiêm danh tiết, gắng giúp nhà vua, há chỉ chuộng hư danh hư văn mà thôi.

« Những người có văn học chính sự, làm đẹp đẽ cho nền binh trị, vài mươi năm nay đã được Nhà nước dùng nhiều. Thỉnh thoảng có người vì ăn lót mà hỏng, hoặc mắc vào bọm gian những, bởi vì binh sinh chưa được thấy phiến đá tốt này bao giờ ; giả sử đương thời mà mắt họ trông thấy, thì lòng thiện vui, lòng ác tắt thôi, đâu dám có mầm ác ấy ? Thế thì việc dựng bia đá này bổ ích rất nhiều : người ác nên lấy làm trừng giới, người thiện nên lấy làm khuyến khích ; chứng rõ việc quá khứ, rộng bảo về tương lai, một phần là giúp cho nhiều học trò trọng danh

tiết như đá, hai là giúp mạnh - mạch nhà nước được vững bền. Bậc Thánh thần đặt ra, ý rất sâu xa ; phạm việc gì cũng muốn để người ta quan-chiêm vào, có phải là câu thả dẫu ? (*Bài bia khoa Đại-bảo thứ ba, Thân Nhân Trung soạn*).

« Vả lại phiến đá dựng ở nhà Đại - học cốt để những người làm quan, những bọn Lộc trò, mắt nhìn vào, miệng đọc đến, trông mong ngẫm nghĩ, hăm mộ ước ao, để làm cái nhịp kích lệ lòng người ; cái ý tốt chuộng văn của đời thịnh, đối với cội gốc việc trị nước và phong tục giáo-hóa, quan hệ lắm thay ! (*Trích bia khoa Tân-sửu Hồng đức 12, Nguyễn xung-Xác soạn*).

« Người học trò được khắc tên vào phiến đá này, rất may mắn thay ! phải mong làm điều trung nghĩa ; danh và thực phải giống nhau, việc làm theo sự học, để thành công nghiệp lớn lao rực rỡ, khiến cho thiên hạ đời sau, mong theo tiếng tốt, hăm mộ đức hay, ngõ hầu trên không phụ lòng nhân của triều đình đã hết lòng nuôi dạy, dưới không phụ cái công uân sức của mình khi bình sinh, thì cái phiến đá này khắc ra lâu lâu không

nát. Nếu chỉ khoe văn chương bên ngoài, mà thiếu đức-hạnh ở trong, kiến thức học hành sai lạc, hạnh kiểm hỏng, danh giáo hư, thì chỉ làm phiền đá kia thêm vết, ví như bất trung bất hiếu, thì tên bị đục đi ! Chẳng phải cái ý của Triều-đình mong cho sĩ-quân-Tử như thế ; chẳng phải sĩ-quân-tử lại tự đả mình như thế. Ôi ! bé đi học, nhón ra làm, là cái chí *cùng kinh chí dụng*, người ta ai ai cũng có. Từ nay về sau, phàm là người học trò sinh ở đời này, dự vào lối học này, nên để ý đến ! (Trích bia khoa *Đinh - mùi* Hồng - đức 18, *Thân Nhân-Trung* soạn).

« Vậy phiền đá dựng lên, chẳng những là nêu thanh danh, lưu tiếng tốt, khoe những kẻ sĩ một thời vẻ vang mà thôi đâu. Cái thâm - ý khuyên răn thực ngụ trong đó. (Trích bia khoa *Ất mùi*, Hồng đức thứ sáu, *Lê Ngạn-Tuấn* soạn).

Với sự đôn-đốc cặn-kế như vậy, với sự biểu-dương khích lệ như vậy, làm gì mà tất cả quốc dân đều chả có thể thành kẻ sĩ thông-thạo, làm gì mà triều - đại ấy chả thành một triều-đại văn-trị toàn thịnh, có một không hai trên lịch-sử nước nhà. Chú

trọng đến nền thịnh-trị ấy, ta ngược lại triều-dại, lần theo thứ tự mà tính số những kết quả hiển-nhiên,

Suốt đời vua Thánh-tông 38 năm giời, có cả thảy 12 khoa thi Tiến-Sĩ :

1.) Khoa *Quý-mùi*, năm Quang-thuận thứ tư (1463), được 44 vị trúng-tuyển : Nhất giáp cấp đệ Tam-khôi ba tên, Nhị-giáp xuất thân 15 tên, Tam-giáp Đồng tiến-sĩ xuất thân 26 tên.

Khoa này, *Trạng nguyên* là Lương Thế-Vinh, người xã Gao-hương, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam định, đỗ năm 23 tuổi, làm quan đến Hàn-lâm Viện thị-giảng Chương Viện Sự, Nhập-thị Kinh-Diên, dự Tao-dân sai phụ. Sau khi mất được phong làm Phúc-thần làng Cao-hương.

Bảng-nhôn Nguyễn đức-Trinh, người xã Yên-giới, huyện Thanh-lâm, tỉnh Hải dương, đỗ năm 25 tuổi, làm quan đến Phó-dô ngự-Sử, đi sứ Tàu, chết giữa đường, được truy tặng hàm Thượng-thư.

Tám-hoa Quách Đình-Bảo, người xã Phúc Khê, huyện Thanh quan, Thái bình bảy giờ, đỗ năm 24 tuổi, làm quan đến Lại-Bộ Thượng

Thư, kiêm Đô-ngự-Sứ, đi Sứ sang Tàu năm Hồng-đức canh-dần (1470).

2.) Khoa *Bình-Tuất*, Quang-huân thứ bảy (1466), lấy đỗ 27 tên. Không có ai đỗ nhất giáp cập đệ. Nhị giáp 8 tên, Tam giáp đồng Tiến Sĩ xuất thân 19 tên.

Khoa này, đỗ đầu là Đinh Nguyên Nhị giáp Tiến sĩ Dương Như-Châu, đỗ nam 19 tuổi, người xã Siêu-loại, Lạc thổ, phủ Thuận-thành tỉnh Bắc Ninh bây giờ, làm quan đến Tả Thị-lang Tri-Chế Cao, sau dự vào cuộc khảo hạch nhô thần ở Phương-nghi đường, vì học nghiệp không tiến, bị truất xuống làm Hồng-lô Tự-Thừa.

3.) Khoa *Kỷ-sửu*, Quang-thuân thứ mười (1469), 22 người trúng-cá h, cũng không có ai đỗ Đệ Nhất-giáp cập-đệ. Nhị giáp 2 tên, Tam giáp Đồng tiến-sĩ 20 tên.

Hai ông đỗ Nhị giáp là : Phạm-Bá người xã Phác-xuyên, huyện Tiên-minh (bây giờ là Phủ Bình Giang) tỉnh Hải-dương, làm quan đến Lại Bộ Thượng thư, kiêm Quốc-tử-giám Tế Tửu, trước Xuyên quận công. Nguyễn như-Uyên người xã Hạ yên quyết, phủ Hoài-đức bây giờ đỗ năm 33 tuổi, làm quan

đến Lại-Bộ Thượng-thư coi việc sáu bộ, kiêm Quốc-tử-giám Tế-Tửu, vào hầu tòa Kinh Diên.

4.) Khoa *Nhâm-Thìn*, Hồng đức thứ ba (1472) đỗ 27 tên, Đệ-nhất-giáp tiến-Sĩ Cấp đệ 3 tên, Nhị-giáp 7 tên, Tam-giáp 17 tên.

Tam-khôi khoa này là :

Trạng-nguyên Vũ-Kiệt, người làng Yên-Việt, huyện Siêu-loại, phủ Thuận-thành tỉnh Bắc ninh, đỗ năm 20 tuổi, làm quan đến Tả thị lang kiêm Đông-các hiệu-thư.

Bảng nhỡn Nguyễn kim-An, người xã Thời-cử, huyện Đường an, tỉnh Hải dương, trước làm Cẩm-binh, nhân làm bài thơ *Trung thu vô nguyệt*, được vua tha về cho đi học, đỗ năm mới 23 tuổi, làm quan đến Hàn-lâm viện thị-thư.

Thám hoa Vương Khắc-Thuật, người xã Cối giang, huyện Đông-ngàn (Tứ Sơn bây giờ) tỉnh Bắc-Ninh, làm quan đến Tham-Chính, ba lần đi sứ Tàu.

5.) Khoa *Ất-mùi*, Hồng đức thứ sáu (1475) đỗ 43 tên : Đệ nhất giáp cấp-đệ tam khôi 3 tên. Nhị giáp 13 tên. Tam giáp Đồng tiến-sĩ 27 tên.

Tam khôi khoa này là :

Trạng - nguyên Vũ - Tuấn - Chiêu, người phương Nhật-Chiêu, (bây giờ là làng Nhật-Tân thuộc Đại-lý Hà-nội) ngụ ở xã Cổ-liều, huyện Nam-chân (Nam-trực bây giờ) đỗ năm đã 50 tuổi, làm quan đến Lại-bộ Tả thị-Lang.

Bảng-nhôn Ông-nghĩa-Đạt, người xã Phú-gia, huyện Từ-liêm, (bây giờ phủ Hoài-đức Hà-đông) làm quan đến Đô ngự-sử, hai lần đi sứ Tàu.

Thám-hoa Cao-Quỳnh, người xã Cao-Xá huyện Đông-thành, phủ Diễn-châu, Nghệ-An, đỗ năm 27 tuổi, Hội-nguyên Thám-hoa, làm quan đến Đông-Các đại-học-sĩ.

6.) Khoa *Mậu-tuất*, Hồng đức thứ chín (1470) trúng cách 62 tên : Nhất giáp cấp đệ 3 tên ; Nhị giáp 9 tên, Tam giáp 50 tên. Khoa này không có Trạng-nguyên, nhưng có những hai Thám-hoa là :

Bảng-nhôn Lê-quảng-Chí, người xã Thần-dầu, huyện Kỳ-hoa, bây giờ là Thạch-hà tỉnh Hà-tĩnh, năm 25 tuổi đỗ Đình-nguyên bảng-nhôn, làm quan đến Đông-các học-sĩ, kiêm Độc quyền thị diện, tri-sĩ, thọ 82 tuổi; tặng hàm Thượng thư, phong Phúc-thần.

Thám-hoa Trần-bích-Hoành, người làng Văn Cát, huyện Vụ-bản, Nam-dịnh bảy giờ, đỗ năm 57 tuổi, làm quan đến Đông-các học-sĩ.

Thám-hoa Lê-Ninh, người xã Thụ-ích, huyện An lạc, phủ Tam-đời (Vĩnh-tường ngày nay) đỗ Hội-nguyên *Thám-hoa* năm ba mươi một tuổi. Làm quan đến Hộ-bộ Tả thị-lang kiêm chức Vương-phó, đi sứ Tàu, truy tặng hàm Thượng-thư.

7) Khoa *Tân-sửu*, Hồng-đức thứ mười hai (1481) đỗ 40 tên. Nhất giáp cấp đệ tam khôi 3 tên. Nhị giáp 8 tên. Tam giáp 29 tên.

Tam khôi khoa này là :

Trạng-nguyên Phạm-đôn-Lễ, người xã Hải-trào, huyện Ngự-Thiên, nay là huyện Hưng Nhào, tỉnh Thái-bình, ngụ ở làng Thanh-nhân huyện Kim-hoa, đỗ năm 27 tuổi, từ thi hương đến thi đình đều đỗ đầu, là vị *Tam-nguyên* trước nhất của nước ta. Ngày vinh quy, vua ban cho ngựa tốt để tỏ ý yêu mến đặc biệt, từ khoa sau thành lệ. Làm quan đến Tả thị-lang, tặng hàm Thượng-thư.

Bảng - nhơn Lưu - hưng - Hiếu, người xã Lương-hà, phủ Thiệu-hóa, tỉnh Thanh-hóa, đỗ năm 26 tuổi, làm quan Hàn lâm, dự Tao-

đàn, di sử, làm đến Thượng-thư.

Thám-hoa Nguyễn-doãn-Dịch, người làng Lạc dương, ngụ xã Canh-hoạch, phủ Thanh-oai Hàđông bấy giờ, làm quan đến Tả thị-lang.

8.) Khoa *Giáp-thìn*, Hồng-đức mười lăm (1484) 44 người đỗ : Đệ nhất giáp cấp-đệ Tam khôi 3 tên. Nhị giáp 16 tên, Tam giáp 25 tên.

Tam khôi khoa này là :

Trạng-nguyên Nguyễn-quang-Bật, người xã Bình-ngô, huyện Gia-bình, tỉnh Bắc-ninh bấy giờ, đỗ năm 26 tuổi, do chức Hàn-lâm thị-thư, dự Tao-đàn.

Bảng-nhôn Nguyễn-Giác, người xã Thăng-lâm, phủ Thanh-oai Hàđông bấy giờ, đỗ năm 30 tuổi, làm quan đến Hình-bộ Tả thị-lang.

Thám-hoa Mai-duy-Trinh, người xã Tây-mỗ, huyện Nga-sơn, Thanh-hóa, đỗ năm 22 tuổi, làm quan đến Lại-bộ Hữu thị-lang.

9.) Khoa *Đinh-mùi*, Hồng-đức 18 (1487) có 60 người đỗ : Đệ nhất giáp cấp-đệ 3 tên. Nhị giáp 30 tên, Tam giáp 27 tên.

Tam khôi khoa này là :

Trạng-nguyên Trần-sùng-Dĩnh, người làng

Đồng-khê, huyện Thanh-lâm, tỉnh Hải-dương, ngụ ở làng Man-nhuế, thi hương đỗ giải-nguyên, năm 23 tuổi đỗ trạng-nguyên, làm quan đến Hộ bộ Thượng-thư, rồi mất, phong làm Phúc-thần làng Đồng-khê.

Bảng-nhơn Nguyễn-đức-Huấn, người làng An-định phủ Nam-sách tỉnh Hải-dương, làm quan đến Thượng-thư, tước Ninh-quận công, đi sứ Tàu, dự Tạo-đàn nhị thập bát tú.

Thám-hoa Thân Cảnh-Vân, người làng An-ninh, huyện An-dũng, Bắc giang bây giờ, đỗ năm 25 tuổi, là cháu Thân-nhân-Trung, con Thân Nhân Tín, con đỗ trước cha (Nhân-Tín mãi đến khoa Canh-Tuất (1490) mới đỗ).

10. — Khoa *Canh tuất*, Hồng đức 21 (1490) có 54 người đỗ: Nhất giáp cấp-đệ ba tên, Nhị giáp 19 tên; Tam-giáp 32 tên.

Tam khôi là :

Trạng-nguyên Vũ-Duyệt, người Sơn-viên, Trình-xá, đỗ năm 23 tuổi làm quan đến Thượng-thư, tước Trình-Khê hầu, Nhập thị Kinh diên. Sau theo vua Chiêu-tông vào Thanh chống Mạc, thua trận, quay mặt về Lam Kinh lấy tạ, rồi uống thuốc độc chết.

Bảng-nhơn Ngô-Hoán, người làng Thượng

Đáp, Thanh-lâm, tỉnh Hải dương, đỗ năm 25 tuổi, làm quan đến Thượng-thư, theo vua Chiêu-tông, đánh thua, vào Ai-lao, tự tử.

Thám-hoa Lưu ngạn-Thư, người làng Đa-nghi, huyện Vĩnh, lại tỉnh Hải dương, đỗ 28 tuổi, làm đến Hàn lâm viện Thị, chế dự Tao-đàn.

11.— Khoa *Quý-Sửu*. Hồng đức thứ 24 (1493), đỗ 48 người. Nhất giáp tam khôi 3 tên. Nhị giáp 23 tên, Tam giáp 22 tên.

Tam khôi là :

Trạng-nguyên Vũ-Dương người làng Man-nhuế, huyện Thanh lâm, Hải-dương, đỗ năm 22 tuổi, Tam-nguyên làm quan đến Công-bộ Thượng-thư.

Bảng-nhơn Ngô-Thâm, người làng Tam-sơn, huyện Đông-ngàn, Bắc ninh, đỗ năm 28 tuổi, dự Tao-đàn.

Thám-hoa Lê-Hùng, người xã Lạc-thực, huyện Thanh lâm, Hải-dương, đỗ năm 28 tuổi, làm quan đến Đông-các học-sĩ.

12.— Khoa *Bính-thìn*, Hồng-đức hai mươi bảy (1496) có 30 người : đỗ Nhất-giáp cập đệ 3 tên. Nhị-giáp 8 tên. Tam-giáp 19 tên.

Tam khôi khoa này là :

Trạng-nguyên Nghiêm-Viện, người làng Bồng-lai, huyện Quế-dương, Bắc-ninh, lấy Công-chúa.

Bảng-nhơn Nguyễn-Huân, người làng Kim-đôi, huyện Võ-giang Bắc-ninh, đỗ năm 24 tuổi, làm quan đến Lễ-bộ Thượng thư, Thái-bảo.

Thám-hoa Đinh-Lưu, người làng An-dật, huyện Thanh-lâm, Hải-dương, đỗ năm 18 tuổi, làm quan đến Đông-các Đại học sĩ.

Tổng cộng tất cả 12 khoa được 501 tiến-sĩ. Trong số ấy có 9 *Trạng-nguyên*, 10 *Bảng-nhơn*, 11 *Thám-hoa*, 158 Nhị giáp Chánh tiến-sĩ xuất thân (Hoàng giáp), 314 Tam giáp Đồng Tiến sĩ.

Dem so với số tiến-sĩ tổng-cộng từ đời Lý Trần (còn gọi là Thái học sinh) đến triều Thành-Thái nhà Nguyễn bây giờ, là 2335 người, ta thấy triều vua Thành-tông đã chiếm già một phần chia năm. Mà trong số hơn 30 ông *Trạng-nguyên* của cả các Triều-dại, Quang-Thuận, Hồng-đức đã giữ mất chín ông. Vẻ vang thay và thịnh-đạt thay, sự hán-học và nền khoa-cử của thời ấy!

Một điều đáng chú ý nữa là, trong triều-dại

ấy, các vị khoa danh đều trẻ tuổi cả. Trong 30 ông Tam-Khôi, trừ ông Trạng Vũ Tuấn-Chiêu 50 tuổi mới đỗ, còn thì sản-sản ngoài hai mươi tuổi cả. Trạng-nguyên ít tuổi nhất triều ấy là ông Trạng Vũ-Kiệt, đỗ năm 20 tuổi. Vị tiến-sĩ trẻ nhất là ông Nguyễn Nhân-Thiếp đỗ khoa Bính tuất năm 15 tuổi. Ông là cha Nguyễn-Huân, Bảng-nhôn khoa *Bính-Thìn* (1496). Rồi, đến ông Nguyễn Nhân-Dur đỗ năm 17 tuổi, các ông Đào-Cử, Nguyễn Thiện Chương, Dàm Văn-Lễ, Phan Phúc-Cần, Nguyễn Dịch-Tâm, Đào-Sâm đỗ năm 18 tuổi, ông Hoàng-giáp Đinh-nguyên Dương như-Châu, các ông Nguyễn Nhân-Bị, Nguyễn Xung - Xác, Đặng-Cung, Nguyễn-Đoàn-Hà, Tống Phúc - Loan, Nguyễn-Ngung, Nguyễn Thuận-Hồ, đều đỗ năm 19 tuổi, là những vị tiến-sĩ trẻ tuổi hơn cả. Đáng quý nhất là một gia - đình năm anh em là Nguyễn Nhân-Bị, Nhân-Thiếp, Xung-Xác, Nhân-Dur, Nhân-Dịch và xuống hàng con, Nguyễn Huân Vỹ, Kính, đều là những bậc thiếu-tuấn đẳng khoa.

Nhưng ta chớ thấy khoa-cử thịnh-dạt và được tôn-trọng như vậy, mà tưởng hễ ai không đo đường khoa-cử xuất-thân là không

được làm nên quan eo. Trái lại thế, những người không hề thi, không hề đỗ, mà có văn-tài, đức-vọng, lân - lý ngợi khen, người đời kính trọng, đều được cử làm quan to, giữ chức trọng, như các ông Nguyễn-Húc, người làng Kê-Sơn, huyện Đông-triều, được cử làm Tri-Phủ, Phù Thúc-Hoàn, người Phú Xá, Kim-hoa (nay thuộc Bắc giang) làm Giáo thụ dạy kinh Di chử Quốc Tử-Giám, Phùng-Thạc người La-Sơn, làm chủ-bạ cho Kiến-Vương, con thứ năm vua Thanh tông. Những ông này đều có văn thơ, truyền lại đến bây giờ. Lại có người như Nguyễn sĩ Duyên ở Võ-giang vua vời không đến vua phải đặc ehể cho hiệu là Kim - Khê cư - sĩ để khen thưởng.

Như vậy, Triều - đại Quang-Thuận Hồng-đức quả là một triều-đại sùng nho, trọng học một cách rộng-rãi, cho nên mới có được một nền văn-tự rục rỏ nhất trên lịch sử nước nhà, mà sự trọng học hồi ấy quả là rộng rãi, các vị đại khoa đều phải tinh thông Tam-giáo, lắm người nổi tiếng trong Thiên học như ông Trạng nguyên Lương Thế-Vinh, Tiến-sĩ Nguyễn Bảo (Lương Thế Vinh có soạn những sách về phật-học) v v.... Nền

văn trị đã thịnh, tinh thần khí - tiết cũng lên cao, những bậc khoa-danh biết lấy nghĩa-vụ làm trọng, liêm tiết làm cao, gặp việc nghĩa, thông-dong coi cái chết nhẹ như lông hồng, như các ông Trạng Nguyên Quang-Bát, Vũ-Duyệt, Bảng-nhơn Ngô-Hoàn, Tiến-Sĩ, Đàm Văn-Lễ, Đàm Thận-Huy, Dương-Trực-Nguyên, Nguyễn-Thái-Bạt, Lê-Tuấn-Mậu, Nghê-m Bả-Kỳ, Nguyễn-Văn-Vạn, Đặng-minh-Khiêm, đều là các vị khoa-giáp triều Hồng-đức, về sau này chết vì nghĩa vụ cả. Đáng khen và đáng phục thấy cái tinh-thần sát thân-thành nhân ấy.

Chỉ tiếc, với một nền văn-trị thịnh như vậy, mà trong địa-hạt văn-chương và tư-lương không nảy ra được bông-hoa kỳ lạ nào — một bông thôi — gọi là có thể làm tiêu-biểu cho cái tinh thần và cá-linh đặc-biệt của người Việt-nam ta. Nhưng đây lại là một chuyện khác, ta sẽ bàn đến sau, ở đúng chỗ của nó. Ở đây, ta chỉ nên nhận một lần nữa rằng nền Văn-học triều Hồng-đức quả là toàn-thịnh. Mà sở dĩ được toàn-thịnh như vậy là nhờ ở vị vua nhiều học, trọng học và có tài về văn học đã đề lại một sự nghiệp văn-chương có giá trị. Ta sẽ lần-lượt điểm lại cái sự nghiệp văn-chương ấy.

CHƯƠNG VI

Sự - nghiệp văn - học

Vua Thanh-Tông là một người rất thông minh và hiếu học. Ngay từ nhỏ, ngài đã chăm chỉ, không mấy lúc rời quyển. Ngài học rộng đọc nhiều, lại rất thích làm thơ. Lúc còn ở nhà Phiên-đế, thường cùng với quan Đô đốc Đồng-tri Lê Hoảng-Dục, ngâm họa với nhau. Đến khi lên làm vua, hề làm được bài thơ nào, ngài lại đưa cho các quan Nguyễn Trực và Võ Lãm (1) bình. Năm Quang - thuận thứ chín (1468), ngài ngự vào yết Lam-Kinh (Lam Sơn) cùng Hoàng Thái tử, Kỳ quận-

(1) Người xã Tiêa-kiều, huyện Kim-động, đỗ Nhì-giáp tiến-sĩ năm Đại-bảo thứ ba (1442).

công Lê Niêm, Tụng-thần / Lê Hoảng Dục, Đỗ Nhuận, Quách đình Bảo, vua tôi *canh ca* nổi vắn nhau làm tập thơ *anh hoa hiếu trị*. Rồi từ đấy, ngài thường đề các vắn thần như Nguyễn như-Đỗ, Thân nhân Trung họa vắn những bài thơ ngài vừa mới làm xong. Năm Hồng đức nguyên niên (1470), nhân đi đánh Chiêm, Ngài đem cả các quan bên Hàn-lâm Đông-các là Nguyễn như Đỗ, Lương thế Vinh Nguyễn Xung Xác, Thân nhân Trung, Đỗ Nhuận, Thái Thuận, Ngô Luân cùng đi để giúp việc giấy má, và cùng nhau ngâm họa. Khi ấy ngài làm ra hai bài *Quân trung lễ vũ* (quân đi mưa phun) và *Tư gia tướng sĩ* (Tướng sĩ nhớ nhà) để các ông kia họa vắn lại, rồi vua tôi bình lẫn cho nhau. Không một dịp tốt nào là không có thơ của vua làm ra và các bầy tôi họa lại. Năm Hồng-đức hai mươi nhăm (1494), ngài kén hai mươi tám người giỏi về văn thơ lập nên hội *Tao-đàn*, gọi là Tao - đàn nhị thập bát tú, vì 28 người kia với 28 vì sao. Ngài tự xưng là Tao-đàn Chánh nguyên - sủy, phong ông Thân nhân Trung và ông Đỗ Nhuận làm Phó nguyên sủy. Ngài làm ra 9 bài thơ phổ làm

9 khúc hát gọi là *Quỳnh uyển cửu ca*. Tất người trong Tao-dân và cả những người ngoài cũng đều phải họa lại, thành một tập thơ đến vài và trăm bài. Ngoài ra những bài chiếu, chế, dụ thời ấy đều tự tay ngài làm lấy cả. Tất cả các công trình trước tác ấy đều có ghi chép lại trong bộ *Thiên-Nam Dư hạ Tập*.

Bộ *Thiên-Nam Dư hạ tập* này, có chỗ nói là 100 quyển, chỗ nói 84 quyển, ngày nay chỉ còn thấy có 9 quyển bản sao của trường Bắc cổ.

Nội dung 9 quyển ấy là :

Quyển I có bốn phần :

1.) *Thiên hạ đồ bản* kể rõ sự chia cắt 13 thừa-tuyên.

2.) *Quan chế tổng mục*, kể rõ số quan chức.

3.) *Chư ty nội ngoại quân hiệu lệ*, kể rõ danh hiệu số mục, tước trật các võ quan nội ngoại.

4.) *Quan-chế đẳng-lệ*, kể phẩm trật, chức tước, hàm tước của các quan nội ngoại.

Quyển II chuyên bình các bài, hay các câu thơ cổ của Đường, Hán, Tống, do hai

ông Nguyễn-Trực, Đỗ-Nhuận chú - thích.

Quyển III có hai phần : *Liệt truyện* và *Tạp-thức* chép những chuyện nhỏ-nhỏ, ngắn-ngắn, vẫn là những truyện trên sử Tàu, cũng do Nguyễn-Trực, Đỗ-Nhuận chú.

Quyển IV chuyên khảo-sử, có ba bài khảo :

1.) *Khảo về Đền-chế qua các đời.*

2.) *Khảo về việc vận chở qua các đời.*

3.) *Khảo về việc sùng Nho ở đời Hán.*

Quyển V là tập Thơ phú, có 58 bài thơ của Vua Thánh-tông có cả những lời bình của các ông Nguyễn-Trực, Võ-Lâm, Thân-nhân-Trung, Đỗ-Nhuận, Nguyễn-xung-Xác... và một bài phú *Lam-sơn Lương Thủy* 325 câu.

Quyển VI là Tập Sớ-Văn có 54 bài sớ tế lễ, có cả nhời bình, nhời chủ các điển khó và cuối cùng có thêm 12 đôi câu đối hồ điện.

Quyển VII là Tập Minh Lương Cầm-Tú gồm 109 bài thơ chữ, và tập *Quỳnh-huyền cứu ca*.

Quyển VIII *Chinh chiêm* Sự vụ có những bài thơ, bài dụ, bài chiếu, về việc đi đánh Chiêm.

Quyển IX chép các luật-lệ thi-hành trong khoảng năm Quang-thuận và Hồng-đức, và các điều về *Lễ nghi Hôn giá*.

Xét cả toàn bộ này, ta thấy quyển I, không có một tí công-trình gì về văn-học, nó chỉ ghi chép về những sự cải cách về chính-trị và binh-bị, đã thực-hành rồi.

Quyển II bình thơ, có lẽ những lời chú của Nguyễn-Trực, Đỗ-Nhuân lại giá-trị hơn là những lời bình của tác-giả. Có lắm tài-liệu quý.

Trong Quyển III về Liệt-truyện và Tập-thức có những câu phê-bình không cao gì cho lắm. Đại-đề như:

« Nhà Tần mất nước vì tên *Anh*, mà Vương-Mãng lại lập tên là *Anh* nối ngôi Vua Hiếu-Bình, tức là làm nhà Hán mau mất vậy »

và
« Vũ-đế nhà Hậu-Chu bỏ đạo giáo, con là Thiên-Nguyên lại thờ Cao-Tổ nhà Đường bỏ Phù-đồ Lão-Tử; con là Thái-tông lại thờ Thiên-Nguyên không đáng kể làm gì, chứ Đường-Thái-tông cũng làm thế là nghĩa làm

sao ? »

Những lời bàn như thế không những không có gì là lạ, mà có chỗ lại còn quá tầm thường nữa.

Ở quyền tư, khảo sử, cố nhiên là sử Tàu, có phần nói về việc ruộng đất qua các đời là giá trị hơn cả.

Đại ý bài khảo ấy như sau này :

« Nhà Tần bỏ phép *Tĩnh-diễn*, mở đổi *Thiên*, đổi *Mạch*. — Nhà Hán, Đồng-trọng-Thư xin hạn *danh - diễn*. *Danh - diễn* tức là ruộng chiếm vậy. Triệu - Quát dạy dân làm *Đại-diễn* là ruộng thay, (cứ chia thửa ruộng ra làm 2 hay 3, cấy phần này, phần kia bỏ không, lượt sau lại đổi ngược lại). Sư Đan-Kiên nói hạn *danh-diễn*. Tần-Mãng đổi *thiên-hạ diễn* là *Vương diễn* (ruộng vua) cấm không được mua bán.

« Kiến-vũ thứ 15, (40 sau kỷ nguyên) chiếu châu quận phúc khẩu số *hộ* số *khẩu*.

« Đời Hậu Ngụy, vua Hiếu-Văn, năm Thái-hóa thứ 9 (480) chiếu quân điền : con trai từ 15 tuổi trở lên được *lộ-diễn* mỗi người 40 mẫu, con gái mỗi người 20 mẫu.

« Đời Bắc Tề, Hà Thanh thứ 3 (564) con trai được *lộ-diễn* 80 mẫu, con gái

mỗi người 40 mẫu.

« Đời Tùy Văn đế năm Khai-hoàng thứ 12 (592), ở Kinh phủ và Tam-hà đất ít dân nhiều, mỗi xuất đình được 20 mẫu.

« Đời Đường, năm Vũ-đức thứ bảy (624) mới định phép *quân-điền* (chia ruộng) dân-đình thường được cấp ruộng 1 khoảnh (trăm mẫu), bị đố-tật giảm đi 6 phần 10 ; ít vợ nàg hầu, giảm 7/10, đều được lấy 2 phần 10 làm thế nghiệp, còn 8 phần mười là khẩu-phần.

« Năm Khai-nguyên thứ 9, (722), Vũ Văn-Giong làm Khuyển-nông sứ tha đào hộ (trốn) và biên lấy *ngoại-điền*.

« Lục-chí bàn các nhà chiếm lấn thu nặng hơn công-thuế, xin ra điều lệ hạn *chiếm ruộng*.

« Nhà Hậu-Chu, vua Thế tông lấy Nguyên-Chân vẽ bản địa đồ ruộng phát cho mọi đạo, chiếu lữ Ngải-Rĩnh đi mọi châu *quân định thuế ruộng*.

« Đời Nam-đường, Liệt-Tô khấn sứ-giả đi xét ruộng của dân, lấy tốt xấu để định thuế. . . »

Quyển tư này còn hai bài nữa : Khảo về

việc vận trở trên sông ngòi trải qua các triều đại, nói rõ cách và nơi tải tải thuận tiện trên sông nhỏ, sông to từ trước đến hồi ấy. Bài khảo về sự sùng nho về đời Tây Hán, nói từ khi vua Cao-tổ qua nước Lỗ lấy cổ Thiệu-lao tế đức Khổng-tử, cho đến những vua sau tôn-sùng đức Thánh Khổng và đôn đốc sự học thế nào.

Những bài khảo ấy, giá dùng vào địa hạt lịch-sử Việt-nam ta, thì quý-giá biết bao ! Nó sẽ chứa đựng được bao nhiêu tài liệu sắc đáng cho sử học và văn-học sau này. Tiếc thay cái con người thông minh tài giỏi như thế mà vẫn không thoát khỏi cái óc nô lệ người Tàu, cả trông địa hạt văn chương và tư tưởng.

Quyền Năm chép toàn những bài thơ tả cảnh du-ngoạn, tả những nơi thắng-cảnh, tả tiết đẹp, và một đôi khi tả tình, đều là thơ chữ Hán cả. Những bài thơ ấy, cả từ lẫn ý đều thường thường cả, không nhẹ nhàng thần tiên như thơ Đường, cũng không uẩn-sức chân thực như thơ Tống. Bài phú 325 câu cũng không hay lắm, nhưng với cả những nhời chú thích dài bằng năm sáu lần toàn bài, nó

thành một tài liệu quý-giá vô cùng về lịch sử
hồi đánh nhau với quân Tàu.

Quyển sáu có nhiều tài liệu để xét về tư-
tưởng tín ngưỡng của vua Thánh-tông, sẽ
xét đến ở chương sau.

Quyển tám không có gì đáng kể.

Quyển chín, Luật-lệ, đã bàn đến ở chương 3
rồi. Đáng cho ta chú ý nhất là quyển 7 với
tập Quỳnh - uyển cửu ca trong ấy. Tập
Quỳnh - uyển cửu ca có 9 bài thơ, hiệp
vào vần đề ca vịnh, nó gồm cả thơ và
nhạc. Xét văn thơ chữ hán của vua Thánh-
tông, tưởng xét 9 bài thơ này cũng đủ.
Vậy trước hết ta hãy xem bài tựa chính
tự ngài làm lấy :

« Ta nhân những lúc nhàn dỗi, thân xem
rừng sách, tâm dạo *vườn thơ*. Tiếng im
lặng, hương ngát ngào. Tinh thần muốn suốt,
ở yên gây núi, vội nghĩ đến phép lớn của
đời Thánh vua hiền, lòng ngay của tôi trung,
tướng giỏi, bèn gọi mọi học trò, đưa thượng-
khách, dẫn trọng-thần, truyền bảo rằng :

« — Ta trong lòng thư thái, khí sáng cuộn
cuộn, cách ngôn tăng-tăng, lũ anh vì ta chép
lấy.

« Bốn người bèn lấy đầu, rập đầu mà tung dăng lời nói rằng :

« — Đức vua tuổi cao, học giàu, lòng rộng thể thơ : bỏ cái vui tiếng tăm trước mắt ; mở to cái học sáng suốt ngày xưa, nhớ người vui nghề ! thể vật nhơn người : theo điệu hát vui mạnh của Ngu-đinh, khinh lối vịnh chơi đùa của Đường-Cồ (1). Sao chẳng phô-trương thịnh-ý, khắp gọi cận-thần, đều khiến được vận, trình hay, dưới tình trên rõ : nhả cái khí đẹp như cầu vồng sáng vẻ sao Khuê sao Bích. Lũ tiểu-thần thôi nói : nên chẳng còn trông đợi.

« Ta lặng im hồi lâu, nhất văn búng ý, bèn viết chín bài thơ cận luật rõ-ràng lên tờ tiên vàng, hợp lũ Học-Sĩ họ Thân, họ Đỗ, họ Ngô, họ Lương, lũ Văn-nhân họ Nguyễn, họ Dương, họ Chu, họ Phạm, tất cả 28 người, ứng 28 vì sao, lần lượt cùng họa, gồm và trăm bài cực ý suy chép, trợn bỏ luyện mãi. Thơ thành đem tiến, vui đẹp lòng ta. Lúc

1. — Đường-Cồ là thi nhân đời Đường, thơ đùa bỡn mà đẽa buồn, người nghe đều không vui.

ấy liền đem cái tài viết đẹp, trở cái khéo khắc rõ, đem hết bụng nghĩ, trở hết tài năng, không đầy một tuần, sách đã được xem; xét rộng tìm xưa, chiến, truyền nhớ hiên; nối nhời nhà Đường, nhà Ngu canh ca cảnh cáo, bắt chước lối nhà Tống nhà Nguyên giảng móc gió mây. Há chỉ sáng trước rõ sau, bắt chước đời xưa dựng phép đời nay mà thôi đâu!

« Năm Hồng đức hai mươi năm, mùa thu. »

Chín bài thơ ấy là :

1. — Bách cốc phong đẳng hiệp vu ca vịnh.

(Trăm giống thóc được mùa hợp với hát vịnh),

市德施仁信未能

Bá đức thi nhân tín vị năng!

皇天賜福屢豐登

Hoàng thiên tích phúc lữ phong đẳng.

堂堂端士簪纓美

Đường đường đoan-sĩ trâm anh mỹ.

瓊瓊頑夫法令繩

Toả toả ngoan-phu phép lệnh thăng.

夏訓商型時監戒

Hạ huấn, Thương hình thời giám giới.

文謨武烈日恢弘

Văn mô Vũ liệt nhật khôi hoàng.

黔元飽煖休徵應

Cầm nguyên bão hoả hưu trưng ứng.

風塵勤勞念戰兢

Túc dā cān lao niệm chiến cặng.

Nghĩa là :

Bạn dũ thì nhân biết rằng chưa thể đủ,
Mà Hoàng-thiên cho phúc thà'ng được
mùa lượn.

Đờng đờng kẻ sĩ thắ'ng, chám anh đẹ'p,
Mòn món ngocan-phu thì pháp lệnh buộ'c.
Thườ'ng theo gương rấn phép nhà Hạ,
thói nhà Thương.

Ngày rộng mở mưu vua Văn, công
vua Võ,

Trăm họ ăm no mừng diêm ứng...

Sớm hôm chám sié'ng khó nhọc nghĩ
phải gin giữ.

2. — Quân đạo (Đạo Vua)

帝王大道極精研

Đế Vương đại đạo cực tinh nghiên,

下育元元上敬天

Hạ dục nguyên nguyên, thượng kính thiên.

制治保邦思繼述

Chế trị bảo bang, tư kế thuật.

清心寡欲絕遊畋

Thanh tâm quả dục, tuyệt du điền

旁求俊乂敷文德

Bàng cầu tuấn nghệ phư văn đức.

克詰兵戎重將權

Khắc cật binh nhung trọng tướng quyền.

玉燭洞知寒燠

Ngọc chúc động tri hàn áo.

華夷亦樂太平年

Hoa di riệc lạc thái bình niên

Nghĩa là :

Đạo nhưn đế vương rất tinh kỹ :

Dưới nuôi trăm họ, trên kính trời.

Dựng trị, giữ nước phải nghĩ đến nỗi nổi,

Chạy lòng ít dục, bỏ hẳn chơi sần.
 Khắp tìm kẻ tài giỏi làm rõ văn đức.
 Khéo trị quân lính, trọng quyền tướng.
 Đuốc ngọc khắp biết rõ rét ấm
 Hoa ri cùng vui thời-đại thái-bình.

3. — Thần-tiết (tiết làm tôi)

冊 裏 耿 耿 日 星 臨
 Đan trung cảnh cảnh nhật tinh lâm,

發 主 安 民 誰 能 涇
 Chi chúa an dân nghĩa khái thám.

伊 傳 忠 勤 敦 一 德
 Y Phó trung cần đồn nhất đức.

張 韓 聲 價 重 千 金
 Trương Hàn thanh giá trọng thiên kim

丙 寧 外 撫 回 天 力
 Nội ninh ngoại phủ hồi thiên lực.

後 樂 先 憂 濟 世 心
 Hậu lạc tiên ưu tế thế tâm.

志 逐 名 成 孫 子 茂
 Chí toại danh thành, tôn tử mậu.

岩 廊 松 栢 鬱 森 森
 Nham lang tùng bách uất sâm-sâm

Nghĩa là :

Lòng đỏ rờ rờ, mặt giới các ngôi sao
soi tới,

Giúp cho yên dân, nghĩa khái sâu.

Trung cần như ông Y, ông Phó (1) đôn
một đức.

Thanh giá như họ Trương, họ Hàn (2)
trọng nghìn vàng

Trong yên, ngoài võ có sức hồi thiên(3)

Lo trước, vui sau, hết lòng giúp đời.

Chi thỏa danh thành, con cháu thịnh,

Cây tùng, cây bách bên thềm tốt bởi bởi.

4.— Minh lương (vua sáng tối lành).

Có thêm câu mào này :

« Ta tính tạo trong pháp-cung, xa nhớ
đến ngày trước vua sáng tối hiền, với cơ

1.— Y-Đoãn, Phó-Duyệt đều là danh tướng đời
Thương.

2.— Trương - Tuấn, Hàn-Dũ, danh thần đời
Đường.

3.— Quay lại được giới, kéo loạn ra trị.

nghiệp ngày nay được thịnh : ngẫu thành
một bài :

高 帝 英 雄 蓋 世 名

Cao - đế anh hùng cái thế danh,

文 皇 智 勇 撫 盪 成

Văn-hoàng trí dũng phủ doanh thành.

郁 齋 心 上 光 奎 藻

Ức-trai tâm thượng quang Khuê tảo,

武 穆 胸 中 列 甲 兵

Vũ-mục hung trung liệt giáp binh.

十 鄭 弟 兄 聯 貴 顯

Thập Trịnh đệ huynh liên quý hiển,

二 申 父 子 佩 恩 榮

Nhị thân phụ tử bội ân vinh.

孝 孫 洪 德 承 丕 緒

Hiếu tôn Hồng-đức thừa phi-tự,

八 百 姬 周 樂 治 平

Bát Bách, Cơ Chu lạc trị bình.

Nghĩa là :

Vua Cao-đế anh hùng trùm đời,

Vua Văn hoàng trí dũng giữ được nghiệp
dầy !

Ông Ưc-trai trên lòng sáng rực vẻ sao
Khue,

Ông Vũ-mục trong bụng bày giáp binh.
Mười anh em họ Trịnh liền quý hiển,
Hai cha con họ Thân đều mang ân vinh.
Cháu hiếu là Hồng-đức này vâng giữ mỗi
lớn,

Vui trị bình được như tám trăm năm
nhà Cơ-Chu.

Nguyên-chú (Lời chú của tác giả tức là vua Thánh-tông)

« — Vua Thái-tổ Cao-hoàng-đế, ần dẫu ở núi Lam, cớ nghĩa một vầy, người Minh thua nát. Thần-châu lấy lại. Hai kinh không đồ, hơn 20 thành mở cửa nộp khoản. Mở nên cơ nghiệp muôn năm, cớ được nổi khổ cheo ngược cho trăm họ. Cả dựng công lớn, siêu việt đời xưa.

« — Vua Thánh-tông Văn-hoàng-đế, nỗ nhân mỗi lớn, trong võ ngoài yên. Văn giáo mở mang, võ-oai lừng lẫy. Thóc gạo thừa thãi, người vật khỏe mạnh.

« — Quan Thừa-chỉ, trước Quan-Phục Hầu Nguyễn-Trãi, hiệu là Ưc-trai tiên-sinh, ở triều Hồ đồ khoa đệ. Lúc Thánh tổ mới

dựng nghiệp, về phụ ở Lỗi-giang. Trong thời giúp vẽ mưu lược chốn mản the. Ngoài thời thảo văn thơ đồ mọi thành ; từ chương làm vẻ vang nước, yêu dùng càng trọng.

« — Tư mã Lê-Khôi, hiệu là Vũ-mục là cháu đức Thái-tổ Cao-hoàng-đế, trăm nghị hùng mạnh, tài lược hơn người, hằng đánh quân Minh, hễ đến là không địch nổi ; Trấn thủ Thuận-hóa, người Chiêm sợ hãi.

« — Thái-úy Trịnh-Khả, con là Trịnh-bá-Quát, Trịnh-công-Lộ, Trịnh công-Ngô, Trịnh-Đạt, Trịnh-quý-Thuật, Trịnh quý-Dịch, Trịnh-Hữu, Trịnh-Giang. anh em mười người, đều tiến làm quan, cực-kỳ quý hiển.

« — Thân-nhân-Trung, con là Thân-nhân-Tín, nối gót trước sau cao đồ khoa đệ. Nhân-Trung bậc liên Nại-phẩm, Nhân-Tín thân cất vào Từ-lâm, mình lên ngọc-thự.

« — Năm Kỷ-mão đại-biến, Lạng-sơn thi nghịch, lũ tặc-thần mượn uy nghiêng nước. Năm Canh-thìn ngày tháng sáu, các quan văn võ, quét sạch ác lớn, gian-dãng chịu giết, đến nhà Phiên để rước ta lên ngôi báu vô yên trăm họ.

« — Quang-Thuận Hồng-đức đến nay 35 năm rồi ».

5. — Anh hiền (bức hiền giới).

內虹外阻小心危

Nội hồng ngoại trở tiểu tâm nguy,

得聖之清古伯夷

Đắc thánh chi thanh cổ Bá - Ri.

郭季奪揚多事日

Quách Lý phần dương đa sự nhật,

程朱生長太平時

Trình Chu sinh trưởng thái bình thì.

氣凌雲漢英才逸

Khi lăng vân - hán anh tài dật,

威振伍吳壯志馳

Uy chấn Y - ngô tráng chí trì.

智竭力行思景仰

Trí kiệt lực hành tư cảnh ngưỡng,

瑞成世上鳳麟奇

Thụy thành thế thượng phượng lân kỳ.

Nghĩa là :

*Trong rồi, ngoài ngăn, lòng nhỏ nguy,
Được thánh chong sạch có ông Bá-Ri
đời xưa. (1)*

*Họ Quách, họ Lý (2) phần đương ngày
nhiều việc,*

*Họ Trình họ Chu (3) sinh trưởng vào
lúc bình thời.*

*Khi động sông Văn - Hán (4) anh
tài rõ.*

Uy vang đất Y-ngô (5) chí mạnh ruồi.

Tri kiệt sức làm nhớ vẻ to tát,

Trên đời thành diêm lạ phượng lân.

(1) Bá-Ri họ nhà Ân, không theo nhà Chu, cùng với Thúc-Tề chết đói ở núi Thù-đương. Thầy Mạnh-tử khen là Thánh chí thanh.

2. — Quách Tử Nghi, Lý quang-Bật giúp Đường giúp loạn An-lộc-Sơn.

3. — Trình Hiệu, Trình Di và Chu Hy danh nho đời Tống.

4. — Văn-Hán sông Ngân-hà.

5. — Đất Y-ngô ở Tân-ương bây giờ.

6. — Kỳ-khí (khí lạ)

西討東征汗馬勞

Tây thảo đông chinh hãn mã lao,

金鞍遙逐五陵豪

Kim yên đào追逐 ngũ lăng hào.

逸才欲折冰輪桂

Dại tài dục triết băng luân quế,

健志思撝北海蛟

Kiến chí tư cầm Bắc hải giao !

遼水仙人乘鶴去

Lieu thủy tiên-nhân thừa hạc-khứ.

饒山帝子跨鳶高

Hầu sơn đế-tử khóa loan cao.

大鵬奪迅雲霄上

Đại-bằng phần tấn vân tiêu thượng.

楚楚雄姿振彙茅

Sở-sở hùng tư bát vạng mao.

Nghĩa là :

Đánh tây, giúp đông khó nhọc công mỗ
hỏi ngựa,

Tài thường muốn bỏ quẻ trên cung
giảng (2).

Người tiên sông Lưu thủy cười hạc đi.

Chim Đại-bằng vùng vẫy trên mây xanh,

Mơn mớn giáng Hùng nhỏ mọi loài rơm
cỏ.

(phép viết bốn nên)

Thiêt họa ngân câu học cổ-nhân.

Nhân lai thí thảo nhật tương huân.

Dương dương khát ký Tổng Từ Hiệu

Nữ nữ Thu sẽ bệnh Tử - Văn.

(1) Ngũ-lăng là Trảng lăng, An lăng, Dương lăng, Mậu lăng, Bình lăng đời Hán.

(2) Vì thành công to.

紅 錦 箋 中 舒 柳 骨
 Hồng cảm tiên trung thư Liễu cốt.

彩 花 筆 下 束 顏 筋
 Thái hoa bút hạ thúc Nhan cân.

壯 懷 猛 溢 如 夢
 Tráng hoài mãnh sắc như ? mộng.

押 得 經 天 緯 地 文
 Hạp đắc kinh thiên vĩ địa văn !

Nghĩa là :

Vẽ sẵn vòng bạc (1) học người xưa.
 Nhan lại thử thảo như ngày sắp hết.
 Dương dương ngựa ký khát Từ Hiệu.
 Quanh quanh rắn mùa thu bệnh Tử-
 Vân (?).

Trong tiên gấm hồng thư xương họ
 Liễu (2).

Dưới bút vẽ hoa bó gân họ Nhan (3).
 Mạnh hoài cứng cáp tươi như mộng.
 Viết được văn ngang g'ời giọc đất !

(1) Ví chữ viết đẹp.

(2) Liễu Công-Quyền chữ viết rất đẹp.

(3) Nhân Chân-Khanh đời Đường Huyền - tông,
 đánh giặc An lộc Sơn viết chữ rất đẹp.

8. — Văn nhân (người làm văn).

書 窗 燈 火 夙 宵 勤

Thư song đăng hỏa tước tiêu cần.

格 調 清 高 意 思 新

Cách điệu thanh cao ý tứ lân!

道 骨 仙 牟 乘 日 客

Đạo cốt tiên phong, thừa nhật khách.

歸 心 秀 口 典 文 人

Cầm tâm tú khẩu điển văn nhân.

雄 詞 爛 爛 凌 雲 蔚

Hùng - từ lạn lạn lăng vân hân.

妙 句 洋 洋 泣 鬼 神

Riệu-cú dương dương khắp quỷ-thần.

冰 玉 清 懷 方 才 淨

Băng ngọc thanh hoài phương-thốn tịnh.

暄 和 郁 郁 四 時 春

Huyền hòa ức ức tứ thời xuân.

Nghĩa là :

Bên thư-song, đèn lửa sớm đêm chăm chỉ.

Cách điệu thanh cao ý tứ mới.

*Đạo cốt tiên phong ra dáng khách nhân
nhã.*

Lòng gấm miệng vóc rõ ra lối văn-
nhân.

Nhời hùng rờ-rờ át cả mây xanh.

Câu đẹp dương dương quý thần phải
khóc.

Băng ngọc chong chéo tấc lòng yên,

Huyền hòa môn-mởn bốn mùa đều xuân.

9 — Mai hoa (thơ hoa mai),

Bài tự.

« Ta nghe có thứ tài kiên-sắc ở trong
tuyết sương, cái vật giông giọt trong giới đất,
đã là cái chất vật mềm, lại còn mang được
cái tư ngậm thiêng. Cốt gày đáng thơm,
tuyết đập gió lay mà chẳng biến. Hương
chong, sắc đẹp, đôi mặt giới soi nước mà
càng lạ. Làm mềm cái bụng cứng cỏi của
Quảng-bình (1), làm vui thêm thú thanh - u
của Hòa-tĩnh (2). Thê mạo là kẻ già Nham-
lang, hương thơm là vẻ đẹp nơi từ-uyên.
Rất nên xem biết. Há không giải tác ?

(1) Quảng-bình-hầu là Ngô Hán (?) đời Hán
Quang-Võ, trí dũng cứng cỏi đánh dẫu được đây.

(2) Doãn-Đôn (? đời Tống hiệu là Tĩnh-Hòa sử-sĩ).

西湖景致小山孤

Tây-hồ cảnh-chí tiểu sơn cô !

冰雪精神不夜珠

Băng tuyết tinh thần bất dạ châu.

麗色凝脂甘寂寞

Lệ sắc ngưng chì cam tịch-mịch,

纖腰束素訝清癯

Tiêm yêu thúc thái nhạ thanh cù.

時邊怨語撩心切

Hiếu biên oán ngữ lao tâm thiết,

月下浮香入夢無

Nguyệt hạ phù hương nhập mộng vô.

多少瓊林春信早

Đa thiếu quỳnh lâm xuân tín tảo,

風前踏落玉千銖

Phong tiền thác lạc ngọc thiên thù.

Nghĩa là :

Cảnh-chí Tây-hồ là cái núi nhỏ đứng
mọi mình,

Tinh-thần băng-tuyết không như ngọc-
châu sáng đêm.

Sắc đẹp động tươi cam vắng vẻ,

*Lưng thon bó thắt ngỗ gầy mong mảnh.
Sáng ra tiếng oán trêu lòng rõ,
Dưới giăng hương thoảng có dáo côi
mộng không ?*

*Nhiều ít ở Quỳnh-lâm tin xuân đến sớm,
Gió bay tản mát hàng nghìn hạt ngọc.*

Thơ chữ nho của vua Lê Thánh-tông phần nhiều đều trang-trọng và dùng lắm điển-tích như vậy. Ta chỉ xem chín bài thơ được phổ làm chín khúc nhạc kia cũng đủ rõ thi-tài của ngài. Những bài thơ ấy và cả các bài khác nữa, — trừ bài thứ tư (Minh-lương) ra, — đều không có nguyên-chú của vua Thánh-tông và lời chú-thích của các văn-thần, nên người sau đọc rất khó hiểu được chính ý của tác-giả. Các văn-thần bên Đông-các, bên Hàn-lâm và sau này các hội-viên hội Tao-đàn chỉ phê-bình và bọa lại những bài thơ nguyên-tác mà thôi. Họ lại thi rất nhiều, còn phê bình mỗi bài thi có một hay hai là cùng, bao giờ cũng theo một lối khen và tán rộng ý trong nguyên-tác ra. Phê bình bài *Minh-lương* trên kia, các quan Đông-các đại-học-sĩ đã viết :

« Lũ thần, Đông-cáo đại-học-sĩ Thân-nhân-Trung, Đỗ-Nhuận phụng bình : Từ xưa giới sinh ra đức vua Thánh-triết, tất sinh ra bầy-tôi văn võ để giúp giáp, nhiên hậu mới dựng nghiệp lớn lên trước, giữ thịnh trị về sau. Thế nên bài hát minh-lương răn dạy, thấy ở thiên Ngũ-diễn, bài vịnh khen tốt thưởng nhọc, rõ ở sách Chu-thi. Nay vâng xem Thánh-chế thiên này, trước thuật Thánh-tổ dựng nghiệp, Thần-tông thủ-thành, dầu rằng đức lớn anh dũng, vốn tự giới sinh, mà cũng do bề tôi văn võ làm phụ tá. Sau thuật đương nay công nghiệp thêm thịnh, kế thuật thêm hay, trông mong thần liêu văn võ, giúp lên thịnh-trị vô cùng. Nhời văn bưng nhĩa, ý-nhẽ thâm trường. Trên thời hậu cái lòng bắt chước Tổ kinh tông, dưới thời rõ cái ý dùng người mưu trị. Muốn văn võ đều dùng, hện trị hiệu ngày thêm thịnh. Khuôn tốt phép rộng đều hợp ở đấy. Cùng với Tái-ca triều Ngu, Nhĩa-tụng nhà Chu cùng một lối vậy. Há khá đem thơ văn của Đường Tống, lời đẹp câu hay, mà so với được à ? »

Lại nữa :

« Hàn-lâm viện Tị-Độc giữ việc viện Hàn-

lâm, lữ thần là Nguyễn Xung-Xác cần tấu :

« Trộm nghĩ vua Cao-tông (1) nghĩ đạo, rõ ở cái lúc kính lặng, đức Thánh-thượng chăm trị, hiện ở lúc tinh-tọa. Vua Cao-tông làm ba thiên *Mạnh Duyệt* (khiến ông Duyệt) còn chép trong sách để làm thiện - đảm. Đức Thánh thượng phát làm thi-ca khiến lữ từ-thần nổi họa, càng là việc thịnh. Nay vâng xem thánh-chế thiên này, hồn-toàn tinh-tủy, trong sáng rực rỡ, như mỹ-ngọc tinh-kim, thực là rất báu. Câu *khởi* (hai câu đầu) truy thuật đức Thái - tổ Cao hoàng - để lấy anh-hùng định Thiên-hạ, đức Thái-tông Văn-hoàng - để lấy trí dũng mở thái-bình, cái lòng hiếu cảm đầy rẫy ở trong lời nói. Hai câu *hạ* (tam tứ) nói ngày trước các bậc hiền - lương phò tá, tuy khái cử Nguyễn-Trãi Lê-Khôi, mà phàm các bậc hiền-lương ngày trước giúp giáp đều ở trong ấy. Hai câu *Cảnh* (ngũ lục) nói bây tôi vẫn võ ngày nay, tuy đọc cử anh em ông Trịnh công - Lộ, cha con ông Thân Nhân-Trung, mà phàm mọi bây tôi vẫn võ ngày nay đều có cả trong ấy. Thế là xét coi công chép, tương lệ thần-liều, không những

(1) nhà Thương đời là Ân.

chỉ Ưc-Trai, Vũ-Mục dưới đất ngậm ân, mà các bậc tiên-chính ninh-nhân cũng được lấy thỏa linh sáng vậy. Không những mười Trịnh, hai Thân, một nhà nhỏ phúc mà cả trăm quan mọi chức, cũng biết lối để đưa lòng trung vậy. Câu lạc (hai câu cuối), lữ thần lại được ngửa thấy đức Thánh-thượng rõ ràng nêu rõ công lớn, dựng nên nghiệp thái-bình muôn đời, thực cỗi phúc vô cùng cho Tông-xã vậy. Lữ tôi cần nói. »

Đại-đề những lời phê-bình đều một lối tâng bốc tán-dương như vậy, không tài nào đi sát đến cái hay và cái dở của nguyên-tác được. Còn những thơ họa lại thì rất nhiều, nhưng chọn được một bài hay rất khó, giá trị không hơn gì nguyên-tác, trích dịch ra đây cũng không có ích gì cho văn học nước nhà. Ấy là nói riêng về những bài trong tập « *Quỳnh uyển cứu cạ* », những bài mà những tác giả đã dày công gọt rũa, lại vua tôi cùng phê-bình sửa chữa để lựa phổ vào khúc hát. Mà những nhân-viên của Tao-đàn nào có phải tay vừa, đều là những bậc nho-đạo bác thông, tài ba lỗi lạc cả. Ấu cũng là một điều chứng nhận cho ta biết rằng học

rộng không phải là hoàn-toàn đồng nghĩa với *thi-tài*. Tiện đây xin liệt kê tên các vị hội-viên Tao-đàn :

1. — Đồng-các Đại học-sĩ *Thân Nhân Trung*, Tao-đàn Phó nguyên - súy, người làng An-ninh, huyện An-dũng (nay thuộc Bắc giang) đỗ hội nguyên Đồng tiến - sĩ khoa Quang - thuận thứ mười, làm quan đến Lễ-bộ thượng-thư.

2. — Đồng các Đại học - sĩ *Đỗ-Nhuận* Tao-đàn Phó nguyên súy, người làng Kim-Hoa, huyện Kim - hoa (Bắc giang) đỗ Đồng tiến-sĩ khoa Quang-thuận thứ bảy, sau làm đến Thượng-thư cùng với ông Thân nhân-Trung cùng nổi tiếng, đương thời khen là *Thân, Đỗ*.

3. — Đồng-các Hiệu-thư *Ngô Luân* người làng Tam-son, huyện Đông-ngàn (nay phủ Từ-son, Bắc ninh) đỗ Tiến-sĩ năm Hồng-đức thứ sáu, sau làm quan đến Thượng thư trí-sĩ. Trong Tao-đàn chỉ có ba người là Thân, Đỗ và Ngô-Luân là được vua phê bình thơ.

4. — Đồng-các Hiệu-thư *Ngô-Hoán*, người làng Thượng-đáp, huyện Thanh - lâm (Hai-dương) năm 25 tuổi đỗ Bảng-nhôn khoa

Hồng đức 21, sau làm quan đến Thượng thư, Đãng-Dung cướp ngôi, theo vua Chiêu-tông, bị thua, chạy sang Ai-lao mộ binh không được, tự thắt cổ chết.

5. — Hàn-lâm Thị-độc *Nguyễn Xung-Xác*, trước tên là Nhân - Phụng, người làng Kim-đôi huyện Võ-giang (Bắc ninh) năm 19 tuổi đỗ Tiến-sĩ khoa Quang-thuận thứ 10, sau làm quan đến Lễ - bộ Hữu thị-lang

6. — Hàn-lâm thị - độc *Lưu Hưng-Hiếu*, người xã Lương-hà, phủ Thiệu hóa, Thanh hóa, năm 26 tuổi đỗ Bảng-nhơn khoa Hồng đức 12, sau đi sứ Tàu, làm quan đến Thượng Thư.

7. — Hàn-lâm thị-thư *Nguyễn quang-Bật*, người làng Bình-ngô, huyện Gia-bình, (Bắc ninh) năm 21 tuổi đỗ Trạng-nguyên khoa Hồng đức 15, sau làm Đô ngự Sử, cùng với Đàm văn Lê chịu di - chiếu giúp vua Túc-tông. Vua Uy-mục lên giặc không dụng mình, biếm cả hai người đi Quảng-nam, rồi ném xuống bể chết.

8. — Hàn lâm Thị-thư *Nguyễn đức-Huấn* người làng An - định, huyện Chí-linh, đỗ Thám-hoa khoa Hồng-đức 18, sau đi sứ Tàu làm đến Thượng-thư trước Ninh quận-công.

9. — Hàn-lâm Thị-thư *Vũ-Dương*, người

Mạn - nhuế, Thanh - lâm, 22 tuổi đỗ Trạng-nguyên Tam-nguyên khoa Hồng-đức 24, sau làm đến Công-bộ Thượng-thư.

10. — Hàn lâm Thị-thư *Ngô Thâm*, người Tam-sơn Đông - ngán, năm 28 tuổi đỗ Bảng-nhơn, khoa Hồng-đức 24.

11. — Hàn-lâm Thị - chế *Ngô văn Cảnh*, người làng An - ninh, huyện An-dũng, năm 39 tuổi đỗ Hoảng-giáp khoa Hồng-đức 12, sau làm đến Hiến sát-sứ.

12. — Hàn lâm thị-chế *Nguyễn trí-Khiêm* người làng An-trang, huyện Lương tài, năm 24 tuổi đỗ Hội-nguyên Hoàng giáp khoa Hồng đức 15, sau thăng Đông-các hiệu-thư.

13. — Hàn-lâm Thị chế *Lương an-Thư*, người làng Đa nghi, huyện Vĩnh-lại (Haidương) năm 28 tuổi đỗ Thám - hoa khoa Hồng đức 21.

14. — Hàn lâm Thị-chế *Nguyễn nhân-Bị* là anh Xung-Xác, người Kim-đôi, Võ giang, năm 19 tuổi đỗ Đồng Tiến-sĩ khoa Quang-thuận thứ bảy, khoa Hồng - đức 12 lại đỗ nữa, sau đi sứ, làm đến Binh-bộ Thượng-thư.

15. — Đông các hiệu-lý *Nguyễn tôn-Miệt*, người huyện Kim-hoa, năm 41 tuổi đỗ Tiến-

sĩ khoa Hồng-đức, 12 sau thăng Hàn-lâm-viện Thị thư.

16.— Đồng các hiệu-lý *Ngỗ - Hoan*, người xã Nghiêm-xá, huyện Thượng-phúc (Hà-đông bây giờ) ; đỗ Tiến-sĩ khoa Hồng-đức 18, làm đến Đô-ngự-sử.

17.— Đồng các hiệu-lý *Nguyễn bảo-Khuê* người làng Lý-hải, huyện An-lãng, đỗ Hoàng-giáp khoa Hồng đức 18, sau đi sứ, làm Hình-bộ Tả thị-lang.

18.— Đồng các hiệu-lý *Bùi-Phổ*, người làng Nghi-xá, huyện An-dương, 25 tuổi đỗ Hoàng giáp khoa Hồng đức 18.

19.— Đồng các hiệu - lý *Dương trực-Nguyên*, người làng Thượng - phúc, huyện Thượng-phúc, năm 22 tuổi, đỗ Hoàng giáp khoa Hồng - đức 21, sau đi sứ làm đến Đô-ngự-Sử. Cuối năm Đoan-khánh, đem quân chống với vua Trương-dực ở Châu cầu, chết trận.

20.— Hàn-lâm hiệu lý *Nguyễn - Hoàn*, người Nhân-lý, huyện Thanh-lâm đỗ Tiến-sĩ khoa Hồng-đức 24.

21.— Hàn-lâm kiểm-thảo, *Phạm-cần-Trực*, người Đàm-xá, Gia-lộc, đỗ Tiến-sĩ khoa Hồng-

đức 15, sau làm đến Phủ-đoãn phủ Phụng-Thiên. (Kinh đô).

22. — Hàn-lâm kiêm-thảo *Nguyễn-tch-Tổn* người làng Mậu-kê, huyện Đan-phượng; năm 27 tuổi, đỗ Đồng tiến-sĩ khoa Hồng-đức 15, là cháu ngoại quan Trạng-nguyên Nguyễn-Trực, sau làm đến Lễ-bộ Tả thị-lang.

23. — Hàn-lâm Kiêm - Thảo *Đỗ Thuần-Thứ*, trước tên là Thuần - Thông, người làng Tử - Kiều, huyện Đông - an, đỗ khoa Hồng-đức 18, sau làm đến Thừa-chính sứ.

24. — Hàn-lâm Kiêm-thảo *Đoàn Nhu Huệ*, người làng Phù-vệ huyện Ngự-thiên (Hưng nhân Thái bình) đỗ tiến-sĩ khoa Hồng-đức 18, làm đến Thừa-chính sứ.

25. — Hàn lâm Kiêm-thảo *Lưu-Dịch*, người làng Nại-Xuyên, huyện Kim thành, 28 tuổi đỗ Tiến-sĩ khoa Hồng-đức 21.

26. — Hàn-lâm Kiêm thảo *Đàm Thận-Huy* người làng Ông-Mạc, huyện Đông ngàn, 21 tuổi đỗ tiến sĩ khoa Hồng-đức 21, làm quan đến Lễ bộ thượng-thư, Tri Chiêu-Văn quán, trước Lâm-xuyên bá. Họ Mạc cướp, vâng chiếu vua Chiêu-tông, đem quân Bắc-giang, về cần vương, thế không địch nổi, chạy vào núi An-

sơn, uống thuốc chết.

27.— Hàn-lâm kiêm-thảo *Phạm Đạo-Phú* người huyện Đại-an, năm 28 tuổi đỗ tiến sĩ khoa Hồng-đức 21, làm đến Hình-bộ tả thị lang.

28.— Hàn lâm kiêm-thảo *Chu-Huân*, người làng Ngọc-đội huyện Võ-giang, đỗ tiến-sĩ khoa Hồng đức 24.

Ngoài ra còn ông *Thái-Thuận*, người làng Liễu-lâm, huyện Siêu-loại, đỗ Tiến sĩ năm Hồng-đức thứ sáu, ở trong Đông-các hơn 20 năm, ra làm Tham-chính Hải-dương, về cũng được đặc-cách cử làm Tao-đàn Phó nguyên-súy.

Tháng mười năm Hồng-đức 25, tập *Quỳnh-uyên cứu-ca* thành, ông Đào-Cử, Đông-các đại-học-sĩ, Tín-đạt đại-phu, Hàn-lâm viện thị-độc, được Vua cử ra làm bài hậu-tự tập ấy, có kết bằng câu :

« . . . Sở rĩ vững vàng thế nước, giúp giúp nghiệp Vua, giữ thịnh-trị đến không cùng, truyền phúc sáng ra mãi mãi, hà không ở đây à ? Kia nhà Hán, nhà Đường có những chương *Bạch-lân*, *Chu-Nhạn*, những bài hát *Thiên-mã*, *linh-chi*, chỉ khoe hư mỹ, không lấy khéo léo, thật khác xa một giới

một vực vầy. »

Ngoài những trứ-tác thu nhặt cả vào trong bộ *Thiên-nam dư-hạ-tập*, ngày nay không còn thấy một quyển sách nào khác nữa bằng chữ Hán của vua Lê Thánh-Tông. Những tên như *Thân chinh ký sự*, *Văn-minh cổ súy*, *Cổ tâm bách vịnh*, có lẽ chỉ là những thiên trong bộ sách kia thôi.

Sau nữa, ta phải kể cả đến công ngãi về việc sai nhà Sử-thần Ngô-Sĩ Liên chép bộ *Đại-Việt Sử-ký toàn thư* gồm mười lăm quyển. Ngãi lại có cả công sai đo họa đồ bản đồ sửa soạn làm một quyển địa-dư, nhưng tiếc công việc ấy ngày nay không vết tích gì.

Nhưng cái trứ-tác quý-giá nhất, mà ngày nay chúng ta đặc-biệt chú ý đến, tất nhiên không phải là những tác-phẩm kể trên, mà là một trứ-tác bằng quốc âm. Cái tác-phẩm bằng quốc âm ấy, dù sao, cũng vẫn có ích cho nền văn-học của ta hơn. Nó có chút chắc, lủng củng ra nữa, nó cũng vẫn còn có thể là cái mốc để đo sự tiến-hóa của lời nói, của văn chương ta. Chỉ tiếc rằng ở ta sự lưu-truyền sai lạc, sự sao chép câu thả và lẫn lộn, — bài của tác-giả nọ lẫn vào của tác giả kia —

thành ra sự truy-nguyên ra những thơ chính thực của nhà vua thật là khó. Nhưng trong cuốn *Hồng đức quốc âm thi - tập* (sách viết của trường Bác-Cổ) có 217 bài, ta có thể nhận được rất nhiều bài của nhà Vua, theo lời thơ mộc-mạc và cách đặt câu còn phóng-túng, không cần cân đối lắm. Thời ấy, thơ tám câu vẫn còn sen lẫn những câu sáu chữ, bảy chữ với nhau được. Như bài *thủ-vĩ ngâm* của Nguyễn-Trãi làm khi bị cầm giữ ở kinh-thành :

*Góc thành nam, lều một căn,
 No nước uống, thiếu cơm ăn.
 Con lợn chạy dễ ai khiến,
 Đàn ngựa kia thiếu kẻ chẵn !
 Ao vẫn hẹp-hòi khôn thả cá,
 Nhà quen thuê-thái đểch nuôi vẩn.
 Quan Triều chẳng phải, ản chẳng phải,
 Góc thành nam, lều một căn. (1)*

Vua Thánh-tông cách thời Nguyễn - Trãi không xa mấy, mới độ 30 năm, nên ngài vẫn làm thơ theo lối như vậy :

1. — Trích ở Nhị-khê Nguyễn-Thị gia phả.

Tả chùa non nước.

Nơi gọi non, nơi gọi nước,
Hai bên cấp làm non nước.
Đá chồng hòn thấp, hòn cao,
Sóng rục lớp sau, lớp trước.
Phật hư-vô, cảnh thiếu, thừa,
Khách danh-lợi, tuồng xuôi ngược.
Vẳng nghe trên gác boong-boong,
Lần-thần dưới triều lần bước.

Vịnh họa mai, (vẽ hoa mai).

Thanh quý hăng mai ít kẻ tầy.
Hình dung mặc đặc lạ lòng thay !
Nguyệt hăng đeo đẳng, xuân hăng ruổi.
Sương chẳng phao tung, tuyết chẳng rời.
Thức tốt sui người dễ thấy,
Mùi hương ngấm thể khôn hay.
Khác thường lại có nơi hơn nữa,
Hoa nở, cây nên, cũng một ngày !

Cùng một, lối thơ ghép chữ và ghép câu
như vậy, ngài làm ra đủ loại : vịnh giới
đất, vịnh nhân-vật, vịnh phong cảnh, vịnh
phẩm-vật.

Chúng tôi trích cử mỗi loại mấy bài làm
thi dụ :

Vịnh giới đất : Tết nguyên-đán :

Cơ mầu thọ hóa bốn mùa vắn,
Đông cuối ba mươi, mồng một xuân,
Rò-rở cửa vàng ngày Thấu sáng,
Lầu-lầu phiến ngọc lịch Nghiêu phân.
Cao vói-vọi ngôi hoàng-cực,
Khấp lằng-lằng phúc thứ-dân.
Tỏi mọn dự đòi hàng ngọc-duân,
Non cao kính chúc tuổi minh-quân.

Vịnh nhân vật : Tự thuật.

Lòng vì thiên-hạ những lo âu.
Thay việc giới dâm biếng dàu !
Trống ròi canh còn đọc sách,
Chiêng xể bóng chữa thôi chầu.
Nhân khi cơ biến, xem người biết.
Gặp thuở kinh quyền xét nhẽ mau.
Mẳng gọi áo vàng chẳng có việc,
Đã vô sự đem trước vào tâu.

My-ê

Thờ chúa, thờ chồng, hết tấc gang,
Một mình trọn đạo việc cương-thường !
Non thiêng dễ hóa tại tinh-vệ.
Nước biếc khôn nhìn mặt Sở-vương !

Giòng bạc thề cùng thu có nguyệt,
Sử xanh chép để bút còn hương.
Dầy mừng thấy tin rồng đến,
Phủ con đông khắp gổn phương.

Viếng Trạng-nguyên Cao hương

(Lương-thế-Vinh)

Chiến-thư Thương-đế xuống đêm qua,
Réo khách tiên-dài kịp tới nhà.
Cầm tù mấy hàng về độngngọc,
Thánh hiền ba chén thấp hồn hoa.
Khí thiêng khi đã thụ sơn nhạc,
Danh lạ còn truyền để quốc gia.
Khuất ngọn tay tài cái thế.
Lấy ai làm Trạng nước Nam ta !

Vịnh phong cảnh

Cửa Thần phủ.

Phân côi Nam chu, đất Ái-chu,
Bút vương khôn chấm cảnh Thần-Phủ.
Muối pha bãi bạc sóng sáu quấy,
Chàm nhuộm cây xanh núi tít mù.
Khói quán mây ngàn tuôn ngùn-ngụt,
Chợ quê sóng bể rót ù-ù !
Kìa ai rửa sạch công niềm tục.
Một chiếc thuyền câu trở nguyệt thu.

Vịnh phẩm vật

Hoa

Cử ngọc sinh thành giống lạ thường,
 Hoa kia đua nở nức mùi hương.
 Má hồng mới bọc phấn,
 Nhị ngọc chứa bén sương.
 Hoa tốt hơn chưng vườn Lãng-uyên.
 Kể đôi còn đợi chúa Đông-hoàng.
 Lại mừng được đất phồn-hoa nữa,
 Cành ngọc đôi khi kết quả vàng.

Gậy, nón

Vật tiện tuy chưa toại sở cầu.
 Khi dùng đến mới biết rằng mau.
 Tiết ngay thờ chúa con ngay-hiêm,
 Lượng rộng dung người thuở dài-dầu.
 Khoẻ chống giang san no rồi rọi,
 Xa che thế-giới khắp đâu đâu.
 Trông xa rõ vẻ cơ-khu nhĩ,
 Quyền ở trong tay, chức ở đầu,

Cũng có những bài rất trỉnh như :

I. — Đánh rậm

Giờ Dần tang-tảng cất quân mau,
 Lần-lượt ra đi lũ trước sau.

Vì nước dẫn mình nào có ngại,
Ra công đập đất sợ gì đau !
Những loài nhóc nhách đều sầy vầy,
Mấy kẻ hung-nhắng cũng bẹp đầu.
Chẳng ngọn cờ đảo về kẻ chợ,
Bây giờ có ả mới tranh nhau !

II. — Ăn mày

Chẳng phải ăn đông, chẳng phải vầy,
Ơa giới dầy đã được ăn mày.
Hạt châu chứa cát chao ngang mặt,
Bệ ngọc ta đây đứng nắm tay.
Nam, Bắc, Đông, Tây đều đến mặt,
Trẻ già giàu có gọi bằng thầy.
Tới đâu đã có lâu dài đấy !
Bốn bề thu về một túi dầy !

III. — Muối

Muối hời, mảy sinh giáp ất nào ?
Đêm đêm thường quấy lỗ tai tao.
Rạng ngày đứng-đỉnh chơi màn liều,
Bàn tối thung-thắng áp má đào.
Gheo ả Hằng-nga cơn giấc ngủ
Trêu nàng Thục-nữ thuở chiêm bao.
Thâu đêm lẫn quất làm cho nhức,
Châm hút ngoài da có ích sao ?

Những bài dưới này có vẻ trĩnh hơn, đối hơn và lời văn điều-luyện hơn, nhưng vẫn cùng một ý như những bài trên câu sáu chữ xen câu bảy chữ. Gái ý tiêu-biểu nhất là lúc nào tác-giả cũng cố làm ra vẻ cao cả ngụ trong lời thơ. Thành thử thơ mất cả hay. Phải chăng đó là khẩu-khi Thiên-tử đã đặc thẳng từ lâu mà lẩn át mất cả cái thi tứ rồi-rào ở tác-giả.

Dù sao, với những bài thơ trang-trọng, cầu-kỳ mà chán thật kia, văn học quốc âm ta đã xây được một bậc vững-vàng để mà tiến, và để đánh dấu so với những bậc sau này. Bây giờ ta đọc những bài thơ kia còn thấy thích hơn là những trăm nghìn bài ở *Minh-lương cầm tú* và *Quỳnh-nguyên cửu ca*, câu rất đối, chữ rất chọi. Như vậy, ta có thể nói sự nghiệp văn-chương của nhà vua để lại cho ta cũng chỉ vắn-vẹn mấy bài thơ nôm ấy mà thôi! Tiếc thay cái hội Táo-dàn đã có một viên chủ-sự để lại được bao bài nôm na như thế, mà tuyệt-nhiên hội không lấy một bài thơ nôm nào gửi cái tiếng nói hàng ngày vào non sông đất nước mãi mãi muôn đời.

Một điều lạ ! Một điều đáng giận, và một tấm gương sáng cho kẻ đến sau !!

Về thơ quốc-âm của ngài, còn truyền lại một giai thoại này :

« Một hôm ngài đi thăm nhà Thái - học (Văn - miếu) về qua chùa Ngọc - hồ ở thôn Thanh - ngô gần đấy (1), thấy một vị ni-cô trẻ đẹp, liền rẽ vào vãn cảnh. Ni-cô biết ý nhà vua vào tìm hoa hơn là lễ Phật, liền ra một bài thơ tức cảnh, với cái đề có vẻ khuyên răn rằng :

*Vào chùa mển cảnh, mển thầy,
Tuy vui đạo Phật chưa khuây lòng người.*

Ngài liền làm một bài bát cú, sai ông Thân-nhân-Trung viết đưa lại cho Ni-cô. Thơ rằng :

*Ngẫm sự trần duyên khéo nực cười,
Sắc, không tuy vội, hãy lòng người.
Chầy kinh mấy tiếng tan niềm tục,
Hồn bướm ba canh lẫn sự đời !
Bể Sở nghìn trùng mong tát cạn,
Nguồn ơn mấy trượng hãy khơi vơi.
Nào nào cực-lạc là đâu tá ?
Cực-lạc là đây, chín nở mười.*

(1) Nay là chùa Bà Ngô ở phố Sinh-Tử.

Ni-cô xem xong, chế hai câu tam tứ và
chứa lại là :

*Gió thông đưa kẻ tan niềm tục,
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.*

Ngài phục ni-cô có tài-tài, liền với lên xe
cùng về cung. Đi đến cửa Đại-hưng (cửa Nam
bây giờ), ni-cô biển đầu mất. Lúc ấy ngài
mới biết là mình gặp tiên, liền sai làm một
cái lầu ở trong vườn ngự-uyên, gọi là *Vọng
tiên lâu*, để hằng nhớ đến cuộc giai-ngộ ấy.

CHU'ONG. VII

Tư-tưởng và tín-ngưỡng

Ngày nay, ta xét đến tư-tưởng của vua Lê Thánh-tông là một việc rất khó. Vì ngài không hề tỏ rõ tư-tưởng ra một bài văn hay một quyển sách nào. Nhưng cứ qua lời nói (tức là văn-chương) và công việc của ngài, ta cũng có thể đoán qua được đôi chút. Ngài tuy là một nho-học tinh-thông và tôn sùng đức Khổng-tử, nhưng ngài không có được tư-tưởng thuần-túy của nho-phái chính-tông. Học phái này có một triết-lý duy-lý, họ quan-niệm Vũ-trụ theo lý *Thái-cực*. Có Thái-cực và âm dương rồi mới cấu-tạo lên vũ trụ và vạn vật. Cái lý ấy tức là Giới vậy : *Thiên g'ở*

lý giã. Giới hay Thượng-đế chỉ là tiếng gọi tượng-trung của lý ấy mà thôi. Về phương-diện nhân-sinh, nho-phái tin có một cái lý *chí-công chí chính* giữ cho lòng người và xã-hội có trật-tự, hòa hợp với thiên-nhiên, với vũ-trụ. Do thế có *lễ* và *nhạc*. Lễ là phương-pháp đem phát-triển và phổ-cập cái lễ chí-công chí chính ấy để gây lấy nhạc. Nhạc là biểu-tượng sự hòa-hợp triệt-đề và vĩnh-viễn giữa nhân-sinh và vũ-trụ. Bởi vậy nhà nho chính-phái nào cũng chú trọng đến lễ và nhạc. Vua Thánh-tông cũng đem lễ-nhạc ra hạn-định và duy-trì trật-tự xã-hội, nhưng cái sự hạn-định duy-trì ấy không do ở lòng chí-công chí-chính, mà do sự quyết-đoán nhất định để giữ vững địa-vị và quyền-thế của mình. Vì thế nên sự điều-hòa chỉ có mã ngoài, tạm-hộ và không thành-thực. Quan-niệm nhân-sinh đã sai khác như vậy, quan-niệm về vũ-trụ tất nhiên cũng không còn đúng với nho-gia. Ngài tin có một vị Thượng-đế tối cao đã lập nên vũ-trụ và đủ quyền thưởng-lành và phạt dữ, dưới lại có bách linh chư thần thừa hành mọi việc. Tin thế nên hễ động có việc gì tai biến, là ngài vội cầu

khẩn ngay sự tha thứ và phủ hộ của Thượng-đế và quỷ-thần. Tháng hai, năm Quang-thuận thứ hai, có sấm động, ngài cũng vội đem quần-thần ra cửa Thiên-môn lấy tạ. Năm Quang-thuận thứ tư, ngài lập đàn làm lễ kỷ an ở *Huyền-thiên quan*. Lại còn gặp mưa quá, nắng quá, đều có lập đàn cầu-đảo cả. Nay ta lại càng thấy lòng tin ngưỡng ấy biểu-lộ rất mãnh liệt, bằng 54 bức sớ kỳ-đảo suốt trong đời ngài, và do chính tay ngài làm ra, còn chép lại trong thiên *Sớ-văn tập* của bộ *Thiên-Nam dư-hạ tập*. Theo loại, ta có thể chia những sớ ấy ra như sau :

Kỷ An (cầu yên)	2 sớ
Hoàng Thái-hậu kỷ an tiến sự	2 sớ
Lễ Không-tước kỷ an	1 sớ
Đảo-Vũ (cầu mưa)	8 sớ
Đảo-Vũ lễ Phật	17 sớ
Kỷ tình (cầu tạnh) Ngọc-đế	1 sớ
Kỷ tình đền Chấn-Võ	6 sớ
Tạ thiên (tạ giới)	1 sớ
Tạ lôi (tạ sấm) tự ý	6 sớ
Bảo an (giữ yên)	3 sớ
Bảo an sự ý	1 sớ

Hoàng Thái-hậu bảo thai

(Lễ yên thai cho Chánh cung) 1 sớ

Nhường tinh (Lễ dâng sao) 1 sớ

Trần trạch sự ý 3 sớ

La Thiên Phổ độ

(Cầu tế độ khắp tất cả) 1 sớ

Đây là kể nguyên những việc lễ nhà vua đứng chủ, và những sớ tự vua soạn ra. Còn những cuộc tế lễ thường-niên và những cuộc tế do các quan Khâm-mạng đi chủ lễ không thể nói hết. Dưới đây là mấy bức sớ tiêu-biểu :

Sớ đảo vũ

Đại-Việt quốc, Hồng đức cửu niên, tuế thứ Mậu-tuất, ngũ-nguyệt, kiến Nhâm-ngọ, sóc Nhâm-Tuất, việt nhị thập nhị nhật, Quý Mùi, Quốc hoàng, thần, Lê... Côn khiển Tư-lễ-giám đồng-tri Ngô văn Thông, trai phủng tín-hương đầu vu Chấn-Vũ quan, Bắc phương, Chấn Vũ Huyền Thiên Thượng đế Bệ-hạ. Tứ rĩ đại điển hữu sự, cam vũ mốt khan! Cổ chính lệnh vô trạng rĩ triều ương, Nại sinh-dân hà cô nhi đặc họa? Thần, cấp thần tư cứu, kinh cốt tiêu tâm. Phỉ

do Thần thánh chí căng lân ; rĩ chí tử
sinh ư ngã bữu, Phục vọng khu vân chú
vũ, trạch vật độ nhân. Động Thương-hiệu
ái vật chi tâm ; khai xích-tử cánh sinh
chi lộ. Thử tặc, nhân hậu bàng thi ư
cửu nguyệt, nhi hương hỏa mật khiết
ư tam sinh yên ! Thần bất năng tung
áp chi chí, cần cụ sở văn, Phục hi báo
ứng.

Dịch nghĩa :

« Nước Đại Việt, hiệu Hồng-đức thứ chín,
năm Mậu-tuất, tháng năm, kiến Nhâm-ngọ,
sóc nhâm-tuất, vượt sang ngày hai mươi hai,
quý mùi, vua nước là tôi, Lê tư-Thành, cần
khiến Tư-Lễ-Giám Đồng-Tri là Ngô văn-
Thông, chay kính bung tín-hương dâng vào
Chấn vũ qua, đưc Bắc phương Chấn-vô
Huyền Thiên Thượng-đệ Bệ-hạ. Nhân nghĩ
đồng ruộng có việc, mưa ngọt lâu khan. Xét
chính liệch không rõ để gây tai, kia sinh dân
tội gì mà chịu vạ. Tôi xét mình nghĩ lỗi,
đau xương nát bụng, chẳng nhờ được thần
thánh thương xót, để nổi đến sống chết nơi
đôi rét. Cúi mong đuổi mây làm mưa, tưới vật
độ người, động cái lòng giới xanh yêu vật,

mở cón đường con đở sống lại. Như thế thời nhân-hậu khắp chán chín tháng, mà hương lửa mật thiết với ba sinh vậy. Tôi sợ hãi khôn siết, cần đủ số văn, cúi mong báo ứng ».

Ông Thân Nhân-Trung phê bình bài số này rằng :

« Đặt nhời rất thuần, vận ý rất khéo, vì như giới xanh không mây, nhà tối thêm ánh sáng, gió mây biến hóa, càng ra càng lạ ! »

Sớ kỳ tình (câu tạnh)

Phục rĩ, xuân hạ chi giao, âm vũ vi hoạn. Tam nông thích-thích ; triệu tính tư tư. Thần niên tại nhạoc linh, tâm mê vật đục, chính hóa vô đại, tội quá tự do. Cần khiến Tư Lễ giám quan Trần đình-Đạt, đạo phũng tín-hương nghệ vu Ngọc-Thanh diện, đều thăm khăn đảo, kỳ tiêu âm-dâm chi khí, đại sung hòa-sướng chi hình. Vũ dương rĩ thời ; Tai hại bất khởi. Tứ rần lạc đục, bách cốc phong-đăng. Thần bất thăng tủng-cụ chi chi, cần số rĩ văn.

Dịch nghĩa :

« Cúi xét : Xuân hạ giao nhau, mưa dầm nên lụt, Tam nông ngay ngáy, trăm họ thổ-
than. Tôi tuổi còn nhỏ dại, lòng mê vật-dục,
chính hóa không kịp, tội lỗi tự sinh, cần
khiến Tư-lễ-giám là Trần-dinh-Đạt, xa bưng
tin-bương đến điện Ngọc-thanh dâng lòng
kíp đảo, cầu tan cái khí ảm-thảm, phô đầy
cái vẻ hòa tươi. Mưa tạnh phải thời, tai-
hại không mọc. Bốn dân vui vẻ, trăm thóc
phong đăng. Tôi khôn xiết sợ hãi, vội vàng
cần, sợ trễ tâu. »

Ông Võ-Lãm phê-bình bài này :

« Nói ít mà ý đủ, đọc đến khiến người
phải dài khen ! »

Sớ lễ Phật (câu mưa)

Phục rĩ, kiến hạn nhi cụ, cảm vong
kỳ niên ; duy Phật hữu linh, hốt thùy
cam vũ. Tuy âm lâm tai thị ư tiêu nhưông,
nhi băng đã do lạn ư điền trừ. Phương
thâm tội kỷ chi ưu, cực thiết vị dân
chi thỉnh. Phủ đàn thành khôn, ngưỡng
độc Từ-tôn. Bái pháp vũ từ vân chi ân,
chủ doanh cõi tả bốn chi trạch. Thủy

điền mặc mặc, hữu thu quả úy ư tam
nông ; Bảo-sát nguy nguy, sức-cổ chung
quy ư Tái-tạo. Hy duy mặc cách, thực
úy phạm tình. Căn sở.

Diệu nghĩa :

« Núp nghĩ, thấy năng cạn mà sợ, dám quên
năm được mùa. Chỉ đức Phật là thiêng, vút
cho mưa ngọt, Tuy mưa dầm đã khắp trong
giời đất, mà thấm nhuần còn tiếc chỗ ruộng
nuống. Đang sâu lo tội mình, càng thiết vì
dân xin. Cúi giốc lòng thành, ngửa xin
lượng Phật, tưới ơn mưa phép, mây hiền,
rót ơn đầy ngòi ràn châu. Ruộng nước ứng-
ũng, được mùa hân vui long tam nông ; Bảo
sái vôi vôi, trừ hại chơn nhờ công Tái-tạo.
Mong trên lạng cảm, thực thỏa lòng phạm.
Căn sở dâng tâu, »

Nguyên-Trực phê bình :

« Nói đã cảm-động, nhời dẫn-dị mà ý đủ,
tưởng bậc cao-minh ở trên có thiêng, không
thể làm thỉnh được. »

Hai bài trên là tế cầu Thiên - thần. Còn
bài dưới đây là thứ 6 trong 17 bài sở cầu
Phật. Những bài sở ấy tuy nội-ý có khác
nhau, nhưng đại-đề đều làm theo một lối

như vậy, đủ tỏ rằng nhà vua thành kính tin ở oai-linh đức Thượng-đế cũng như đức Phật. Đọc hết thiên *sổ-văn* ấy, mà trong có đến ngót 30 bài *sổ* cúng Phật — ngoài 17 *sổ* đảo võ ra còn đến hơn chục bài nữa —, rồi ta sẽ phải hết sức ngạc-nhiên về câu phê-bình vua Đường Thái-tông ở trên kia (chương sự-nghiệp văn học, chỗ nói đến quyển III bộ *(Thiên Nam Dư hạ tập)*). Ta ngạc-nhiên hơn nữa khi đọc đến bài thơ của nhà vua khắc ở sau bia Bảo-Tháp chùa Đọi (ở làng Đọi huyện Duy-tiên Hà-nam).

Bài thơ ấy khắc năm Quang thuận thứ tám (1466) có thêm một bài tự ở trên rằng :

« Ta lấy yết Sơn lăng (1), đường qua bên trái núi, bên trèo lên xem. Cười vua tôi triều Lý tin thờ quái-dẫn, thương nước nhà từng trải qua cơn binh lửa, nhân lưu một bài thơ vào sau đá rằng :

千仞肩齊古化城

Thiên nhận từng loan cổ Hóa-thành,

攀緣石磴扣禪扃

Phan duyên thạch đẳng khấu thiền quy nh

1. — Các lăng ở Lam-sơn.

李朝旌誕碑空在

Lý triều quai - đản bi không tại,

明寇鹵殘寺已更

Minh - khấu hung - tàn tự dĩ canh.

路少人踪苔甲綠

Lộ thiếu nhân tung đài giáp lục,

山多春雨燒痕青

Sơn đa xuân vũ thiếu ngân thanh.

登高眼界無窮著

Đăng cao nhơn giới vô cùng trước,

萬里茫茫草樹平

Vạn lý mang - mang thảo thụ bình.

Dịch nghĩa :

Rẫy núi tròn quanh nghìn trùng kia xưa
là Hóa thành,

Via lần lối đá đến gõ cổng nhà Thiền.

Vua Lý thờ quai-đản bia còn tro đỏ.

Giặc Minh hung dữ chùa đã đổi vẻ rồi.

Đường ít dấu chân người lối rêu càng
biếc.

Núi nhiều mưa xuân, ngấn khói xanh.

Lên cao tầm mắt trông rõ vô cùng rộng :

Muôn rậm mống-ménh cây cỏ phẳng lỳ.

Ta ngạc nhiên, vì sự mâu-thuẫn lạ-lùng ở tác giả bài thơ này và những bài sớ kia. Ta ngạc nhiên vì cùng trong khoảng cuối Quang-thuận, đầu Hồng-đức ấy, cùng một thời gian, mà ở đây nhà vua rất thành-kính tôn sùng dâng lễ cầu khẩn đức Phật ra ơn cứu khổ cho mình, cho chúng sinh trăm họ, mà ở kia, vua lại làm thơ khắc vào đá chiêu-chương cái mê-tín tôn Phật của vua Lý cho thiên hạ đời sau biết. Tại sao có sự trái ngược trong hành vi và tư tưởng như vậy ?

Có người bảo vua Thánh - tông sớ dĩ hay cầu khẩn của Phật là vì mưu lược của nhà chính-trị, ngài làm thế để giữ lòng tin-nguỡng ở trăm họ cho dễ cai trị, chứ thực trong bản-tâm ngài, ngài không tin tưởng gì ở đạo Phật cả. Cái thực-tâm của ngài đã tỏ rõ ra trong bài thơ ở bia chùa Đọi vậy.

Chúng tôi không đồng ý thế. Chúng tôi cho là có sự mâu-thuẫn ấy là do ở óc triết-học của ngài chưa được linh-tế và do ở lòng tự-cao tự-ái của ngài. Ngài là một nhà nho-học, nhưng là nhà nho-học mới đi hết bề rộng, chứ chưa vào tới bề sâu. Ngài

chưa thấu-hóa được hết tinh thần nho-học, óc triết-lý hẳn còn nông-cạn, nên ngài không nhận-thức được rõ-ràng nguyên-nhân mọi biến-cố của Vũ-trụ và nhân-sinh. Đứng trước mọi sự huyền-vi của tạo-hóa, ngài dễ đi lầm vào con đường thần-bí, đâm ra sợ sệt những oai-linh thượng phạt từ cõi vô hình linh thiêng đưa tới. Đã sợ, tất dễ sinh lòng sùng - kính. Cũng như một người tân-học bây giờ rất không tin ma quỷ thần thánh, nhưng hễ khi lâm sự nguy-bách, vợ ốm con đau, có bệnh thời vái tứ phương, không ngần - ngại lập đàn, đem dầu lễ lạy trước làn hương khói. Ngài cũng chỉ kêu cầu lễ lạy Giới Phật để mong giải thoát những tai-biến mà ngài không biết từ đâu đưa tới. Ấy cũng bởi tâm biết chưa được sâu sắc, hay nói theo các nhà triết-học, cái học chưa đến chỗ *nhập diệu*, nên mình không đủ tự-tin ở tinh-thần, quan-niệm của mình, nên mới có sự mâu-huân giữa hành-động và tư-tưởng như vậy. Tuy nhiên, tâm-trạng ngài vốn là tâm-trạng một nhà nho-học, ngài vẫn thấy cái tinh-thần nho-học thích-hợp với sự tổ-chức xã hội, hơn

rất thuận tiện cho công cuộc giữ trật-tự trong nước. Cho nên thủy chung, ngải vẫn tôn sùng và biểu-dương nho-đạo, và đồng thời đối với các đạo khác, không những ngải không tuyên-truyền cổ-động cho, mà còn lạnh nhạt và hạn-chế nữa. Ngải ra những điều-lệ hạn định sự đi lại của các nhà sư, đạo-sĩ, cấm in những sách kinh Phật, sách ngoại, cấm tự tiện làm chùa, tô tượng, đúc chuông, bắt các Bộ-quan ngăn cấm bọn cô đồng bả cốt. *(Những điều-lệ này thi-hành từ khoảng năm Quang-thuận)*. Hơn nữa đối với những kẻ lấy trộm hay phá hủy tượng Phật, tượng Thần cũng coi như trộm thường *(Điều 432 Lê-triều Hình-luật)*. Như thế chưa đủ. Lại do lòng tự-ái, tự-cao, muốn cho thiên-hạ đời sau biết mình là một tay chân-nho theo chính-đạo, bài xích tà ngụy, không kém gì Hàn-Dũ ở Tàu, Chu-văn-An ở ta, nên ngải mới làm sách chê Đường Thái - tông và làm thơ khắc sau bia chê vua tôi nhà Lý mê tín quái-dẫn để truyền cái danh chính ngôn-thuận của mình lại mãi mãi muôn đời. Cái tính tự-kiêu và cái lòng tự-ái ấy còn được phát-lộ ra nhiều dịp trong lời nói

và việc làm. Tôi xin cử ra đây một thí-dụ :
« Khoảng tháng bảy năm Quang-thuận thứ tám, ngài muốn xem quốc-sử, sai Trung-quan tới viện Hàn-lâm dụ hỏi sử-quan là Lê Nghĩa rằng :

— « Xưa Phòng Huyền-Linh làm Sử-quan, Đường Thái-tông muốn xem sách Thực-lục, Huyền Linh không cho xem. Nay nhà ngươi cùng Huyền-Linh ai hơn ?

« Nghĩa đáp rằng :

« — Về việc Huyền-Vũ-môn, Huyền-Linh không chép thẳng, đợi mệnh của Thái-tông mới chép. Như thế chưa hơn được.

« Trung-quan nói :

« — Vua muốn xem quyển nhật lịch chép từ năm Quang-thuận đến bây giờ.

« Nghĩa đáp :

« — Đấng nhân-quân mà xem quốc-sử, thì cũng như Đường Thái-tông và Phòng Huyền-Linh, làm cho đời sau chê cười.

« Trung quan nói :

« — Vua sở-dĩ xem nhật-lịch là để về rước có lỗi thì biết mà sửa lại.

« Nghĩa đáp :

« — Bệ hạ cứ cố công gắng làm điều

phải là được, hà-tất phải xem sử ! »

Giả như Tề Cảnh - công, hay Đường Thái-tông nghe được Ân-tử hay Ngụy-Trung nói như vậy, đã vui vẻ sửa lỗi tìm trị, không còn dám mong gì hơn nữa. Đấng này không thế, vua Thánh - tông vốn tự cao, tự đại, không khi nào lại chịu thua thần-hạ, nên lại sai Trung-quan đến dụ luôn hai ba lần nữa, đòi ra vẻ cấp-bách lắm. Sau cùng Nghĩa phải đáp :

— Thánh thượng thực hay đòi lỗi, đó là cái phúc cho xã tắc không biết ngần nào. Thế là không can ngăn mà cũng như can ngăn.

Nói rồi dâng nhật-lich.

Đấy là một lời nói danh thép và ý-vị đáp thẳng vào lòng tự-ái của nhà vua. Nhưng ngài vẫn tự cho mình là một con người riêng biệt, một bậc thánh-nhân toàn-trí toàn-năng, những lời nói kia, trái lại, chỉ nuôi thêm lòng kiêu của ngài. Oùng như khi ngồi nói chuyện với Trạng-nguyên Lương thế-Vinh, ngài tự-đắc bảo Trạng rằng :

— Trẫm có lắm con giai, không còn lo gì nữa.

Trạng Lương-thế-Vinh đáp :

— Nhiều con giai là nhiều giặc !

Vua hỏi :

— Tại sao thế ?

Trạng đáp :

— Bởi tranh lập hại nhau, không lo sao được !

Nói tóm lại về địa-hạt tư-tướng, vua Thánh - tông chỉ là một người trung-bình, quan niệm không được sáng suốt, nên tin-ngưỡng thành ra nghiêng ngửa, phức-tạp và nhiều khi trái nhau nữa, như ta đã nhận thấy. Đi đến trạng - thế như vậy, một phần tại cái học chưa đến chỗ diệu-hóa, một phần nữa do lòng tự tín, tự ái quá to, che lấp cả cái tinh thần sáng suốt, công bằng vẫn tiềm-ẩn ở con người.

Như vậy, ta chỉ còn thần-phục ở ngai nhà chính-trị, nhà luật-pháp, nhà binh-pháp, chứ không thể nào nhận ngai là nhà tư-tướng được.

Có người sẽ cãi lại. Người ta viện lẽ ở câu chuyện sau này :

« Khi vua Thánh-tông thân chinh đánh Chiêm-thành, chiến-thuyền còn ở giữa bể, ngai

bảo ông Đỗ-Nhuận rằng :

— Trẫm đang nghĩ làm một bài thơ về cái đề hai chữ đạo-lý, trẫm cho rằng đạo là cái việc đương-nhiên mà lý là cái sở dĩ-nhiên.

Ông Đỗ-Nhuận tâu rằng :

— Hoàng-thượng là một nhà lý-học tinh hơn hết cả cổ kim. »

Người ta kết-luận rằng cổ-nhân ở chỗ nói đạo mà kiêm cả lý, nay vua Lê-Thánh-tông phân-định hẳn danh-giới hai chữ khác nhau như thế, thực là tinh và mới. Do đấy, người ta kể ngài có công rất lớn với triết-học.

Thực ra cái sự phân-định ấy chưa chắc đã là do vua Thánh-tông phát minh ra. Chính hai chữ ấy, tự nó, đã có nghĩa riêng của nó. Nói theo nghĩa cụ-thể, ta thấy rằng, đạo là đường, là cái luật tự-nhiên trong vũ-tru (Loi de la nature), còn lý là mọi quy-định của cái luật ấy (règlements de cette loi). Như vậy, chính hai chữ ấy nó đã tự phân danh-giới rồi. Vả lại, một lời nói, một lý-thuyết dù hay đến bậc nào chăng nữa, cũng chỉ có giá-trị khi ta thấy cái kết-quả thực-hiện của nó. Không có kết-quả thực-hiện, hay

có mà chẳng ra gì, thì lời nói kia, lý-thuyết kia chỉ là không-tưởng, bông-lông giữa giới rồi tiêu-diệt, vì nó không thích-hợp với thực-sự, nên không bèn rẽ vào thực-tại được. Nhìn lại kết-quả thực-hiện của tư-tưởng vua Lê, ta thấy những gì ?

Phải chăng là những điều mâu-thuẫn ta đã được dịp biết qua tự trên kia ! Do đây ta có thể kết luận rằng, lời ông Đỗ-Nhuận tâu kia chỉ là lời tâng-bốc nịnh nọt của một kẻ dưới đối với một vị quyền-thế giàu lòng tự ái, tính tự kiêu. Chứ thực tình, ngài có phải đâu là một nhà triết-học !

Ta không nên gán cho những người khác những danh-hiệu và cái gì mà người ấy không có. Trái lại, ta nên thành-thực và công-bằng mà nhận lấy những hư-tại và khuyết-diểm của người mà ta hằng tôn-kính. Làm như thế không phải là giảm giá-trị của bậc vĩ-nhân. Làm như thế tức là làm tăng-gia lòng tôn-kính ở ta lên. Và mới làm cho ta thêm phấn-khởi. Vì ôn lại cuộc đời và sự-nghiệp của vĩ-nhân chỉ có nghĩa là nhân đấy mà suy-nghiệm hiện-tình xã-hội đã qua để nhận lấy bài học mà lần bước trên hiện-

tại và tương-lai. Thế cho nên oăn phải thực và đúng. Thế cho nên ở đây, ta lại cần phải công-nhận một lần nữa rằng, vua Thánh-tông không phải là một nhà triết-học, nên tư-tưởng không cao xa, và tín-ngưỡng không được vững-vàng duy nhất. Và có lẽ cũng do thế, sự nghiệp của ngài phải giảm mất một phần rạn-rỡ, và ảnh-hưởng chính-trị của ngài không được bền vững vĩnh-viễn về đời sau.

CHƯƠNG VIII

Kết - luận

Các bạn đọc đến đây đã nhận hết mọi vẻ khả-quan đời Hồng-đức, thấy rõ mọi sự-nghiệp của vua Thánh-tông, từ chính-trị, luật pháp đến võ công, văn-trị, thấy đều được rực-rỡ vẻ vang, tất các bạn, cũng như chúng tôi, sẽ tự đặt một câu hỏi rằng :

— Vua Thánh-tông đã đưa dân tộc Việt-nam ta tiến lên một mực rất cao về mọi phương-diện như thế, trong khi các nước Văn-minh bên Âu-châu ngày nay, như Anh, Pháp, cũng mãi đến thế-kỷ thứ mười sáu, mười bảy, mới có thể sánh kịp. Vậy mà tại làm sao, nước ta không tiến lên được nữa ?

Thế là tại làm sao ?

Ở đây, đề kết-luận tập sách nhỏ này, chúng tôi xin đem thiện-ý tạm đáp lại câu hỏi ấy :

Trước hết ta hãy công-nhận trình-độ tiến hóa của dân-tộc ta, như trên kia đã thấy, quả đã có lần cao hơn các nước Tây-phương.

Thật vậy, nước Anh, mãi đến đời Nữ-vương *Elisabeth* (1558-1603), nghĩa là cách triều Hồng đức đúng 100 năm, mới tiến lên được địa-vị khả quan : Ở ngoài, đánh tan được đội Thủy-quân của Y-pha-Nho mà nắm giữ lấy quyền bá-chủ trên mặt biển, mở đường hưng-thịnh cho đất nước sau này ; ở trong, việc chính-trị mở mang, văn học thịnh-đạt, sản xuất ra dưới những danh-sĩ như nhà triết-học *Bacon*, nhà hí-kịch *Shakespeare*, nhà thi-sĩ *Edmond Spencer* vân vân, làm cho rực-rỡ một thời. Nhà làm sử khen thời ấy là *thời-đại hoàng-kim*. Thời-đại hoàng-kim ấy có khác gì triều Hồng đức ở ta đã đi trước 100 năm ?

Nước Pháp cũng vậy, mãi đến đời vua Louis thứ 14, (1643-1715), võ-công, văn-trị mới chói-lọi trên Vũ-đài Âu-châu. Các danh-sĩ như triết học *Pascal*, Kịch-gia *Corneille*,

Racine, Molière, thi-gia *La Fontaine, Boileau*, nhà luân-lý *La Bruyère, La Rochefoucauld*, văn gia *Fénelon, Bossuet*, mỹ-thuật gia *Le Brun, Perrault*, vân vân, đều tiêu-biểu cho thời ấy, cũng như các vị đại-khoa đã giúp vào nền thịnh-trị của vua Thánh-tông. Hội Tao đàn phảng-phất giống cơ-sở của viện Hàn-lâm Pháp quốc, cũng đã lập ra trước viện này từ 150 trước (viện Hàn-lâm Pháp-quốc do Hồng y giáo-chủ Richelieu lập ra từ năm 1643 có 40 hội viên), để giúp vào công việc văn-trị.

Dem so-sánh như thế, ta thấy nước ta đã tiến trước nhiều. Thế mà rồi, nước Anh, nước Pháp và cả các nước khác nữa, nhờ ở sự mâu-thuân bên trong do kinh-tế chi-phối, và ở sự cần-thiết phải khuếch-trương ở bên ngoài, đã đổi chiều mà tiến lên mãi. Còn nước ta thì đến đấy rất sớm đề rồi lùi. Sự đó tất-nhiên là phải có nguyên-cớ.

Nguyên-cớ thứ nhất là do địa-dur kinh-tế nước này. Bên ngoài bị biển cả bao bọc, phía tây bị núi rừng ngăn cản, nước ta là một miền đất đai phì nhiêu, có đủ mọi nguyên-liệu cần-thiết để cung đủ cho cuộc

sinh-hoạt của dân - chúng, không cần phải tìm kiếm ngoài vào. Gia-đĩ nước vốn nông-nghiệp, không có giai-cấp rõ ràng, như các nước phương Tây, lại nhờ có sự tổ-chức xã hội khôn khéo và công-bằng, đời sống được dễ-dàng và sung-sướng ai còn phải vạ đâu mà lặn-lội vượt biển để tranh khôn cùng tạo-hóa ! Vì vậy cả Triều-đình và thứ-dân không cần phải vượt biển giao-thông ra ngoài để tìm nguyên-liệu như phương Tây. Không những thế, lại còn không thích giao-thiếp với nước ngoài nữa, trừ nước Tàu ra không kể. Trong sử còn chép năm Hồng-đức nguyên niên, nước Xiêm lại Vân-Đồn tiến dâng biểu-văn bằng vàng lá và dâng phương-vật, vua từ chối không nhận. Ấy không cứ gì nước ta, cả đến nước Tàu cũng chậm tiến vì không cần giao-thiếp với nước ngoài như vậy.

Nhưng đây mới là nguyên-cớ phụ. Nguyên-cớ chính làm cho nước ta không tiến được nữa lại vẫn là tự vua Lê Thánh-tông.

Nếu mục-dích chính-trị và cứu-cánh tiến-hóa là thực-biện được hạnh-phúc cho dân chúng sung-sướng và bình - đẳng, đủ thứ-thái để trau-dồi tinh-thần, thời nước ta hồi

ấy đã đạt mục-dích và cứu cánh ấy rồi, trước khi những chủ-nghĩa và lý-thuyết hay ngày nay hãy còn đang cở-dộng. Đã đi đến mục tiến-bóa ấy, mà còn để cho cả một dân tộc giạt lùi lại, chính là lỗi vua Thánh-tông, chưa đủ thành-thực và sáng-suốt để trông xa đến nghìn sau. Không đủ thành - thực để tự-tin, ngài mới nhằm để Cung-vương chết ở trong ngục. gieo một ảnh-hưởng xấu cho các con cháu nhà vua và làm giảm bớt cái lòng ngay-thẳng ở thần-hạ.

Không đủ sáng suốt trông đến cái lợi nghĩa sau, ngài lập ra hội Tao-đàn với một tính cách tạm-thời, làm cái trò chơi của ngài, chứ không đặt một chương-trình hành-động vĩnh-viễn để tùy thời thế, tùy hoàn - cảnh mà bổ-khuyết thêm vào cho thành một hội Quốc-học có bề-thế, có danh-vọng dẫn đầu công-việc xây đắp nền văn-hóa, giọn đường cho cuộc tiến-hóa về mọi phương-diện sau này. Bởi vậy, hội phải tan rã ngay sau khi ngài mất.

Lại cũng vì không sáng suốt, ngài quên không đặt ra luật pháp ràng-buộc các hoàng-thân, con và cháu ngài, vào vòng trật-tự

chặt chẽ, nên sau khi ngải mất vừa mới được 8 năm (hết đời Hiến tông 7 năm, Tức-tông 7 tháng), trong khi các quan văn, võ còn kính cần tuân theo pháp luật, Uy-Mục-đế (1505-1509) đã làm loạn trong Triều, giết hai anh em và các chú ruột tất cả 26 người ! Rồi từ đấy biết bao lần trong cung biến-loạn, ngôi báu chuyển sang họ Mạc, gây ra cuộc Nam Bắc giao tranh, biến sang Trịnh Nguyễn tranh hùng, liên miên luôn trong 300 năm giờ, không lúc nào là trên thượng tầng tổ chức được yên ổn lắm cho dân tộc Việt-Nam cứ phải giạt lùi lại mãi.

Nhưng đây là xét về dĩ-vãng tìm lấy bài học lịch-sử để soi sáng cho con đường đi trên Hiện-tại và Tương-lai, ta phải vô tư mà truy-nguyên như vậy. Chứ thực ra vua Lê Thánh-tông vẫn là một vị anh-quân vào bậc nhất trên lịch sử nước nhà mà ngày nay ta được hân hạnh nhắc đến một cách thành-kính và mến phục...

HẾT

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. — Thân thể và gia- đình	9
CHƯƠNG II. — Việc chính trị	42
CHƯƠNG III. — Luật lệ	78
CHƯƠNG IV. — Võ công	115
CHƯƠNG V. — Văn trị	144
CHƯƠNG VI. — Sự nghiệp văn- học	175
CHƯƠNG VII. — Tư-tưởng và tín-ngưỡng	221
CHƯƠNG VIII. — Kết luận	240

Các sách Tham-khao

Sách chữ nho.

1. — Khâm-Định Việt-Sử cương mục
2. — Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư
3. — Lê-Kỷ Tục-biên dã-sử
4. — Nam-Sử Tập-biên
5. — Hoàng-Lê Ngọc-Phả
6. — Thiên-Nam Dur-hạ tập
7. — Lê triều Hình-luật
8. — Hồng-đức Thiện-chính thư
9. — Hồng-đức chư cung thể-thức
10. — Hồng-đức quốc-âm thi-tập
11. — Chính Chiêm nhật-trình
12. — Hoàng-Việt văn-tuyển
13. — Hoàng-Việt thi-tuyển
14. — Hoàng-Việt địa-dư chí
15. — Đăng-Khoa lục
16. — An-nam Vũ-cống của Nguyễn-Trãi
17. — Nhất-thống chí
18. — Nhị-Khe Nguyễn-thị gia-phả
19. — Bia chùa Huy-Văn
20. — Bia Văn-Miếu
21. — Minh-Sử

Sách quốc-ngữ và chữ Pháp

22. — Việt-nam sử lược, Trần-Trọng-Kim
23. — Ông Nghè triều Lê, Nguyễn văn-Tổ (đăng
báo Tri-Tân.)
24. — La Justice dans l'ancien Annam
par R. Deloustal
25. — Le Royaume de Champa par G. Maspéro.

QUYỂN THỨ IV

trong bộ LỊCH SỬ THẾ GIỚI

nhân đề

CẬN ĐÔNG CỎ SỬ

Khảo về lịch - trình
tiến-hóa của các dân-
tộc lưu-vực Lưỡng-
Hà (Assyrie s - Chal-
déens), Phéniciens,
Do-hái, Ba Tư—những
dân - tộc đã khai
sáng ra nhiều nền
VĂN MINH THƯỢNG CỔ —

sẽ xuất bản

ngày 25 Décembre

1943

VĂN MỎI

TẬP TRỎ

PHÊ BÌNH

Triết học là gì ?

...Không bao giờ người ta lại cho in ra nhiều sách triết học như trong vòng một năm nay ? Vậy triết học là gì ? Đáp lại câu hỏi ấy, lần này tôi muốn nói đến cuốn « *Triết-học là gì ?* » của Nghiêm-Tử do Hàn-Thuyên xuất bản.

Đặt ra câu hỏi : *Triết-học là gì ?* và *Triết nhân là người thế nào ?* tác-giả cố vẽ rõ chân-tướng của triết-học ra để làm cho nó đỡ bí mật kỳ-dị. Ông cố vạch rõ sự sai lầm của những người tự nhận là triết-nhân. Theo ông ảnh-hưởng tai hại của bọn triết-nhân không phải là nhỏ : một mặt, họ huyễn hoặc mọi người bằng những danh từ vang động, tư-tưởng trống rỗng. Họ buông 1 bức màn lý tưởng ngăn cách cuộc đời với những người đáng lẽ phải trông rõ cuộc đời. Một mặt khác, họ dăng cái cam lớn để bẫy một số đông thanh niên trí-thức. Họ muốn cho

bọn này cái hy vọng hảo huyền là có thể qua cái cửa lớn của triết-học để tiến vào cõi chân lý. Họ phải khó nhọc qua những cửa ngõ chật hẹp của khoa học chuyên-môn. Sự trốn tránh ấy đã tạo nên những bọn nguy tri thừa sống bằng ảo-tưởng, dùng văn-chương để phụng sự triết-lý. Bọn này lạc lõng trong rừng sách, xa lánh hẳn thực tế, lúng túng trong những lưới tư-tưởng mông-mênh. Họ trông cuộc đời qua những khuôn khổ, những danh từ triết-học; họ giải quyết mọi vấn-đề trên mặt giấy, lạnh lùng nhìn những sự đau khổ của đồng loại như những kẻ thoát tục siêu phàm. ...

... *Triết học* là gì của Nghiêm-Tử có thể là lời hiệu triệu để chống lại phong trào « phản tiến hóa » đang xâm chiếm và quyến rũ rất nhiều đầu óc già nua, hoặc đại dốt ở xứ này.

Thượng-Sĩ

(Tin Mới số 1179)

LỜI THỐNG CHẾ PÉTAIN

Vì nghĩa vụ, bản chức phải coi những kẻ buôn thằm bán lén như những người phá hoại sự thống nhất của nước Pháp.

Các bạn đón coi :

Nguyễn Công Trứ (1)

của NG. BÁCH KHOA

Đây là một công trình nghiên cứu và bình luận rất khoa-học của tác giả « NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU » sẽ cho ra mắt bạn đọc

VÀO DỊP TẾT SẮP TỚI



Nguyễn Công Trứ là một nhà nho đủ tư cách để tiêu biểu cho cả một đẳng cấp trong một thời-khoảng lịch sử.

Nguyễn Công Trứ là hiện thân của cái chí nam nhi mà ngày nay các bạn thanh niên tâm huyết hằng ca tụng. Cái chí nam nhi ấy thế nào ? vì đâu mà có ? dùng để làm gì ?

Nguyễn Công Trứ là một người đã chủ trì quan niệm sĩ phiệt rất hăng hái, rất sáng suốt. Quan niệm ấy là quan niệm gì ? đúng hay sai ? có ích hay có hại cho sự tiến thủ của thanh niên ngày nay ?

Nguyễn Công Trứ là một nhà thơ lãng mạn dám đem cái tôi của mình vào văn-chương, vào cuộc sống, vào thời đại. Cái tôi ấy có giá trị gì không ? nó bắt rễ ở đâu ? Nó thế nào ?

(1) Hàn Thuyên xuất bản.

Nguyễn công Trứ là một chính trị gia ý thức đã biểu lộ được đầy đủ cái xu hướng đế quốc của dân tộc Việt-nam về giữa thế kỷ XIX. Xu hướng ấy vì sao mà nảy nở ? Nó đã ảnh hưởng đến sự tiến triển của đất nước ra sao ?

Nguyễn công Trứ là một nhân vật lịch sử rất đặc biệt, ta cần phải nghiên cứu để hiểu và để đánh giá cho công bằng.

NGHIÊN CỨU ĐỂ HIỂU VÀ ĐÁNH GIÁ.
Đó là mục đích của ông Bách Khoa khi viết quyển

Nguyễn Công Trứ

Muốn hiểu cho đúng và đánh giá cho công bình một nhân vật lịch sử, không gì hơn phương pháp khoa học. Mà phương pháp này vốn là khí cụ sở trường của tác giả NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU, thì tất nhiên bạn đọc có thể tin được giá trị của quyển

Nguyễn Công Trứ

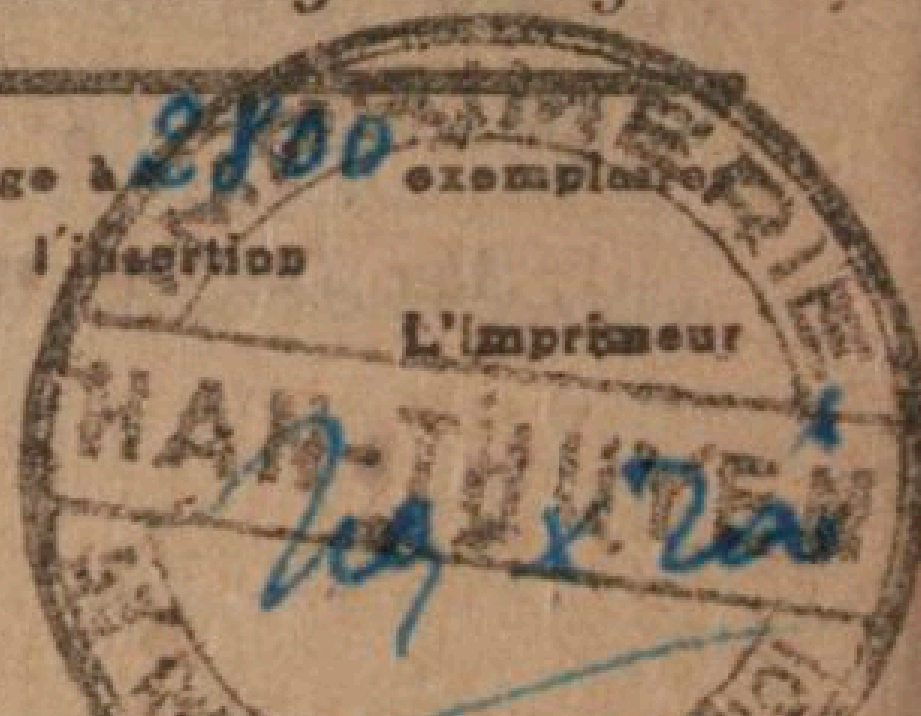
Sẽ có bán vào ngày 23 tháng chạp ở khắp các hiệu sách trong ba kỳ.

Imp. Spéciale du VAN MOI Tirage à 2500 exemplaires

Certifie exacte l'insertion

Gérant DO VAN TRUONG

L'imprimeur



HAN THUYEN

Giam doc : NGUYEN XUAN TAI

ĐÃ XUẤT BẢN

TRƯƠNG TỬU

- Một kiếp đọa đầy (hết)
(tiểu thuyết xã hội)

P. N. KHUÊ

- Một sức khỏe mới (hết)
- Nguồn sinh lực (hết)
- Nghị lực (hết)
- Óc khoa học
- Cải tạo sinh lực
(tiểu luận)

NG. ĐỨC QUỲNH

- Thăng cu So (hết)
- Thăng Phượng (hết)
- Thăng Kinh
(tiểu thuyết giáo dục)
- Gốc tích loài người
- Đời sống thái cổ
- Ai-Cập sử
(nghiên cứu)

ĐỒ PHỒN

- Một chuỗi cười (hết)
(tiểu thuyết trào phúng)

NG. ĐÌNH LẬP

- Ngoại Ô (hết)
- Ngô hẻm
(phóng sự tiểu thuyết)

CHU THIÊN

- Bút nghiên (hết)
(tiểu thuyết về thi cử)

- Lê thánh Tôn
(nghiên cứu lịch sử)

NG. ĐỒNG CHI

- Việt nam cổ văn
học sử (nghiên cứu) (hết)

VI HUYỀN ĐẮC

- Hai vở kịch (hết)
(Kinh Kha và Ông Ký Cóp)

NG. BÁCH KHOA

- Nguyễn Du và
truyện Kiều
- Nhân loại tiến
hóa sử
- Nguồn gốc văn minh
(nghiên cứu)

LÊ VĂN SIÊU

- Thanh niên và
thực nghiệp
- Luân lý thực nghiệp

NGHIÊM TỬ

- Triết học là gì ?

SẮP XUẤT BẢN

NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

- Cận đông cổ sử

NGUYỄN BÁCH KHOA

- Văn minh sử



TỦ SÁCH

«TÂN VĂN HOÁ»

đã xuất bản

— Nhân loại tiến hóa sử (32 quyển trọn bộ)
của NGUYỄN BÁCH KHOA

1.) Tiến hóa luận 1\$80

2.) Nguồn gốc văn minh 2.20

— Lịch sử thế giới (28 quyển trọn bộ)
của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

1.) Gốc tích loài người 1\$80

2.) Đời sống thái cổ 2.20

3.) Thời đại thượng cổ : Ai-cập : 2.50

— Óc khoa học 2\$20 của P. N. KHUÊ

— Triết học là gì ? 2.50 của NGHIÊM TỬ

— Luân lý thực nghiệp 2\$50
của LÊ VĂN SIÊU

— Thân thể và sự nghiệp Lê thành Tông
của CHU THIÊN

sắp xuất bản

— Cận Đông cổ sử của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

— Văn minh sử của NGUYỄN BÁCH KHOA

— Văn học đại cương của ĐẶNG THÁI MAI

Hàn Thuyên, 71 Tien-Tsin, Hanoi